

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Phát hành mỗi kỳ ba tháng/Edition trimestrielle. Số/N.19 07/2004

MÙA VỤ LAN BÁO HIỂU-ULLUMBANA

Ân hiển tức bốn pháp
Minh ám nguyên bất nhị
Kim phó ngộ liễu pháp
Phi thủ diệc phi ly.

Ân hiện tức pháp gốc
Sáng tối vốn không hai
Nay truyền pháp tỏ ngộ
Chẳng lấy cũng chẳng lìa.

Tổ thứ mười hai Tôn Giả Mã Minh

Apparition, disparition sont la base de la doctrine
Lumière et obscurité ne font qu'une
Propager la doctrine de l'illumination
N'est ni prendre ni laisser.

Douzième Patriarche Vénérable Açaghosha

Báo Phật Pháp giúp các bạn nghiên cứu, tìm hiểu,
thâm nhập phần nào trong biển cả Phật pháp.
Cette propagation de l'Enseignement du Bouddha vous
permettra d'étudier et connaître la voie du Bouddha.

□ Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ ba tháng / Edition Trimestrielle.

□ Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Vén. Thích Minh Định.

□ Phụ tá đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Trần Xuân Tiến...

□ Le correcteur des textes en français : Lý Thị Minh Nguyệt.

□ Ban phát hành : Thích Nữ Đàm Như, Bác Nguyễn Quang Lý, Anh Chị Phạm Tấn Lộc, Chú Diệp Văn Thọ, Cô Vi, Cô Hồng, Anh chị Lethong Savanh Hảo, Cô Cẩm Vân, Cô Fahmat Fakine, Cô Nguyễn Thị Kim Liên.

□ Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang / Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.

□ Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.

□ La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.

□ Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.

□ Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny - France
Tel./fax : 01.48.50.98.66
e-mail: kimquang@free.fr
e-mail: kimquangtu@hotmail.com
Homepage : kimquang.free.fr

□ Kinh Hoa Nghiêm	3
□ Kinh Pháp Hoa	6
□ Kinh Lăng Nghiêm	9
□ Chú Lăng Nghiêm	12
□ Chú Đại Bi	14
□ Đại Trí Độ Luận	16
□ Thiên Thất Khai Thị	18
□ Phải lạy Phật trong nội tâm	20
□ Ý Nghĩa Đạo Đức Và Thực Tiễn	22
□ Những Con Trùng Tác Quái . . .	24
□ Bộ Tri Ca Tỉnh Ngộ	25
□ Le Sutra Du Dharma Du Lotus	27
□ Le Sutra Shurangama	30
□ Le Mantra Shurangama	33
□ Le Sutra Grande Compassion	35
□ Le Sutra Du Vajna Prajna	37
□ Le Bouddha Parle Le Sutra . . .	39
□ Prosternons-Nous Devant . . .	41
□ Apparition Des Êtres Malfaisants	43
□ Les Microorganisme Malfaisant	45
□ Le Lotus Pousse Dans La Boue	46
□ Katyana Le Meilleur Orateur	47
□ Les Bonnes Paroles . . .	48
□ Le Souvenir De La Vie . . .	49
□ L'Histoire Du Bouddha	51

KINH HOA NGHIÊM

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Có vô lượng số Vua Trời Biến Tịnh như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều đã an trụ pháp môn rộng lớn, siêng làm lợi ích trong tất cả thế gian.

Mười một vị Vua Trời Biến Tịnh này làm thượng thủ trong chúng Vua Trời Biến Tịnh. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Vua Trời Biến Tịnh.

Những vị Vua Trời Biến Tịnh này, đều đã hoàn toàn an trụ ở trong pháp môn rộng lớn vô ngại, tức là pháp môn tận hư không khắp pháp giới. Luôn luôn giáo hóa, làm lợi ích, khuyến đạo tất cả chúng sinh, không có dừng nghỉ. Các vị này vĩ đại như Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Đại nguyện của Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát :

"Độ hết chúng sinh mới chứng Bồ đề.

Địa ngục chưa trống không, thề không thành Phật".

Lại nói rằng :

"Tôi không vào địa ngục ! Ai vào địa ngục" ?

Tinh thần bỏ mình vì người đó là hành Bồ Tát đạo. Do đó mới được danh hiệu "Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Trí Văn Thù Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát". Đó là hạnh nguyện của bốn vị đại Bồ Tát.

Ở Trung Quốc có bốn đại danh sơn là đạo tràng của bốn vị đại Bồ Tát. Núi Ngũ Đài ở Sơn Tây là đạo tràng của Bồ Tát Văn Thù. Núi Nga Mi ở Tứ Xuyên là đạo tràng của Bồ Tát Phổ Hiền. Núi Cửu Hoa An Vi là đạo tràng của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Núi Phổ Đà ở Triết Giang là đạo tràng của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, trước khi Đức Phật Di Lạc chưa hàng sinh, Bồ Tát Địa Tạng sẽ là giáo chủ lâm thời cõi Ta Bà thế giới. Ở trên là chúng thứ mười Vua Trời Biến Tịnh.

Lại có vô lượng Vua Trời Quảng Quả. Đó là : Vua Trời Ái Lạc Pháp Quang Minh Tràng. Vua Trời Thanh Tịnh Trang Nghiêm Hải. Vua Trời Tối Thắng Huệ Quang Minh. Vua Trời Tự Tại Trí Huệ Tràng. Vua Trời Lạc Tịch Tĩnh. Vua Trời Phổ Trí Nhãn. Vua Trời Lạc Toàn Huệ. Vua Trời Thiện Chủng Huệ Quang Minh. Vua Trời Vô Cấu Tịch Tĩnh Quang. Vua Trời Quảng Đại Thanh Tịnh Quang.

Lại có vô lượng vô biên Vua Trời Quảng Quả. Quảng quả nghĩa là dị sinh thiện quả rộng lớn nhất, tức là cũng nói về quả phàm phu, tu đến cõi trời cao nhất này, chúng sinh sanh về cõi trời này sẽ tránh khỏi tám thứ tai nạn, là cõi trời tịch tĩnh nhất. Cõi trời này gồm có hai đạo là tà và chánh. Chúng sinh tu thiền định phân làm hai thứ : Chúng sinh tu định hữu lậu tức là ngoại đạo, sẽ sinh về trời Vô Tướng (trời Trường Thọ), giống như băng ép cá (băng ở trên mặt nước cá ở dưới đáy), đá đè cỏ, chẳng phải là pháp cứu kính, vẫn còn sinh tử. Chúng sinh tu định vô lậu tức là A La Hán và Bồ Tát, các bậc này sinh về trời Ngũ Bát Hoàn (trời Vô Nhiệt, trời Vô Nảo, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc Cứu Kính). Không còn đầu thai vào dục giới nữa, vì đã đoạn tư hoặc của dục giới, nhưng chưa đoạn hết tư hoặc của sắc giới và vô sắc giới.

Vị Vua Trời thứ nhất tên là Ái Lạc Pháp Quang Minh Tràng. Vì vị này thích pháp lạc, coi pháp quan trọng hơn so với bất cứ thứ gì, tràng của vị này thường phóng quang minh, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ hai tên là Thanh Tịnh Trang Nghiêm Hải. Vì vị này dùng quang minh thanh tịnh để trang nghiêm như đại hải, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ ba tên là Tối Thắng Huệ Quang Minh. Vì huệ của vị này thù thắng nhất, cũng sáng nhất, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ tư tên là Tự Tại Trí Huệ Tràng. Vì trí huệ của vị này tự tại nhất, giống như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ năm tên là Lạc Tịch Tĩnh. Vì vị này thích tịch tĩnh nhất, hoan hỷ nhất là nhập thiền định tam muội, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ sáu tên là Phổ Trí Nhân. Vì vị này có trí huệ nhân chiếu khắp thế gian, khiến cho chúng sinh cũng đắc được trí huệ, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ bảy tên là Lạc Toàn Huệ. Vì vị này luôn luôn hồi quang phản chiếu, quán tự tính trí huệ vốn có, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ tám tên là Thiện Chúng Huệ Quang Minh. Vì vị này khéo trông nhân trí huệ Bồ đề cho nên đắc được quả quang minh, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ chín tên là Vô Cấu Tịch Tĩnh Quang. Vì trí huệ của vị này chẳng có trần cấu, lại thường ở trong định quang, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ mười tên là Quảng Đại Thanh Tịnh Quang. Vì vị này có quang minh thanh tịnh rộng lớn chẳng có biên tế, chiếu khắp mười phương thế giới, cho nên được tên này.

Có bất khả xưng số Vua Trời Quảng Quả như vậy làm thượng thủ, các vị này đều lấy pháp tịch tĩnh mà làm cung điện, an trụ ở trong đó.

Mười vị Vua Trời Quảng Quả này, làm thượng thủ trong chúng Vua Trời Quảng Quả, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Vua Trời Quảng Quả.

Những vị Vua Trời Quảng Quả này, đều dùng pháp tịch tĩnh làm cung điện của họ, an trụ ở trong cung

điện này. Ở trên là chúng thứ mười một Vua Trời Quảng Quả.

Lại có vô lượng số Vua Trời Đại Tự Tại. Đó là : Vua Trời Diệu Diệu Hải. Vua Trời Tự Tại Danh Xưng Quang. Vua Trời Thanh Tịnh Công Đức Nhân. Vua Trời Khả Ái Lạc Đại Huệ. Vua Trời Bất Động Quang Tự Tại. Vua Trời Diệu Trang Nghiêm Nhân. Vua Trời Thiện Tư Duy Quang Minh. Vua Trời Khả Ái Lạc Đại Trí. Vua Trời Phổ Âm Trang Nghiêm Tràng. Vua Trời Cực Tinh Tấn Danh Xưng Quang.

Lại có vô số vô lượng Vua Trời Đại Tự Tại. Đại Tự Tại tiếng Phạn gọi là Ma Hê Thủ La, tự tại nhất trong ba ngàn đại thiên thế giới. Vị Vua Trời này có ba con mắt, tám tay, mỗi tay cầm giữ bảo kế, biến hóa vô cùng. Vị này cỡi con trâu trắng, tay cầm phất trần, cỡi trên lưng trâu, mắt thấu suốt tất cả, cảm thấy mình thanh cao tự tại hơn so với bất cứ ai, thấy các cõi trời khác đều thấp hơn. Vị này trong khoảng một niệm biết số lượng giọt nước mưa trong ba ngàn thế giới. Cõi trời này là trời Ngũ Bất Hoàn, cao nhất trong các cõi trời Sắc Cứu Kỉnh. Cõi trời này chúng sinh tam quả A La Hán và bậc Bồ Tát Thập Tín ở. Những bậc lợi căn, trực tiếp ra khỏi tam giới, chúng quả vị vô học (tứ quả A La Hán hoặc Bát Địa Bồ Tát), Những kẻ độn căn, còn phải đến vô sắc giới (chẳng còn dâm dục, chẳng có thân thể, chỉ có tư tưởng) tu Tứ Không Định, sau đó mới ra khỏi tam giới, chấm dứt phần đoạn sinh tử.

Vị Vua Trời thứ nhất tên là Diệu Diệu Hải. Vì vị này phóng ra lửa ngọn không thể nghĩ bàn, vô lượng vô biên giống như biển cả, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ hai tên là Tự Tại Danh Xưng Quang. Vì vị này vừa tự tại vừa có thanh danh, do đó mà vang danh khắp nơi, quang minh chiếu khắp, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ ba tên là Thanh Tịnh Công Đức Nhân. Vì vị này tu pháp môn thanh tịnh, đắc được công đức hơn hẳn các Vua Trời khác vạn phần, nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ tư tên là Khả Ái Lạc Đại Huệ. Vì vị này có trí tuệ rộng lớn khả ái khả lạc, chúng sinh thấy được vị này cũng đắc được trí tuệ như thế, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ năm tên là Bất Động Quang Tự Tại. Vì vị này ở trong định luôn luôn quán tự tại, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ sáu tên là Diệu Trang Nghiêm Nhãn. Vì vị này có ngàn tay ngàn mắt, để trang nghiêm diệu nhãn, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ bảy tên là Thiện Tư Duy Quang Minh. Vì vị này không khởi vọng tưởng, nhất tâm tư duy quang minh, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ tám tên là Khả Ái Lạc Đại Trí. Vì vị này có trí đại Bát Nhã đáng thích đáng ưa, nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ chín tên là Phổ Âm Trang Nghiêm Tràng. Vì âm thanh của vị này đều nghe được khắp hết, dùng để trang nghiêm tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ mười tên là Cực Tinh Tấn Danh Xưng Quang. Vì vị này dũng mãnh tinh tấn nhất, danh xưng quang minh chiếu khắp, ai ai cũng biết, cho nên được tên này.

Có vô số bất khả danh xưng Vua Trời Đại Tự Tại như vậy làm thượng thủ, các vị này đều siêng quán sát pháp vô tướng, các hạnh đều bình đẳng.

Mười vị Vua Trời Đại Tự Tại này, đều làm thượng thủ trong chúng Vua Trời Đại Tự Tại. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên nhiều nói không hết được.

Những vị Vua Trời Đại Tự Tại này, đều luôn luôn quán sát pháp vô tướng người không pháp không. Vô tướng tức là không tướng ta, không tướng người, không thấy tướng chúng sinh, không thấy tướng thọ mạng. Tu pháp quán sát tư duy. Tu pháp này chẳng còn tướng ta, thì chấp ta tức không, chẳng còn tướng người thì chấp pháp tức không, chẳng còn tướng chúng sinh thì chấp chúng sinh tức không, chẳng còn tướng thọ mạng thì chấp tướng thọ cũng không. Vì vô tướng, cho nên chẳng tranh ta người. Nếu chẳng tranh ta người thì chẳng còn thấy ta người và thấy thị phi. Các pháp hành đều là bình đẳng. Trên đây là chúng thứ mười hai Vua Trời Đại Tự Tại.

Ở trên đã giảng năm chúng thuộc về sắc giới, tức là trời Sơ Thiên, trời Nhị Thiên, trời Tam Thiên, trời Tứ Thiên, trời Ngũ Bất Hoàn. Các Vua Trời ở mỗi cõi trời đều là cảnh giới của Bồ Tát thị hiện. Cảnh giới này chẳng phải phạm phu đo lường minh bạch được, cõi trời Quảng Quả và trời Đại Tự Tại đều là nơi trụ xứ của Bồ Tát Thất địa và Bồ Tát Bát địa, cho nên mới hành được pháp bình đẳng, lợi ích thế gian. Mỗi vị Vua Trời đều tu trì đức hạnh cho chính mình.

Những Kinh văn đã giảng ở trên là khen ngợi đức hạnh của các Ngài. Nếu giảng tỉ mỉ thì thần thông diệu dụng của mỗi vị Vua Trời đều không thể nghĩ bàn. Bây giờ chỉ là tuyển chọn những vị có đức hạnh để nói. Bỏ lại thì thần thông của những vị Vua Trời này đều hổ tương đầy đủ. Nhưng bây giờ là chiếu theo sự tu trì đặc biệt sở trường của các Ngài, hoặc là đức hạnh, do đó mà các vị này được tên. (còn tiếp)

KINH ĐIỀU PHÁP LIÊN HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Điều Tàn Tam Tạng Pháp Sư Cư Ma La Thập

Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Giảng giải :

Bồ Tát Bảo Chương. Bảo là bảo bối, cũng là Pháp bảo. Chương là bàn tay. Bồ Tát có khi lấy hạnh môn của Ngài tu mà làm tên, có khi lấy đức hạnh để làm tên, có khi dùng nguyện lực để làm tên. Bàn tay của vị Bồ Tát Bảo Chương này có đủ thứ Pháp bảo. Pháp bảo thứ nhất trên tay của Ngài là châu như ý, châu như ý này là toại tâm như ý, chẳng có sở cầu gì mà chẳng được. Tay thứ hai là Quyên Tố Thủ, tay thứ ba là Bảo Bát Thủ, thứ tư là Bảo Kiếm Thủ, thứ năm là Bạt Triết Thủ, thứ sáu là Kim Cang Xử Thủ, thứ bảy là Thí Vô Úy Thủ. Thí Vô Úy Thủ này của Ngài, chẳng sợ hãi bất cứ những gì. Vị Bồ Tát Bảo Chương này, khi tại nhân địa thì tu ngàn tay ngàn mắt, bốn mươi hai tay và mắt của Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên đặc được bảo chương. Vì trong bàn tay của Ngài đầy đủ tất cả Pháp bảo cho nên gọi là Bồ Tát Bảo Chương.

Bồ Tát Dược Vương. Trong Kinh Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị Thánh thuật lại sự chứng đắc của mình, trong đó có Dược Vương và Dược Thượng hai vị Bồ Tát này. Vị Bồ Tát này có một đoạn nhân duyên như vậy : Trong quá khứ có vị Chuyển Luân Thánh Vương có một ngàn vương tử. Một ngàn vương tử cùng phát tâm xuất gia, tức là một ngàn vị Phật của kiếp Hiền này. Đức Phật Thích Ca là vị Phật thứ tư trong kiếp Hiền. Vị Chuyển Luân Thánh Vương có riêng một bà thiếp phi sinh được hai người con, người con lớn phát nguyện : muốn hộ trì pháp của một ngàn người anh, mỗi một vị Phật ra đời, Ngài đều hộ pháp. Người con thứ hai thấy người anh phát nguyện làm hộ pháp, thì Ngài phát nguyện : khi một ngàn người anh thành Phật, thì bất cứ vị nào thành Phật, Ngài đều muốn đến cúng dường Phật trước nhất. Khi Phật trụ thế thì Ngài luôn luôn đến cúng dường. Chẳng phải chỉ cúng dường một người anh, mà là một ngàn người anh thành Phật thì Ngài đều đến cúng dường. Khi Phật nhập Niết Bàn rồi, đến thời kỳ mạt pháp, thì Ngài lại phát nguyện cứu độ

chúng sinh, dùng đủ thứ thuốc để chữa bệnh cho chúng sinh. Bất cứ nạn lửa, đao binh, nạn nước, nạn ôn dịch, Bồ Tát Dược Vương đều phát nguyện, đến cứu độ tất cả chúng sinh, có những bệnh khổ tai nạn này. Đó là nhân duyên quá khứ của Bồ Tát Dược Vương.

Bồ Tát Dược Vương chuyên môn chữa bệnh cho chúng sinh, Ngài không những chữa thân bệnh mà cũng chữa tâm bệnh cho chúng sinh. Thân tâm của chúng sinh bệnh đều chữa khỏi mới có thể tu hành.

Bồ Tát Dũng Thí. Dũng là dũng mãnh. Thí là bố thí. Bố thí phải có tâm dũng mãnh, mới bố thí được, nếu chẳng có tâm dũng mãnh, thì chẳng bố thí được. Trong lục độ vạn hạnh, bố thí là hàng đầu, trong vạn hạnh, lấy lục độ làm chủ thể, lục độ lấy bố thí làm chủ thể. Cho nên Chúng ta hành bố thí, tức là bao quát lục độ vạn hạnh.

Bố thí phải có tâm dũng mãnh, công đức bố thí thật là không thể nghĩ bàn. Vì khi bạn bố thí thì dùng tinh thần không thể nghĩ bàn để bố thí, cho nên quả báo đặc được cũng không thể nghĩ bàn. Chúng ta hành bố thí thì tốt lắm, song, nếu nghĩ đến chính mình : "Nếu mình đem tiền bố thí cho người thì còn đâu mà mua sắm ? Nếu đem quần áo ra bố thí thì mình lấy gì mặc ? Nếu đem nhà cửa bố thí thì mình lại ở đâu ?" Đó tức là chẳng có tâm dũng mãnh. Một khi mà nghĩ đến cái ta thì chẳng bố thí được. "Nếu đem đồ ăn uống bố thí cho người ta thì mình lại ăn cái gì ?" Nếu nghĩ đến chính mình thì tâm dũng mãnh tiêu tan mất, hơn nữa cũng chẳng còn tinh thần bố thí. Nhưng Bồ Tát Dũng Thí, khi Ngài bố thí thì chẳng suy nghĩ đắn đo gì cả. Ngài thấy người nào đó gặp khó khăn thì giúp đỡ họ, đem quần áo, đem thức ăn của mình bố thí được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu, nghĩa là làm hết khả năng. Vì Bồ Tát Dũng Thí dũng mãnh nhất về bố thí, dũng

về bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy, cho nên gọi là Bồ Tát Dũng Thí.

Bồ Tát Bảo Nguyệt. Bồ Tát này dùng bảo nguyệt làm danh hiệu.

Bồ Tát Nguyệt Quang. Vị Bồ Tát này dùng ánh sáng của mặt trăng làm danh hiệu. Ánh sáng của mặt trăng diệt trừ tất cả đen tối ban đêm.

Bồ Tát Mãn Nguyệt. Vị Bồ Tát này công đức như trăng rằm. Các vị Bồ Tát trên đây rất nghiêm trì giới luật, do đó : "Nghiêm trì Tỳ ni, hoành phạm tam giới, năng ư quốc độ, thành tựu oai nghi". Tỳ ni tức là giới luật. Các Ngài nghiêm trì giới luật quang minh như bảo nguyệt, viên mãn, làm đại mô phạm cho ba cõi, làm khuôn mẫu. Cho nên Bồ Tát Bảo Nguyệt, Bồ Tát Nguyệt Quang, Bồ Tát Mãn Nguyệt, trì giới tinh tấn như trăng rằm, thân miệng thanh tịnh không tì vết.

Bồ Tát Đại Lực. Vị Bồ Tát này sức lực mạnh vô cùng, không kém sức lực so với Bồ Tát Đắc Đại Thế.

Bồ Tát Vô Lượng Lực. Bồ Tát Việt Tam Giới. Hai vị Bồ Tát này vượt qua khỏi dục giới, sắc giới, vô sắc giới (ba cõi). Làm thế nào vượt qua ? Vì có đại lực, có vô lượng lực. Ba vị Bồ Tát Đại Lực, Vô Lượng Lực, Việt Tam Giới đều tu cùng một hạnh môn, đó là hạnh môn tinh tấn Ba La Mật, dũng mãnh tinh tấn tiến về trước, cho nên ba danh hiệu đều như nhau. Đại Lực tức là Vô Lượng Lực, Vô Lượng Lực cũng tức là Việt Tam Giới. Nếu các Ngài chẳng có đại lực, vô lượng lực thì cũng không thể vượt qua khỏi ba cõi. Tại sao tu tinh tấn Ba La Mật ? Vì đều đắc được đại lực, vô lượng lực, đắc được dũng mãnh vượt qua ba cõi. Cho nên các Ngài luôn luôn tinh tấn chẳng giải đãi, đều tiến về trước, đó là nguyên do danh hiệu của ba vị Bồ Tát này.

Bồ Tát Bạt Đà Bà La. Bạt Đà Bà La dịch là "Hiền thủ, Hiền hộ". Hiền Thủ : Vị Bồ Tát này đứng đầu trong hiền chúng, làm thượng tọa ở trong chúng Bồ Tát. Ngài là đại Bồ Tát trong chúng Bồ Tát. Hiền Hộ : Ngài là một vị Bồ Tát hộ trì chúng sinh trong Thánh hiền.

Bồ Tát Di Lạc. Ngài còn gọi là Bồ Tát A Dật Đa. Di Lạc dịch là "Tự Thỉ". A Dật Đa dịch là "Vô Năng Thắng", bất cứ thiên ma ngoại đạo nào, cũng không thắng qua Ngài được. Ngài hiện nay ở nội viện cung trời Đâu Suất. Ngài tu từ tâm tam muội, tức cũng là

tu nhẫn nhục tam muội, đối với tất cả chúng sinh đều có tâm từ bi, cho nên mỗi chúng sinh nào thấy Ngài đều phát sinh tâm từ bi.

Bồ Tát Di Lạc tương lai sẽ thay thế Đức Phật Thích Ca làm giáo chủ cõi Ta Bà này. Tương lai khi nào sẽ thay thế ? Có một số ngoại đạo nói : Bồ Tát Di Lạc đã ra đời. Đó là nói lời mộng mị ! Đức Phật Thích Ca nói rất rõ ràng, tại thế giới này (Hiền kiếp), mỗi một trăm năm thì thân người bớt xuống một tất, tuổi thọ cũng giảm xuống một tuổi, giảm đến tuổi thọ của con người chỉ còn mười tuổi thì ngừng. Lúc đó lại bắt đầu tăng lên, cũng trải qua một trăm năm thì thân người cao thêm một tất, tuổi thọ cũng tăng thêm một tuổi, đến khi tuổi thọ của con người tám vạn bốn ngàn tuổi, thì lại bắt đầu giảm xuống, giảm đến tuổi thọ còn tám vạn tuổi thì Bồ Tát Di Lạc mới xuất hiện ra đời, giáo hóa chúng sinh. Lúc đó tức cũng là Long Hoa tam hội. Cho nên hiện tại ngoại đạo chẳng hiểu Phật pháp nói cuồng nói bậy.

Hiện tại tuổi thọ của con người khoảng sáu, bảy mươi tuổi, vậy khi tuổi thọ con người giảm xuống còn mười tuổi thì bạn tính xem thời gian còn dài bao lâu ? Sau đó mới tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi, lại dài bao lâu ? Sau đó giảm xuống còn tám vạn tuổi thì Bồ Tát Di Lạc mới ra đời. Cho nên những tà môn ngoại đạo cứ nói lời mộng mị.

Bồ Tát Bảo Tích. Vị Bồ Tát này tích lũy rất nhiều bảo vật, tích lũy vô lượng vô biên công đức. Công đức cũng như bảo vật, như Pháp bảo.

Bồ Tát Đạo Sư. Đạo Sư là gì ? Là thầy dẫn đường. Ngài làm đạo sư dẫn đường chúng sinh, tiếp dẫn chúng sinh, tức là hướng dẫn người trở về con đường chánh, trở về Phật đạo. Hướng dẫn ai ? Hướng dẫn người bị đọa địa ngục. Người đọa địa ngục chịu vô lượng sự khổ, chẳng biết phát bồ đề tâm, cũng chẳng biết sám hối. Cho nên Bồ Tát Đạo Sư dùng đủ thứ phương tiện pháp môn, để dẫn đường chỉ lối cho họ, dạy họ phát bồ đề tâm, đi trên đường giác ngộ.

Các vị đại Bồ Tát như vậy gồm tám vạn người tụ hội. Những vị đại Bồ Tát như đã nói ở trên có tám vạn người cùng tụ hội.

Lúc đó, Thích Đề Hoàn Nhân và quyến thuộc hai vạn Thiên Tử đều tụ hội. Lại có Thiên Tử Minh Nguyệt, Thiên Tử Phổ

Hương, Thiên Tử Bảo Quang. Bốn vị Đại Thiên Vương và quyền thuộc, một vạn thiên tử đều tụ hội. Thiên Tử Tự Tại, Thiên Tử Đại Tự Tại và quyền thuộc ba vạn Thiên Tử đều tụ hội.

Lúc đó là lúc đương thời, tức là lúc Đức Phật nói bộ Kinh Pháp Hoa này. Đương lúc đó, có tám vạn Bồ Tát cùng đến pháp hội đạo tràng. Tám vạn vị Bồ Tát này đều là đại Bồ Tát, đều là con của Phật. Phật là đấng Pháp Vương, Bồ Tát là Pháp Vương tử, nghĩa là con của đấng Pháp Vương. Cho nên trong Kinh A Di Đà có nói : Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương tử. Những vị đại Bồ Tát ở trong Kinh Pháp Hoa này đều là Pháp Vương tử.

Phật có ba hạng con :

1. **Chân tử** : Tức là Bồ Tát Pháp Vương tử. Các Ngài là quyền thuộc bên ngoài của Phật, hộ trì Phật ở bên ngoài.

2. **Nội tử** : Tất cả Tỳ Kheo và A La Hán đều là nội tử của Phật.

3. **Ngoại tử** : Tất cả phàm phu chúng sinh cũng đều là con của Phật, bất quá là ngoại tử của Phật, ở bên ngoài Phật pháp, chưa học tập Phật pháp; tuy nhiên họ học tập Phật pháp, nhưng chưa chứng quả, vẫn ở địa vị phàm phu, chưa đạt đến địa vị Thánh Hiền, cho nên gọi là ngoại tử. Ba hạng con của Phật bao quá Bồ Tát, A La Hán và sáu nẻo chúng sinh. Ba cõi Thánh và sáu cõi phàm hợp lại là chín pháp giới chúng sinh.

Thích Đề Hoàn Nhân : Là tiếng Phạn, dịch là Năng Tác. Năng là cái gì ? Được làm Chúa trời. Thích Đề Hoàn Nhân tức là Chúa trời mà một số người xưng bái. Thích Đề Hoàn Nhân ở trong Chú Lăng Nghiêm tức là Nhân Đà La Gia, Nam mô Nhân Đà La Gia. Nhân Đà La Gia tức cũng là Thích Đề Hoàn Nhân, làm chủ chư Thiên cõi trời Tam Thập Tam (trời Đao Lợi), tức cũng là Ngọc Hoàng Đại Đế mà một số người xưng kính. Tuy nhiên ông ta làm hoàng đế trên cõi trời, nhưng còn ở trong pháp giới của sáu cõi phàm, chẳng phải là Thánh Hiền. Cho nên Thích Đề Hoàn Nhân là hộ pháp ở trong Phật giáo.

Thích Đề Hoàn Nhân và quyền thuộc hai vạn người đều cùng đến hội Pháp Hoa. Còn có Thiên Tử Minh Nguyệt, vị Thiên Tử này như trăng sáng, khiến cho người thấy được thì tâm rất mát mẻ. Lại có Thiên Tử

Phổ Hương, Thiên Tử này thích mùi hương, trên thân thường tỏa ra hương thơm, huân khắp pháp giới. Lại có Thiên Tử Bảo Quang, vị Thiên Tử này thích bảo vật, trên thân có quang minh báu. Thiên Tử Phổ Hương biết tất cả chúng sinh, cũng đều thích hương thơm, do đó phóng ra một mùi hương khắp thế giới, để trừ khử mùi hôi thối. Nếu chẳng phải vị Thiên Tử này phóng ra hương thơm, thì chúng ta ở thế giới này hôi thối không thể tả. Thiên Tử Bảo Quang cũng biết tất cả chúng sinh đều có tâm tham, thích bảo vật quý giá, cho nên vị này phóng ra bảo quang, làm thỏa mãn nguyện vọng của chúng sinh. Thỏa mãn nguyện vọng thì phát bồ đề tâm. Hai vị Thiên Tử này chẳng phải chỉ có mình thích hương thơm và bảo vật, mà là vì tất cả chúng sinh đều thích hương thơm và bảo vật, cho nên hai vị này phóng ra hương thơm và bảo quang, làm mãn nguyện tâm nguyện của chúng sinh, cũng khiến cho chúng sinh trên thế gian đều thức tỉnh, gặp cảnh giới không thể nghĩ bàn này, mà phát tâm bồ đề vô thượng. Hương là trì giới thanh tịnh, bảo là bố thí vô tướng.

Lại có bốn vị Đại Thiên Vương. Phương đông Trì Quốc Thiên Vương, phương nam Tăng Trưởng Thiên Vương, phương tây Đa Văn Thiên Vương, phương bắc Quảng Mục Thiên Vương. Tứ Đại Thiên Vương ở giữa núi Tu Di, các Thiên Vương này đều bảo hộ tất cả chúng sinh ở thế giới này, cho nên gọi là bốn ông vua trời hộ đời. Bốn vị Thiên Vương này cùng với quyền thuộc một vạn người đều đến hội Pháp Hoa.

Lại có Thiên Tử Tự Tại, vị Thiên Tử này tự tại vô cùng, ở trên cõi trời Hóa Lạc. Sự khoái lạc ở cõi trời Hóa Lạc do biến hóa mà có, sự khoái lạc ở cõi trời khác, họ có thể biến hóa ra ở cõi trời của họ để hưởng thụ. Thiên Tử Đại Tự Tại, tức là Thiên Tử Tha Hóa Tự Tại. Sự khoái lạc của họ chẳng phải ở cõi trời của họ, mà là do các cõi trời khác rồi họ biến hóa ra. Vị Thiên Tử này cùng với quyền thuộc ba vạn Thiên Tử, đều cùng đến pháp hội Pháp Hoa. (còn tiếp)

KINH LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Tiếp theo kỳ trước

Đúng vậy! Tất cả mọi người đều là Phật, như Đức Phật Thích Ca đã từng nói:

“Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh,

giai kham tác Phật.”

(Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, và đều có thể làm Phật.)

Thế nhưng, chúng ta không thể nói: “Tôi là Phật, bởi ‘tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể làm Phật.’ Đức Phật nói tôi là Phật, thì tôi chính là Phật rồi! Tôi không cần phải tu hành nữa.” Quý vị không tu, thì như cái mỏ vàng kia, tuy quý vị biết đó là mỏ vàng, nhưng nếu không ra sức khai thác, thử hỏi quý vị có thể lấy được vàng không? Hẳn nhiên là không! Vì vậy, mọi người đều phải chăm chỉ tu tập!

Vừa rồi là nói về Lục độ. “Lục độ” còn gọi là Lục Ba la mật. Thế thì “Ba la mật” nghĩa là gì?

“Ba la mật” là tiếng

Phạn và ngụ ý là sự thành công rốt ráo. Việc gì thành công, viên mãn rồi, thì gọi là Ba la mật. Quý vị muốn học Phật để rốt ráo thành Phật, thì thành Phật tức là Ba la mật. Quý vị học Đại học mong lấy được học vị Tiến sĩ, thì đậu Tiến sĩ là Ba la mật. Bụng đói cồn cào nên muốn ăn cơm, thì ăn no rồi là Ba la mật. Quý vị muốn ngủ, bèn nằm xuống ngủ một giấc, đó cũng là Ba la mật.

Nhẫn nhục là Ba la mật, tinh tấn cũng là Ba la mật, thiền định, bố thí, trì giới, Bát nhã—tất cả đều là Ba la mật. Làm xong công việc gì một cách thành công, viên mãn, thì đều gọi

là Ba la mật. Theo tiếng Trung Hoa, “ba la” tức là trái khóm, và “mật” là mật đường, hàm ý ngọt ngào. Vì thế, có thể nói rằng hoàn tất công việc gì đó một cách viên mãn, hoặc nếm được vị ngọt của trái cây rồi, thì đều gọi là “Ba la mật.”

Vậy, trên đây là nói về Lục độ Ba la mật, những hạnh môn mà bậc Bồ tát hành trì.

Mỗi người đều có thể học Bồ tát phát tâm, tu hạnh Bồ tát, làm việc Bồ tát—đó là Bồ tát sơ phát tâm. Bồ tát thì không ích kỷ, không bao giờ nói rằng: “Chỉ có ta mới được làm Bồ tát! Người không thể làm Bồ tát, người không thể so sánh được với ta.” Không phải vậy! Không những chúng ta có thể làm Bồ tát, mà còn có thể làm Phật nữa. Mọi người đều có thể làm Phật. Tôi tin rằng mỗi người hiện có mặt tại đây, nhất là những người đã từng nghiên cứu Phật học lâu năm, đều biết rằng mình có thể thành Phật, nên tôi không nói nhiều về điều đó.

Phật khác với ma là Phật có tâm đại từ bi, không đố kỵ, tranh hơn thua.

“Thủ Lăng Nghiêm.” Nay giảng đến chữ “Thủ Lăng Nghiêm.” “Thủ” có nghĩa là đệ nhất, hàng đầu, đầu của sự việc. Đầu một việc là gì? Là Lăng Nghiêm. “Lăng Nghiêm” (Shurangama) là tiếng Ấn Độ, Hán dịch là “nhất thiết sự cứu cánh kiên cố.”

“Nhất thiết sự” là gì? “Nhất thiết sự” tức là tất cả mọi sự việc. Tất cả sơn hà đại địa, nhà cửa phòng ốc, tất cả người, vật, các loài noãn thai thấp hóa, các loại vấn đề, các thứ đạo lý... --hết thảy đều được bao gồm trong “nhất thiết sự.” “Nhất thiết sự” có thể triệt để kiên cố, tức có thể đắc được bản thể của

định, đặc được định của “mật nhân.” Phải đặc được định của “mật nhân” thì mới có thể chứng đắc “liễu nghĩa.”

Chứng đến trình độ liễu nghĩa rồi, nếu lại tu Lục độ Vạn hạnh của hàng Bồ tát, thì đặc được đại hạnh. Đặc đại hạnh rồi sau đó thành tựu quả của đại định “nhất thiết sự cứu cánh kiên cố,” tức là được đại quả. Vậy, “Đại Phật Đảnh” này chính là “đại nhân, đại nghĩa, đại hạnh, đại quả.” Do đã đạt được chỗ vi diệu của bốn loại “đại” này, nên lại có thể gọi là diệu nhân, lại có thể gọi là diệu nghĩa, lại có thể gọi là diệu hạnh, lại có thể gọi là diệu quả. Tuy bốn thứ “nhân, nghĩa, hạnh, quả” đều đặc được chữ “diệu” rồi, song chữ “diệu” vẫn không thể hoàn toàn thay thế trọn vẹn bốn ý nghĩa trên, nên dùng chữ “đại” vậy.

“Nhất thiết sự cứu cánh kiên cố” là định. “Định” thì khác với “bất định”; “định” và “bất định” là hai thứ không giống nhau. Thế nào gọi là “bất định”? Như chúng ta muốn làm một việc gì mà do dự, không quyết định dứt khoát, trong lòng thì muốn đi tới hướng nam, nhưng chân lại không nghe lời, cứ theo hướng bắc mà đi; hoặc tâm tâm thì muốn làm việc tốt nhưng không tự chủ được, nên bị lôi cuốn theo việc xấu—như thế gọi là “bất định,” do dự bất định. Cũng như thế, nếu làm việc mà không có hăng tâm, thì sẽ không kiên cố, lâu dài. “Hăng tâm” chính là cái tâm thường hăng bất biến.

Vì thế, nay chúng ta học *Kinh Lăng Nghiêm*, mọi người cần hội đủ ba điều kiện là kiên, thành, hăng.

1) Kiên. “Kiên” là kiên cố, vĩnh viễn bất biến. Chẳng hạn nói: “Tôi quyết học *Kinh Lăng Nghiêm*, bất luận khó khăn đến đâu đi nữa, tôi cũng học cho đến khi nào hiểu được các đạo lý trong kinh mới thôi!” Quý vị không thể “giữa đường mà đánh trống rút lui,” không thể mới đi được nửa đường mà lại bỏ cuộc.

Có người nói: “Học suốt mấy ngày trời mà cũng chưa hiểu được. A! Khó quá, thôi, không

học nữa!” Đó gọi là “bán đồ nhi phế,” nửa đường bỏ phế, dở dang; chứ không phải là kiên cố.

2) Thành. “Thành” là thiết tha thành khẩn, niệm niệm không quên. Quý vị học tập kinh điển thì cần phải “phát phần vong thực,” vui mà quên lo: “Tôi quyết chí đến đây học *Kinh Lăng Nghiêm*, tôi nhất định học cho tới nơi tới chốn. Tôi nằm đó nhưng không ngủ, lúc này tôi không nghĩ tới điều gì khác ngoài những đạo lý nghe được trong kinh!”

3) Hăng. “Hăng” là hăng viển, không đổi dời. Quý vị không nên mới học được hai hoặc ba ngày là đã đổi ý, muốn rút lui: “Chao ôi, kinh này khó hiểu quá! Phật pháp thật là khô khan vô vị, học tới học lui cũng không thấy có gì hứng thú. Thôi, mình đến công viên hoặc là chỗ nào khác chơi cho xong. Nghiên cứu kinh điển không có thực dụng; nay là thời đại của khoa học kỹ thuật, mà cứ nghiên cứu các thứ xưa rích này, thật không có thú vị gì cả!”; bởi như thế là không có hăng tâm.

Không có hăng tâm thì không phải là “cứu cánh kiên cố.” Có hăng tâm chính là cứu cánh kiên cố, có thành tâm cũng chính là cứu cánh kiên cố. Quý vị có tâm kiên cố thành khẩn và tâm hăng viển thì càng là “cứu cánh kiên cố.” Không vì hoàn cảnh làm cho thay đổi chuyển dời, đó chính là định lực vậy.

Trên đây là ý nghĩa khái quát của mười chín chữ trong phần biệt danh của bộ kinh này. Bây giờ tôi sẽ giải thích chữ “kinh,” thông danh của mọi kinh điển.

“**Kinh.**” “Kinh,” tiếng Ấn Độ gọi là Tu đa la (Sutra), Trung Hoa dịch là “khế kinh.” “Khế” là khế hợp—trên thì khế hợp với giáo lý của chư Phật, dưới thì khế hợp với căn cơ của chúng sanh—phàm là “khế lý, khế cơ” thì gọi là “kinh.”

“Kinh” có nghĩa là gì? “Kinh” là con đường.

Tại sao gọi là “con đường”? Tất cả kinh điển đều có thể giúp chúng ta từ phàm phu đạt đến các quả vị Thánh nhân và quả vị Phật, cho nên “kinh” ví như con đường vậy.

“Kinh” có bốn ý nghĩa, trước kia tôi đã giảng rồi, nhưng có nhiều người chưa được nghe qua, nay tôi sẽ giảng lại. Bốn ý nghĩa đó là: 1) Quán; 2) Nhiếp; 3) Thường; và 4) Pháp.

1) Quán. “Quán” là “quán xuyên sở thuyết nghĩa”—những nghĩa lý mà Phật thuyết ra được nối kết trong kinh giống như dùng một sợi dây khâu kết lại thành chuỗi vậy.

2) Nhiếp. “Nhiếp” là “nhiếp trì sở hóa cơ.” “Cơ” nghĩa là gì? Đó là đối với chúng sanh nào thì thuyết pháp gì cho thích hợp, thuyết pháp gì thì độ được chúng sanh nào; cho nên nói: “Tùy người thí giáo, tùy bệnh cho thuốc.” Vì người này nên thuyết pháp này, đó gọi là “tùy người thí giáo.” “Tùy bệnh cho thuốc,” tức là thấy chúng sanh mắc bệnh gì thì cho thuốc trị bệnh đó. Như thế cũng gọi là “quán cơ độ giáo,” xét theo căn cơ mà thuyết giảng giáo pháp thích ứng.

3) Thường. “Thường” là gì? “Cổ kim bất biến viết thường”—xưa nay không thay đổi gọi là “thường.” Kinh điển thì từ xưa đến nay không hề thay đổi, một chữ cũng không bỏ, một chữ cũng không thêm; vì không thay đổi nên gọi là “thường.”

4) Pháp. Còn “pháp” nghĩa là gì? “Tam thế đồng tuân viết pháp.” Tam thế là ba đời—đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai. Chúng sanh trong ba đời đều phải tuân theo giáo pháp trong kinh mà tu Đạo, mà thành Phật, mà giáo hóa chúng sanh—tất cả đều phải y theo pháp mà làm. Bởi đây đủ bốn ý nghĩa “quán, nhiếp, thường, pháp” nên gọi là “kinh.”

“Kinh” ví như cục nam châm có khả năng hút sắt. Chúng sanh ví như thỏi sắt, sắt gặp phải nam châm liền bị hút vào—đó là ý nghĩa của chữ “nhiếp” vừa nói ở trên.

Phật pháp ví như khối nam châm, chúng sanh ví như thỏi sắt. Nam châm hút sắt tức là thu hút, lôi kéo thỏi sắt về phía cực nam châm. *Kinh Lăng Nghiêm* có thể gọi là “cực nam châm” Lăng Nghiêm. Thường thì cục nam châm rất kiên cố, nhưng *Kinh Lăng Nghiêm* thì kiên cố hơn thế nữa—hễ đã “hút” chúng sanh nào rồi thì chúng sanh ấy không còn đọa lạc, không bị sa địa ngục, không phải làm ngạ quỷ, cũng chẳng phải làm súc sanh nữa. Tại sao vậy? Vì đã được đại định kiên cố “hút” chặt, muốn chạy cũng chạy không được, muốn thoát cũng thoát không xong. Thật là vô cùng huyền diệu!
(còn tiếp)

CHÚ LẶNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

C húng ta cảm thấy trên thế gian, gì cũng là thật, đó chính là tự mình gạt mình. Những gì trên thế gian này đều là hư vọng vô thường, vì vậy cho nên có sinh già bệnh chết, có người sinh rồi, chưa già đã chết, có người đợi đến già mới chết, có người già rồi lại có bệnh mới chết, có người già rồi không có bệnh mà chết, không tật mà chết. Phương pháp chết không giống nhau, cảnh giới mỗi người cũng không giống nhau. Sinh, già bệnh chết của mỗi người cũng không giống nhau. Có người bệnh rất lâu mới chết, có người chẳng có bệnh hoạn gì thì chết, buồn vui hợp tan, đến lúc chia ly cách biệt thì buồn rầu, hợp thì vui vẻ, đó đều bị cảnh giới lay chuyển. Chúng ta phải nhìn xuyên thủng, buông xả, không bị lưới thế gian trói buộc. Lúc nào cũng nghĩ : "Đừng trói chặt chính mình, phải giải thoát, thì gì cũng đều chẳng chấp trước, hết thấy không chấp trước là một thứ pháp môn rất diệu vô cùng". Ai đối với mình tốt cũng được, ai đối với mình không tốt cũng được, không bị cảnh giới thuận nghịch làm giao động, phải nhận diện cảnh giới, đừng tùy theo cảnh mà thay đổi. Nhưng nói là nói, đến khi cảnh giới đến thì đa số đều nhìn không thấu, tốt nhất là học trẻ con, chẳng có một chút ưu sầu phiền não, rất chân thật tự tại, đến lúc ngủ thì ngủ, đến lúc ăn thì ăn, đến lúc chơi thì chơi, đó là tâm của trẻ con, đến khi trưởng thành thì chẳng giống, có nhiều phiền não, muốn đừng có nhiều phiền não thì phải nhìn xuyên thủng tất cả, buông xả tất cả thì mới đắc được tự tại.

Ngày nào không có lỗi để sửa thì ngày đó chưa lập được công. Thực hành năm mươi năm, mới biết bốn mươi chín năm là sai lầm. Chúng ta phải sửa lỗi lập công tích đức, sửa lỗi tức là trong quá khứ không đúng, nhất định phải sửa đổi, đừng che dấu tội lỗi của mình, nếu không thì chẳng có gì tiến bộ. Nghĩa là tội lỗi của những năm qua thì

phải sửa đổi lỗi làm mới, chúng ta phải tìm phương pháp tự sửa đổi, nghĩ muốn thế giới sửa đổi tốt, thì trước hết phải từ mỗi cá nhân chúng ta mà làm, trước hết phải đừng có lỗi làm, đừng làm những việc hại người, phải làm việc lợi người, việc đối với người có lợi thì làm, việc có hại tuyệt đối đừng làm. Như vậy thì chúng ta mới thật hiểu ý nghĩa đối với những lỗi làm của những năm qua.

“Ngộ dĩ vãng chi bất giác,
Tri lai giả chi khả truy.”

Nghĩa là :

*Giác ngộ trong quá khứ không làm điều tốt,
Biết vị lai còn có thể theo đuổi được.*

Cho nên :

“ Ngộ làm mê thì chưa xa lắm,
Biết hôm nay đúng mà hôm qua sai.”

Cho nên nói :

Biết đi trên con đường sai lầm vẫn chưa xa lắm,
Có thể thay đổi con đường khác.
Biết hôm nay là đúng, ngày hôm qua không đúng.

Thế giới này tại sao tệ hại như thế ? Đều vì tâm ích kỷ của con người tác quái, ai ai cũng ích kỷ, cho nên ai ai cũng tham, ai ai cũng chẳng làm lợi ích cho kẻ khác, bạn cũng không chịu lợi ích cho kẻ khác, kẻ khác cũng không muốn lợi ích cho bạn. Cho nên thế giới càng ngày càng đấu tranh kiên cố, khảo sát kỹ thì nguyên nhân thế giới có chiến tranh, đều vì tâm tham và tâm ích kỷ của con người tác quái, nếu ai ai cũng không có tâm ích kỷ thì không có chiến tranh. Bạn nói điều này không thể được, nhưng không màng được hay không, chúng ta phải từ chính thân mình mà làm, cuối cùng chúng ta không ích kỷ thì gia đình của chúng ta bình an vô sự, họ cũng không tham không ích kỷ, thì gia đình họ cũng bình an, mỗi gia đình bình an

thì xã hội thế giới cũng sẽ bình an. Cho nên chẳng phải là thế giới này chẳng bình an, mà là tâm tham và tâm ích kỷ của con người tác quái, nếu cải lỗi làm mới, không có tâm ích kỷ thì thế giới sẽ không có chiến tranh. Có người hỏi tôi năm nay tại San Francisco thế nào ? (hỏi có động đất chăng ?) Tôi nói nếu các vị không có nóng giận thì chẳng có tai nạn, ai nhiều nóng giận thì tai nạn sẽ đến, tai nạn là do tâm sân hận của con người sinh ra. Ai ai cũng từ bi, không có tâm sân hận thì thế giới chẳng có tai nạn gì. Nói đến đây, tôi muốn nói rằng ai ai cũng không tin đạo lý này, nhưng không có ai tin, tôi vẫn phải nói, tôi không màng bạn tin hay không, nếu cứ đợi có người tin thì chẳng còn biện pháp. Bất cứ sự việc gì thật hay giả, cũng có người tin, đừng nói là lời của tôi nói, mà lời của Phật nói, thiên ma ngoại đạo cũng kêu quyến thuộc của chúng đừng tin, hà hướng là tôi. Việc gì họ không tin ? Vào năm 1968, tại San Francisco thường thường bị động đất, lại có nhà chiêm tinh, lại có nhà khoa học, lại có nhà kia nhà nọ, bảy tám nhà ai ai cũng nói San Francisco nhất định phải động đất, dọa nạt những người giàu bỏ chạy rời khỏi San Francisco. Năm đó vào ngày 01 tháng 01, tôi đã nói qua với mọi người, chắc có người còn nhớ. Tôi nói : "Tôi ở tại San Francisco một ngày thì không để cho San Francisco động đất". Bạn nói lời này có người tin chăng ? Chẳng có ai tin, thậm chí nghe cũng chẳng có người dám nghe, nghe đều phạm pháp. Tại sao ? Không cho phép ! Bạn có quyền gì nói không cho phép ! Bạn nói tôi không có quyền này chăng ? Sao bạn biết ? Nếu tôi có quyền này thì bạn nói sao đây ? Tôi ở tại San Francisco một ngày thì không để cho San Francisco động đất, không phải không động đất mà là không để cho nó động đất. Chỗ này lại có một lối giải thích, động đất lớn biến thành nhỏ, động đất nhỏ thì chẳng còn nữa, tuyệt đối không có tai hại, nhưng năm nay thì không hợp, mấy ngày trước có động đất, nhưng động đất ở chỗ khác, chứ không phải tại San Francisco, làm xưởng chế tạo đạn hạch tâm bị hư hoại, đó là vì quốc gia này quá giàu có, nên làm cho hao hụt bớt, chúng ta phải biết nguyên nhân động đất là gì ? Tức là yêu ma quỷ quái quá nhiều, cho nên trái đất phải động làm cho chúng phải sợ, cứ làm đồng tính luyến ái thì nguy lắm. Tương lai sẽ chết, động đất xảy ra làm

cho chúng chết ngay thì làm sao, cho nên chúng sẽ giác ngộ, phải giữ quy cụ, tôi cũng không sợ người có thứ mao bệnh này không vui.

38. NAM MÔ TẤT YẾT LỊ ĐA GIA.

Kê : Hải ấn tam muội mây quang minh
Sâm la vạn tượng hiện ở trong
Như mộng như huyễn như bọt nước
Hãy quán như sương cũng như điện.

Giải : Chỗ này nói về những vị Thần gió, Thần nước, Thần không, Thần lửa, Thần đất, đừng cho rằng những vị Thần này địa vị nhỏ, phải biết những vị Thần này đều do Phật thị hiện, như Thần đất là Phật Tỳ Lô Giá Na thị hiện, Thần gió là Phật Thành Tựu ở phương Bắc thị hiện, Thần lửa là Phật A Di Đà ở phương Tây thị hiện, Thần nước là Phật A Súc ở phương Đông thị hiện, Thần không là Phật Bảo Sinh ở phương Nam thị hiện. Vì những vị Thần này đều là do các đức Phật thị hiện, do đó chúng ta không thể có tâm khinh mạn đối với những vị thần đó. Vì vậy phải quy mạng kính lễ, đừng cho rằng mình là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, không lên lễ bái các bậc ấy, đó là kiêu mạn tự mãn. Bây giờ nói về Thần hải ấn, hải ấn phát quang là cảnh giới một giai đoạn của thiền tông, lúc bạn chứng được hải ấn phát quang tam muội, thì hết thấy hết thấy đều là hình ảnh hải ấn đến trong định của bạn, cho nên nói : "Hải ấn tam muội mây quang minh." Nhập được hải ấn tam muội này thì "Sum la vạn tượng hiện ở trong." Tất cả sum la vạn tượng trên thế giới đều hiển hiện ra tựa như sấm sét, lại tựa như vệ tinh thăm dò không gian, những sự việc khắp nơi toàn thế giới đều hiện ra, cảnh giới này cũng có thể nói như nằm mộng, cũng có thể nói giống như hư huyễn, vì trong đó là pháp hữu vi. Trong Kinh Kim Cang có nói :

“ Tất cả pháp hữu vi,
Như mộng huyễn bọt bóng,
Như sương, cũng như điện,
Nên quán chiếu như thế.”

Cho nên nói : "Như mộng như huyễn như bọt nước - Hãy quán như sương cũng như điện." Giống như sương vào buổi sáng, cũng như điện quang, như lửa

đá đều không lâu bền, nên nghiên cứu như thế,
cho hết lẽ hết tính.
(còn tiếp)

Chú ãi Bi giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

74. Ma Bà Lợi Thắng Yết La Gia.

Kê : Thiên thủ thiên nhãn đại từ bi
Phổ hoá tam giới độ chúng hời
Chư thiên ma vương giai thọ thủ
Cải ác hướng thiện tốc lai quy.

Tạm dịch :

*Ngàn tay ngàn mắt đại từ bi
Độ khắp hết chúng sinh ba cõi
Chư Thiên ma vương đều nhiếp thọ
Đổi ác hướng thiện mau quay đầu.*

75. Ta Bà Ha.

Kê : Lễ nghi vị lễ tu vô tu
Không mẫn sở không hữu hà cầu
Khán phá phóng hạ chân tự tại
Tiêu dao pháp giới nhậm ưu du.

Tạm dịch :

*Lễ mà chẳng lễ tu không tu
Không cũng diệt mất có gì cầu
Nhìn thủng buồng xả thật tự tại
Tiêu dao pháp giới tha hồ đi.*

"Ma Bà Lợi Thắng": Là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "đại dũng", tức là dũng mãnh tinh tấn. Còn có lối dịch khác là "anh hùng đức, đại anh hùng", đại anh hùng có đức hạnh. Ai có thể xưng là đại anh hùng ? Phật có thể xưng là đại anh hùng, Quán Thế Âm Bồ Tát có thể xưng là đại anh hùng.

"Yết La Gia" dịch là "sinh tính", và dịch là "bổn tính". Ý nói bổn lai tự tính của tất cả chúng sinh đều có đại anh hùng đức hạnh. Đại anh hùng đức hạnh tức là "Tổng Nhiếp Thiên Trí Thủ Nhân". Thủ Nhân này hàng phục được tất cả ma oán trong ba

ngàn đại thiên thế giới, chẳng những hàng phục được ma oán ở thế giới này của chúng ta, mà còn hàng phục được ma oán trong ba ngàn thế giới. Chúng ta tu 42 Thủ Nhân, quan trọng nhất là "Tổng Nhiếp Thiên Trí Thủ", khi bạn tu Tổng Nhiếp Thiên Trí Thủ, thì bốn mươi một Thủ Nhân kia, cũng đều bao quát ở trong đó. Bạn nói, vậy chúng ta chỉ tu Tổng Nhiếp Thiên Trí Thủ này thôi, có được chăng ? Nếu bạn lười biếng thì cũng có thể được. Tại sao ? Nếu bạn không lười biếng thì bốn mươi một Thủ Nhân kia cũng nên tu luôn. Nếu bạn lười biếng, nói rằng tôi muốn tu thành một Bồ Tát lười, thì chỉ tu Tổng Nhiếp Thiên Trí Thủ này thôi, cũng bao quát hết bốn mươi một Thủ Nhân kia ở trong đó, cũng được, bất quá thành công chậm hơn một chút. Tại sao ? Vì bạn lười biếng. Bạn lười nên pháp này cũng không thành tựu sớm được. Nếu bạn không muốn thành một Bồ Tát lười, thì đừng sợ phí việc, tu nhiều pháp một chút thì tốt.

76. Nam Mô Hắc La Đát Na Đa La Dạ Gia.

Kê : Chân không vi thể huyền sắc dụng
Quán sát thế gian cứu chư bệnh
Tùy cơ cảm ứng nan tư nghì
Ngã đẳng mạnh si đương quy mạng.

Tạm dịch :

*Chân không làm thể huyền sắc dụng
Quán sát thế gian cứu các bệnh
Tùy cơ cảm ứng không nghĩ bàn
Chúng con mù ngu xin quy mạng.*

Câu này đã giảng giải rồi, tuy đã giảng rồi, nhưng có thể giảng lại. Vì có người vốn chưa nghe qua ; có người đã nghe rồi mà quên mất không nhớ ; có người thì nhớ mơ hồ, nhớ chẳng rõ ràng ; có

người nhớ rất rõ ràng, đừng ngại nghe thêm lần nữa, thì rõ hơn một chút. Nếu tôi giảng sai thì các bạn có thể đề ra nói với tôi, vì tôi giảng Kinh chẳng giống như người khác, tôi chẳng ghi chép. Có khi tôi giảng Kinh, nếu khởi vọng tưởng thì sẽ giảng sai, hoặc có điện thoại gọi muốn đi nghe cũng sẽ giảng sai. Cho nên giảng Kinh không thể khởi vọng tưởng, cũng không thể tiếp điện thoại.

"Nam Mô" là "quy y". Quy y Tam Bảo. "Hắc La Đát Na" là "Bảo". "Đa La Dạ" là "Tam". Tức là thân tâm tính mạng của ta đều quy y Tam Bảo. Người tại gia phải quy y Tam Bảo, tức là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Quy y Tam Bảo là tôi muốn đem thân tâm tính mạng, đều quy y tận hư không khắp pháp giới mười phương ba đời tất cả chư Phật, quy y tận hư không biến pháp giới mười phương ba đời tất cả Hiền Thánh Tăng.

Tận hư không, hư không đều cùng tận. Khắp pháp giới tức là hết thảy pháp giới đều bao quát bên trong, tức là mười pháp giới. Mười pháp giới là pháp giới của Phật, pháp giới của Bồ Tát, pháp giới của Thanh Văn, pháp giới của Duyên Giác, pháp giới của Trời, pháp giới của người, pháp giới của A tu la, pháp giới của súc sinh, pháp giới của ngạ quỷ, pháp giới của địa ngục.

Mười phương là : Đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc; trên và dưới, cộng lại là mười phương. Ba đời là : Đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai. Quy y mười phương ba đời tận hư không khắp pháp giới tất cả Phật Bảo.

Pháp Bảo tức là Tam Tạng Kinh điển mười hai bộ, tất cả Kinh điển của Phật nói ra. Pháp Bảo chẳng phải chỉ ở nhân gian của chúng ta có, mà tận hư không khắp pháp giới đều có. Nếu bạn khai mở ngũ nhãn lục thông, thì bạn chân chánh tụng Kinh, tụng "vô tự chân Kinh", tụng "Kinh không mở miệng", chẳng dùng miệng để tụng. "Tâm mê Pháp Hoa chuyển", tâm ngộ chuyển Pháp Hoa". Trong tận hư không khắp pháp giới đều có Kinh điển của Phật nói. Nếu bạn khai mở ngũ nhãn lục thông, thì lúc nào cũng đều có thể tụng vô tự chân Kinh, Kinh điển chẳng có chữ, đều ở trong hư không. "Vô tự chân Kinh", chẳng phải nói trong Kinh điển thật sự chẳng có chữ, mà là phàm phu nhìn chẳng thấy Kinh điển này có chữ, phàm phu nhìn không thấy

Kinh này mà bạn nhìn thấy được. Bạn thấy ở trong hư không, mỗi nơi đều có chư Phật đang ở đó tụng Kinh, đọc Kinh. Có vị đọc "Kinh Pháp Hoa", có vị đọc "Kinh Lăng Nghiêm", có vị đọc "Kinh Hoa Nghiêm", đều đang ở đó đọc Kinh, tụng Kinh, trì Chú, đọc "Chú Lăng Nghiêm", rất bận rộn những khóa lễ. Đó là tận hư không khắp pháp giới đều có Pháp Bảo.

Vậy còn quy y tận hư không khắp pháp giới tất cả Hiền Thánh Tăng, ai là Hiền Thánh Tăng ? Tất cả đại Bồ Tát, đại A La Hán, đại Tỳ Kheo Tăng đều là Hiền Thánh Tăng.

"Gia": Tức là đánh lễ, chúng ta quy y Tam Bảo phải đánh lễ Tam Bảo.

77. Nam Mô A Lị Gia.

Kê : Hoá thân Phổ Hiền biến tam thiên
Già phu toà thượng pháp vô biên
Bách bảo luân chuyển phá địa ngục
A Di Đà Phật trụ Tây Phương.

Tạm dịch :

*Hoá thân Phổ Hiền khắp ba cõi
Ngự trên toà nói pháp vô biên
Vòng tay trăm báu phá địa ngục
Phật A Di Đà ở Tây Phương.*

"Nam Mô": Vẫn là quy y. "A Lị Gia": Tức là Bạc Thánh. Bạc Thánh tức là Thánh Hiền, quy y tất cả Thánh Hiền.

78. Bà Lô Yết Đế.

Kê : Pháp vương trưởng tử Văn Thù tôn
Từ tâm giáo hoá Ta Bà dân
Đồng nguyện chứng đắc vô lượng trí
Thường Tịch Quang độ vạn Phật thôn.

Tạm dịch :

*Ngài Văn Thù trưởng tử của Phật
Tâm từ giáo hoá dân Ta Bà
Nguyện cùng chứng được vô lượng trí
Cõi Thường Tịch Quang nơi Phật ở.*

"Bà Lô Yết Đế" dịch ra là "Quán".

(còn tiếp)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUYỆN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Viết dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

Lại nữa, Bồ-Tát được vô sinh pháp nhẫn, tất cả danh tự sinh tử đều dứt, ra khỏi ba cõi, không ở trong số chúng sinh. Đến như bậc Thanh Văn đắc đạo A-la-hán sau khi diệt độ, còn không ở trong số chúng sinh, huống chi Bồ-Tát. Như Ba-La-Duyên trong Ưu-Ba-Thi-Nan kệ nói :

Đã diệt không xú lại ra không ?
Nếu đã diệt hẳn không ra chăng ?
Đã nhập Niết-bàn thường trụ chăng ?
Cúi xin Đại Trí nói cho thực.

Phật đáp :

Diệt ấy tức là chẳng lường được,
Hoại hết nhân duyên và danh tướng,
Tất cả ngôn ngữ đạo đã qua,
Một thời đều hết như lửa tắt.

Như A-la-hán, tất cả danh tự còn đoạn, huống chi Bồ-tát, hay pháp tất cả các pháp, biết thực tướng, được pháp thân mà không đoạn sao ? Vì thế, Kinh đại thừa trong bốn chúng, nói riêng Bồ-tát.

HỎI : Tại sao Kinh đại thừa, ở đâu nói chúng Thanh Văn, chúng Bồ-tát, Kinh Thanh Văn chỉ nói một chúng Tỷ-khưu ?

ĐÁP : Muốn biện nghĩa nhị thừa và Phật thừa. Thanh văn thừa nhỏ hẹp, tự lợi, tự làm ; Phật thừa rộng lớn, lợi ích tất cả.

Lại nữa, Thanh văn thừa phần nhiều chúng sinh không, Phật thừa nói chúng sinh không, pháp không. Như thế .v.v., hết thấy phân biệt ba thừa, phân biệt nói hai đạo ấy. Kinh đại thừa nói cả

hai chúng Thanh văn và Bồ-tát, như trong kệ tán đại thừa nói :

Được người đại thừa ấy,

Hay cho tất cả vui !
Lợi ích lấy thực pháp,
Nay được vô thượng đạo.
Được người đại thừa ấy,
Từ bi hết tất cả,
Đầu mắt đem bố thí,
Xả bỏ như cỏ cây !
Được người đại thừa ấy,
Hộ trì thanh tịnh giới,
Như trâu mao yêu đuôi,
Không tiếc thân thọ mệnh !
Được người đại thừa ấy,
Hay được nhẫn vô thượng,
Nếu có cắt chặt thân,
Coi đây như chặt cỏ.
Được người đại thừa ấy,
Tinh tiến không chán mỗi,
Sức làm không ngại nghỉ,
Như tuôn biển lớn ấy !
Được người đại thừa ấy,
Rộng tu vô lượng định,
Thần thông thánh đạo lực,
Thanh tịnh được tự tại !
Được người đại thừa ấy,
Phân biệt các pháp tướng,
Không hoại thực trí tuệ,
Trong ấy đã đầy đủ,
Bất khả tư nghị trí,
Không lường bi tâm lực,
Không vào trong hai pháp,
Bình đẳng nhìn mọi pháp.
Lừa, ngựa, đà, voi, xe,
Tuy đồng chẳng cùng đôi.
Bồ-tát và Thanh văn,
Đại, tiểu cũng như thế.
Đại từ bi làm trực,
Trí tuệ làm hai bánh,
Tinh tiến làm ngựa tốt,
Giới, định làm hàm thiết,

Nhấn nhục làm áo giáp,
Tổng trì làm dây cương,
Đại thừa là người cưỡi,
Hay độ cho tất cả.

HỎI : Trong Kinh Thanh Văn, ở đầu chỉ nói chúng Tỷ-khuru, Kinh đại thừa sao đầu không chỉ nói chúng Bồ-tát.

ĐÁP : Kinh đại thừa rộng lớn, các thừa, các đạo đều vào đại thừa, Thanh văn thừa nhỏ hẹp không nhận được đại thừa. Ví như sông Hằng không nhận được biển lớn, nhưng biển lớn hay nạp thụ các nguồn dòng. Pháp đại thừa cũng như thế. Như kệ nói :

Ma-ha-diễn như biển,
Tiểu thừa nước vết chân,
Nhỏ không kham nhận lớn,
Ví dụ là như thế.

HỎI : Bồ-đề là gì ? Tát-đoả là gì ?

ĐÁP : Bồ-đề là đạo chư Phật, Tát-đoả là danh hoặc chúng hoặc tâm lớn. Người ấy muốn được hết công đức đạo của chư Phật. Tâm ấy không thể đoạn, không thể phá, như núi kim cương, ấy gọi là đại tâm. Như kệ nói :

Tất cả pháp chư Phật,
Trí tuệ và giới định,
Hay lợi ích tất cả,
Ấy gọi là bồ-đề.
Tâm ấy không có động,
Hay nhẫn thành đạo sư,
Không đoạn cũng không phá,
Tâm ấy là Tát-đoả.

Lại nữa, xưng tán hảo pháp gọi là tát, thể tướng của hảo pháp gọi là đoả. Tâm Bồ-tát tự lợi, lợi người, độ tất cả chúng sinh, biết tất cả pháp thực tính, hành đạo A-lốc-đa-la tam-diểu-tam-bồ-đề, được tất cả hiền Thánh xưng khen, nên gọi là Bồ-đề tát-đoả. Vì trong tất cả các pháp, Phật pháp là tối đệ nhất, người ấy muốn lấy pháp ấy nên các hiền Thánh xưng khen.

Lại nữa, người ấy muốn làm cho tất cả chúng sinh thoát sinh-già-bệnh-chết mà cầu Phật đạo

nên gọi là Bồ-đề tát-đoả. Lại nữa, ba thứ đạo đều là bồ-đề : Thanh văn, Bích-chi-Phật và Phật đạo. Thanh văn và Bích-chi-Phật tuy được bồ-đề mà không xưng là bồ-đề, chỉ công đức Phật bồ-đề mới xưng là bồ-đề. Ấy gọi là Bồ-đề tát-đoả.

HỎI : Từ đâu gọi là Bồ-đề tát-đoả ?

ĐÁP : Có thế nguyện lớn, tâm không thể động, tinh tiến không lui. Lấy ba việc này gọi là Bồ-đề tát-đoả. Lại nữa, lúc sơ pháp tâm lập nguyện rằng : Ta sẽ làm Phật, độ tất cả chúng sinh ; từ đó đến nay gọi là Bồ-đề tát-đoả, như kệ nói :

Từ lúc sơ phát tâm,
Thệ nguyện sẽ làm Phật.
Đã qua các thế gian,
Hợp nhận đời cúng dàng.

Từ sơ phát tâm đến đệ cửu vô ngại vào trong kim cang tam-muội, khoảng giữa là Bồ-đề tát-đoả. Có hai chủng : Bệ-bạt-chí và A-bệ-bạt-chí, như thoái pháp và bất thoái pháp A-la-hán. A-bệ-bạt-chí bồ-đề tát-đoả gọi là thực Bồ-tát, còn các thoái chuyển Bồ-tát khác chỉ được gọi là Bồ-tát. Ví như người đắc tứ đạo gọi là thực Tăng ; vì có thực Tăng nên các vị chưa đắc đạo chỉ được gọi là Tăng.

HỎI : Làm sao biết là Bồ-tát bệ-bạt-chí hay A-bệ-bạt-chí ?

ĐÁP : Trong Kinh Bát-Nhã Ba-La-Mật phẩm A-bệ-bạt-chí, Phật tự nói tướng của A-bệ-bạt-chí. Tướng như thế là thoái chuyển, như thế là không thoái chuyển. Lại nữa, nếu Bồ-tát nhất pháp được hảo tu, hảo niệm gọi là A-bệ-bạt-chí. Thế nào là nhất pháp ? Thường nhất tâm tập các pháp lành. Như thuyết chư Phật nhất tâm tập các thiện pháp cho nên đắc A-nậu-đa-la tam-miêu-tam-bồ-đề. Lại nữa, Bồ-tát được nhất pháp là tướng A-bệ-bạt-chí. Thế nào là nhất pháp ? Là chính trực tinh tiến. Như Phật hỏi ngài A-Nan :

A-Nan ! Ông nói tinh tiến ?
Dạ, như thế ! Lạy Thế Tôn.
A-Nan, ông khen tinh tiến ?
Dạ, như thế ! Đức Thiệt Thệ.

A-Nan, thường hành, thường tu, thường tinh tiến, nhẫn đến khiến người được đạo vô thượng bồ-đề.

(còn tiếp)

THIÊN THẤT KHAI THỊ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

Vào thời Hậu Hán, tại Trung Đông có một quốc gia gọi là An Tức. Có vị Đại đức hiệu là An Thanh, cũng gọi là An Thế Cao. Thiên tính thông minh khác lạ hơn người, học hành rất giỏi, tinh thông y học, chiêm tinh, bói quẻ, xem tướng, thậm chí còn nghe được tiếng cầm thú nói. kiếp trước của Ngài là thái tử nước An Tức. Nhà vua qua đời, Ngài kế thừa ngôi vua, nhưng Ngài bỏ ngôi vua, nhường lại cho người chú ruột, xuất gia làm Tỳ Kheo. Ngài có một người bạn đồng tu, thiên chất tuy thông minh, nhưng tâm sân hận quá nặng. Vị Tỳ Kheo này lúc trước chưa xuất gia, rất hoan hỉ bố thí, cứu giúp những người nghèo khổ, nhưng thường sinh nóng giận, xuất gia rồi cũng còn như thế, thậm chí có người cúng dường cho Ngài mà không xưng tên của Ngài, Ngài liền phát đại lời đanh.

Một ngày nọ, Ngài An Thế Cao nói với người bạn đồng tu : "Sư đệ ! Thầy thông minh tài trí như tôi không khác, nhưng thầy quá sân hận, tương lai sợ thầy có thể đọa lạc. Khi tôi chứng quả đắc đạo, tôi sẽ độ thầy". Nói xong rồi, thời gian sau Ngài An Thế Cao đến Trung Quốc, tỉnh Quảng Châu để trả cho xong ân oán tiền kiếp, vì Ngài kiếp trước tu hành nghiêm trì giới luật, cho nên có túc mạng thông.

Đương thời cảm thấy bất an, Ngài từ An Tức đến Quảng Châu, gặp một người thanh niên, người này nhìn thấy Ngài An Thế Cao, không hỏi gì hết, liền muốn giết Ngài An Thế Cao.

Ngài An Thế Cao hỏi : "Anh có biết vì sao anh muốn giết tôi chăng ?"

Người thanh niên đáp : "Tôi cũng không biết vì sao, chỉ là tôi thấy Thầy thì không vui, nhất định phải muốn giết Thầy".

Ngài An Thế Cao liền đáp : "Vì trong kiếp trước, tôi đã giết anh, cho nên đời này anh muốn giết tôi, tôi đến đây là vì trả cho xong món nợ kiếp trước". Nói xong không sợ sệt gì hết bèn đưa đầu ra, để cho vị thanh niên chém đầu.

Thần thức Ngài An Thế Cao lại thác sinh vào Vương quốc An Tức, lại làm thái tử tức là tiền thân của Ngài An Thế Cao. Khoảng 15, 16 tuổi lại xuất gia làm Tỳ Kheo, sau đó đến Trung Quốc dịch Kinh hoàng pháp, muốn độ người bạn đồng tu là vị thanh niên nói ở trên.

Lúc đó vào thời Đông Hán, vua Linh Đế, Ngài đến Quảng Châu tìm vị thanh niên đó, hỏi : "Anh còn nhớ mấy chục năm về trước, đã giết chết một vị Sa Môn chăng ?"

Người đó nói "Tôi nhớ, vô duyên vô cớ tôi đã giết chết một vị Sa Môn, có phải Ngài muốn vì ông ta mà báo thù chăng ?"

Ngài An Thế Cao nói : "Tiền thân của tôi chính là vị Sa Môn đó, hiện tại tôi tìm anh vì mục đích không phải là báo thù, mà là muốn nói một chuyện nhân quả với anh. Nếu tôi giết anh nữa, thì anh lại giết tôi nữa, thì ân oán không khi nào dứt được. Tôi đến đây để độ anh, không phải đến để giết anh. Bây giờ chúng ta cùng nhau đến Giang Tây hồ Động Đình, để độ bạn đồng tu của tôi trong kiếp trước".

Người đó nghĩ : "Sự việc cách đã nhiều năm, việc này không ai biết rõ, nếu không phải vị Sa Môn đó tái sinh, sao lại nói đúng việc đó ?"

Sau đó, người đó và Ngài An Thế Cao cùng đi độ người bạn đồng tu. Những người cùng đi với nhau hơn mười người, ngồi thuyền đến Lư Sơn gần hồ Động Đình. Bên ven hồ có một ngôi miếu, đồn rằng miếu này rất linh, người nào muốn ngồi đờ qua hồ, thì trước hết phải đến miếu thắp hương tế thần, mặt hồ mới sóng yên gió lặng, đến bờ bình an, bằng không thì sóng gió ba đào, làm lật thuyền chết người.

Có một lần, một người đi buôn từ trong miếu cầm ra một cây trúc, chưa được Thần miếu hứa khả, lên thuyền đi ra giữa hồ, hốt nhiên bị chìm thuyền, cây trúc đó tự động trở lại trong miếu, chuyện này truyền ra rồi dân làng gần đó càng tin

Thần miếu, nhiều người đều đi cúng tế một phen, để gia hộ cho được bình an. Những người đi với Ngài An Thế Cao đến nơi cũng vào miếu lễ tạ. Thần miếu bèn nói : "Có vị Sa Môn cùng đi với quý vị, mời Ngài vào gặp tôi". Những người đó nghĩ, vị Thần này thật có thần thông, nếu không, làm sao biết có vị Sa Môn cùng đi với chúng ta, sau đó nói lại với Ngài An Thế Cao : "Vị Thần đó muốn gặp Ngài". Ngài An Thế Cao nói : "Mục đích tôi đến đây là để độ vị Thần đó". Ngài An Thế Cao vào trong miếu liền nói với vị Thần : "Bạn đồng tu ! Đến hôm nay bạn còn tâm sân hận quá nặng, có người cung kính bạn thì bạn hoan hỉ, nếu không cung kính bạn, thì bạn liền lật thuyền làm cho chìm". Sau đó Ngài An Thế Cao vì thần miếu thuyết pháp, độ được giải thoát.

Lúc đó Thần miếu ngậm ngừng nói : "Tôi hiện tại cũng không biết làm thế nào mới đúng, hiện nay tôi đọa lạc làm Thần, tuy nhiên quản lý người địa phương một ngàn dặm, nhưng kiếp này tôi tạo nhiều tội nghiệp, đời sau nhất định đọa địa ngục". Ngài An Thế Cao an ủi Thần miếu, nói : "Đừng buồn rầu, tôi đến đây để cứu bạn, bây giờ bạn hãy hiện nguyên hình". Thần miếu nói : "Nếu hiện nguyên hình xấu xí, sợ có thể làm cho người sợ hãi mà chết". Ngài An Thế Cao cứ muốn hiện nguyên hình, cuối cùng Thần miếu hiện ra một cái đầu măng xà khổng lồ. Ngài An Thế Cao vì Thần miếu tụng Kinh trì Chú, măng xà cảm động chảy nước mắt nói : "Thọ mạng của tôi đã hết, nếu chết ở đây, hiển lộ thân hình xấu ác, làm cho người ta sợ, tôi sẽ chết tại Sơn Tây trong một cái đầm lớn". Ngài An Thế Cao đã hoàn thành mục đích, đã độ bạn đồng tu trong tiền kiếp được vãng sinh.

Một ngày nọ, có một vị thanh niên, đến trên thuyền hướng về Ngài An Thế Cao đánh lễ, Ngài An Thế Cao vì anh ta thuyết pháp, thuyết pháp rồi, không thấy vị thanh niên nữa, Ngài An Thế Cao nói với những người trên thuyền : "Vị thanh niên đó là Thần miếu xưa kia, hôm nay đến để cảm tạ". Từ đó về sau miếu không còn linh nữa. Tại hướng tây núi Lư Sơn có một cái đầm, trong đầm quả nhiên có xác của đại măng xà, ngày sau địa phương đó gọi là Xà thôn. Việc Ngài An Thế Cao độ Thần miếu lưu truyền về sau khiến cho rất nhiều người tin Phật.

Một ngày nọ, Ngài An Thế Cao nói với vị thanh niên trước kia giết mình rằng : "Tôi muốn đến Hội Kê, cũng là để trả ân oán tiền kiếp". Trước khi đi có đem theo một cái thùng đã đóng kín giao lại cho vị thanh niên đó nói : "Bốn năm sau, mới được mở thùng ra, nên nhớ ! nên nhớ !"

Ngài An Thế Cao đến chợ Hội Kê, thấy hai người đánh lộn, Ngài liền đến chỗ hai người đó, có một người lấy thanh sắt đánh lên đầu Ngài An Thế Cao bể đầu, chảy máu rồi chết. Vị thanh niên đó biết lời tiên đoán của Ngài An Thế Cao, sẽ phát sinh việc như thế liền đến Hội Kê thu liệm thi thể, làm hoàn tất rồi trở về Quảng Châu. Nghĩ đến cái thùng đóng kín bèn mở ra xem chỉ có hai câu rằng :

"Người tôn kính ta là Trần Huệ,
Người hộ ta là Tăng Huệ".

Về sau quả nhiên có Trần Huệ, rất sùng bái đức hạnh của Ngài An Thế Cao, lại có một vị xuất gia gọi là Tăng Huệ, cực lực hoằng dương Kinh điển của Ngài An Thế Cao dịch. Ước khoảng trên ba mươi bộ, phần nhiều thuộc Kinh điển tiểu thừa. Ngài An Thế Cao là một vị cao Tăng cũng phải trả ân oán tiền kiếp, do đó có thể biết nhân quả trong Phật giáo, tư hào cũng không sai. Ngài An Thế Cao rất chí hiếu với cha mẹ, nước An Tức đều biết Ngài là một người rất hiếu thảo, rất nhiều người từ nước An Tức sang buôn bán bên Trung Quốc đều tôn Ngài An Thế Cao là An hầu.

Trong khóa thiền, nếu tôi giảng triết lý cao quá sợ một số người không hiểu, nếu giảng quá cạn, các vị cảm thấy không có ý nghĩa, cho nên mới giảng sự tích Đại đức, cao Tăng, làm phương châm cho người hậu học. (hết)

PHẢI LẠY PHẬT TRONG NỘI TÂM

Hoà Thượng Tuyên Hoá thuyết giảng
tại Hoa Liên Đông Tịnh Tự ngày 11/10/89

"Tâm chỉ niệm tuyệt chân phú quý,
Tư dục đoạn tận chân phước điền".

Nghĩa là :

*Tâm dùng niệm bậc giàu sang thật
Tư dục đoạn sạch ruộng phước thật.*

Chúng ta ngày ngày tu Phật, ngày ngày không biết học chân Phật, đều dụng công phu trên hình tướng bên ngoài, mà không biết tìm cầu Phật trong nguồn gốc tự tánh. Nguồn gốc của Phật tức là đoạn sạch hết thấy lòng tư dục, mới hiển lộ trí huệ quang minh vốn có. Có lòng tư dục thì không có trí huệ, có trí huệ thì không có tư dục ; trí huệ không rời khỏi tư dục, tư dục không rời khỏi trí huệ. Phiền não tức là bồ đề, sinh tử tức Niết Bàn. Nếu bạn trên phiền não mà không có phiền não, thì bạn có tâm bồ đề. Bạn muốn dứt sinh tử thì bạn đừng tái tạo sinh tử, đó tức là Niết Bàn. Ai ai cũng có sinh thì có tử. Bạn đoạn sạch tư dục thì sinh tử cũng sẽ chấm dứt. Tư dục không đoạn sạch thì sinh tử không thể dứt.

"Tư" là việc mà chính mình biết, chứ người khác không biết. "Tư dục" là đem cái tốt hiện ra để người khác biết, còn cái xấu thì che dấu, hy vọng người khác có hảo cảm đối với họ, đây gọi là tư dục. Tư dục xui khiến bạn nói dối, điều xảo thị phi, không phân biệt cong thẳng, hỗn loạn trắng đen, vì tư dục chi phối bạn. Nếu bạn không có tư dục, thì trí huệ quang minh vốn có của bạn sẽ hiển hiện, bất tất phải tìm kiếm bên ngoài, tự mình cầu nơi chính mình. Chúng ta sinh ra đời, cử chỉ hành động, lời nói việc làm, đều phải phản tỉnh, phải cầu trở lại nơi chính mình.

Bạn phải :

"Những gì mình không muốn
thì đừng thí cho người".

Chính bạn không hoan hỉ thì đừng đổ lên thân người khác. Cổ nhân có nói :

"Nhân tuy chí ngu,
Trách nhân tức minh,
Thứ kỷ tức hôn".

Nghĩa là nói : Có người tuy nhiên ngu đến cực điểm, nhưng nhìn tật xấu mao bệnh của người khác thì thấy rõ ràng, có ngăn có nắp, nói dài nói ngắn chuyện thị phi của kẻ khác, thao thao bất tuyệt, biện tài vô ngại, nhưng đối với việc của

chính mình thì mê mờ, tùy tùy tiện tiện, không biện rõ ràng, sai cũng chẳng quan hệ gì. Thậm chí "Nghe lỗi" thì che đậy tội lỗi, đây là "tư dục" khiến cho bạn làm đủ thứ việc sai, khiến cho bạn tự mình luôn luôn tha thứ cho chính mình.

"Người thông minh, lấy tâm trách mình để trách người, lấy sự tha thứ chính mình để tha thứ người, sao chẳng đạt được địa vị Thánh Hiền". Nếu như bạn thông minh tài trí "dùng tâm trách người như trách mình" thì phải phản tỉnh, phải cầu nơi chính mình, dùng tâm khoan dung tha thứ người như chính mình, những gì mình không muốn thì đừng thí cho người, thấy nghĩa thì đừng mẫn mà làm, như thế nhất định sẽ đạt được địa vị Thánh Hiền, thậm chí nếu bạn làm việc chân chánh cũng sẽ đạt được quả vị Phật.

Cho nên các bạn lạy Phật bên ngoài, không bằng lạy Phật của chính mình, bạn phải cung kính đối với chính mình, thời thời khắc khắc giống như Phật, giống như Bồ Tát Quán Thế Âm, như thế thì bạn mới là thật lạy Phật, thật bái sám, thật niệm Phật. Nếu bạn không như thế, chỉ học "khẩu đầu thiền" (thiền ngoài miệng), người sao mình cũng vậy, người lạy Phật, tôi cũng lạy Phật, người niệm Phật, tôi cũng niệm Phật, người ăn cơm, tôi cũng ăn cơm, nhưng sinh tử của mình thì không thể dứt.

Bạn phải "cước đạp thật địa" nhận chân thực hành. Lúc trước tại Đài Loan có một vị Tỳ Kheo ni Phước Huệ, vị Tỳ Kheo ni này hai mươi tuổi kết hôn, sinh được hai người con, hai mươi lăm tuổi thì chồng chết, cô ta nhìn thấu hồng trần mà đi xuất gia. Cô ta cũng không mặc đẹp, cũng không ăn ngon, cũng không ở nhà tốt, đến các Chùa làm công quả, tên pháp danh gì cũng không để cho người biết, cô ta bố thí nước "*đại bi thủy*" cho người trị bệnh, cũng không nói, cũng không nhận tiền, cứ tu hành như thế. Các bạn tu hành như thế thì mới là chân tu hành, bằng không Chùa to, tiền nhiều, nhưng sinh tử chẳng dứt được. Cho nên các bạn phải dụng công phu trên bốn phạm, nhìn xem tâm tham của mình trừ khử chưa ? Tâm sân trừ khử chưa ? Tâm si trừ khử chưa ?

Chúng ta người xuất gia phải siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, cứu kính bạn làm được chăng ? Nếu làm được, mới không phải sống vô

ích, không xuất gia vô ích, không phải đệ tử vô ích của đức Phật. Chúng ta phải hồi quang phản chiếu, cầu ngược lại nơi chính mình. Quay ngược lại cầu công phu nơi chính mình thì phải :

"Thật nhận mình sai,
Đừng nói lỗi người,
Lỗi người tức lỗi mình,
Đồng thể mới đại bi".

Tại sao tôi nói như thế ? Vì tôi thấy rất nhiều người đều có tật bệnh, nhất là những tật bệnh kỳ quái quái. Khi người bệnh thì oán trời trách người, nói ông trời không công đạo, tại sao chỉ tôi có bệnh, tại sao không kêu người khác có bệnh, cho nên phần hận bất bình, mà họ không biết đó là tiền nhân hậu quả.

Trong tiền kiếp sát sinh quá nhiều hoặc là bắt chuột bắt cá, câu cá, giết gà, giết bò, giết dê, giết chó, giết quá nhiều, cho nên loại người này kiếp này có nhiều bệnh tật kỳ kỳ quái quái.

Lúc tôi tại Hương Cảng có gặp qua một bệnh nhân, bà ta là một đệ tử già của tôi hơn sáu mươi tuổi, không biết chữ, tai lại điếc, nhưng rất thích nghe tôi giảng Kinh, bà ta không nghe được mà vẫn muốn nghe, mỗi lần phải bò lên hơn ba trăm bậc thang cấp để nghe giảng Kinh.

Một năm nọ, vào ngày mùng 2 tháng 5, tôi mở pháp hội giảng Kinh A Di Đà, bà ta đột nhiên nghe được "Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát". Tại sao tai bị điếc ? Vì kiếp trước bà ta thích nghe trộm người nói, nên đời nay thọ quả báo, đại khái Bồ Tát cũng thương xót bà ta có tâm thành, tai điếc mà thích nghe Kinh, thì làm cho bà ta nghe được. Nhưng bà ta còn có một thứ nghiệp chướng. Kiếp trước bà ta thấy người khác có quái bệnh bà ta không tin, cho nên đời này chính bà ta phải nếm mùi vị cái bệnh đó. Bệnh đó là bệnh gì ? Tức là bà ta một ngày ăn không biết bao nhiêu bữa, cách một giờ thì phải ăn một bữa, không ăn thì đói, bác sĩ đông tây đều trị không hết.

Lúc đó cứ mỗi ngày thứ bảy, tôi từ Tây Lạc Viên mang ba chục kí lô gạo và dầu đến núi Đại Tự, cung cấp lương thực cho người trên núi, sáng sớm ngày thứ hai phải xuống núi, năm đó nhằm ngày 14 tháng 2, tôi trở lại pháp hội sớm, thì bà ta nhìn thấy tôi bèn nói với tôi : "Su phụ ! Su phụ ! Trong

bụng của con có người nói chuyện". Các bạn thấy kỳ quái chăng ?

Tôi nói : "Con tuổi đã già, bụng làm gì mà có con ? Hơn nữa con chưa sinh ra mà biết nói ? Nó nói gì ?"

Bà ta nói : "Sáng sớm con dùng bột mì, bột gạo làm bánh, không thêm dầu cũng không thêm gì, nướng chín rồi ăn. Khi con ăn vào, trong bụng liền nói : "Tôi không muốn ăn thứ này", con liền nói : "Người không muốn ăn thứ này, vậy người muốn ăn gì ? Ăn no thì tốt, còn đòi gì nữa". Y không nói gì hết.

Tôi nói : "Tốt, con đi về nhà ! Tối trước khi ngủ nhìn xem có cảnh giới gì chăng ?".

Trước khi ngủ chuyện kỳ quái đã xảy ra, bà ta nhìn thấy Bồ Tát Vi Đà đến, trong tay cầm một bát mì, đổ mì xuống, bà ta thấy ba đứa con nít đều mập mạp từ trong bụng chạy ra cướp giạt bát mì ăn, đương lúc giành giạt ăn, thì Bồ Tát Vi Đà xách tai mấy đứa con nít chạy đi, con nít đi rồi, bụng bà ta trở lại bình thường, cũng không còn đói nữa.

Tại sao bà ta có chứng quái bệnh như vậy ? Vì lúc trước khi chưa mắc chứng bệnh này, có một lần nằm mộng, mộng thấy ba đứa nhỏ chạy vào trong bụng bà ta, từ đó sinh ra chứng quái bệnh này, đó là bệnh đói. Ba đứa nhỏ này cũng có thể nói là nạ quý, cũng có thể nói là yêu quái, tại sao bà ta mắc chứng này ? Đó là vì quá khứ bà ta thấy có người mắc chứng bệnh này, sau khi hết bà ta nghe kể lại chuyện này bèn nói : "Tôi không tin, không biết ai biên tạo ra chuyện này". Vì bà ta không tin, cho nên đời này bà ta mắc phải chứng bệnh ấy.

Ý NGHĨA ĐẠO ĐỨC VÀ THỰC TIỄN

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng tại Đàn Hoa Tự
Hạ Uy Di ngày 22/07/89

Luân lý tư tưởng đạo đức Trung Quốc, hoàn toàn bao quát ở trong đạo. Cho nên :

"Đạo năng sinh ngã,
Đức năng trưởng ngã"

Nghĩa là :

"Đạo sinh ra tôi,
Đức nuôi lớn tôi".

Đạo đức là chánh khí của trời đất, là cơ sở tính ưu phẩm nhất của nhân loại, đó là đức tính vốn đầy đủ của mỗi người. Chương thứ nhất trong Đạo Đức Kinh có nói :

"Đạo khả đạo, phi thường đạo,
Danh khả danh, phi thường danh.
Vô danh, thiên địa chi thủy,
Hữu danh vạn vật chi mẫu.
Cố thường vô dục dĩ quán kỳ diệu,
Thường hữu dục dĩ quán kỳ triệt.
Kỳ lưỡng giả, đồng xuất nhi dị danh đồng vị chi
huyền. Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi
môn".

Đây là cái diệu vô danh tức là phỏng chiếu theo đạo. Đạo chân chánh không thể gọi là hình trạng, cho nên Thái Thượng Lão Quân lại nói :

"Đại đạo vô hình, sinh dục thiên địa ;
Đại đạo vô tình, vận hành nhật nguyệt ;
Đại đạo vô danh, trường dưỡng vạn vật,
Ngô bất tri kỳ danh, cường danh viết đạo".

Mẹ của vạn vật không có pháp để đặt tên, tuy miễn cưỡng gọi là "Đạo", nhưng cũng là bản tính của mọi người, nương vào đây thì có thể tu thành Phật. Cho nên Đức Phật nói :

"Hết thảy chúng sinh,
Đều có phật tính,
Đều có thể thành Phật".

Kết cấu chữ "Đạo", phía trên có hai điểm (') là chữ người biến thành. Hiền nhân tạo tự, thật là áo diệu. Hai điểm này cũng là âm dương, tức là vô cực sinh thái cực, chiếu âm dương trong thái cực đồ. Trên thân người có hai con mắt, trên trời có nhật nguyệt. Cho nên trong Kinh Dịch có nói :

"Một âm một dương là đạo,
Lệch âm lệch dương là tật".

Đạo thì vô cùng vô tận, ngũ hành bát quái đều do đạo mà diễn biến ra. Gạch kẻ dưới là chữ nhất (—). Góc là số 0. Số 0 là gốc của vạn hữu. Nó không có số mục, nhưng nó là bản thể của tất cả số mục,

không lớn không nhỏ không trong ngoài, tuần hoàn vô đoan. Bên cạnh số 0 thêm số 1 thì thành 10. 10 thêm số 0 thì thành 100. 100 thêm số 0 thì thành 1000. 1000 thêm số 0 thì thành 10000. Nếu cứ thêm mãi thì vô cùng vô tận. Cho nên :

"Một gốc tán làm vạn thù,
Vạn thù lại quy về một gốc".

Nếu không thêm nữa thì trở về bốn hữu số 0. Tức là một số mục cũng chẳng có. Số 0 này tức là vô cực, từ vô cực sinh thái cực, từ thái cực tiếp tục sinh trời đất vạn vật.

Số 0 này nếu triển khai ra thì thành chữ nhất (—) . Cho nên :

"Trời được một là thanh,
Đất được một là yên,
Người được một là Thánh".

Làm thế nào để được chữ nhất (—) ?

1. **Đầu tiên phải cách vật**, từ cách vật mới có thể tu thành nhất (—), lại từ nhất (—) biến trở lại số 0. Số 0 này trong Phật giáo gọi là đại quang minh tạng. Cách vật tức là cách trừ vật dục, như tài sắc danh ăn ngủ năm dục, đều phải cách trừ, mới có thể khôi phục linh minh giác tính vốn có, trở về cội nguồn.

2. **Chí tri** : Vật dục hết sạch thì trí huệ hiện tiền ; có thể xúc loại bằng thông, cũng giống như tấm gương, vật đến thì ứng, vật đi thì lặng.

3. **Thành ý** : Đối người tiếp vật phải chí kính tồn thành, khản thiết thành thực.

4. **Chánh tâm** : Không tồn tại tà niệm. Cho nên :

"Chánh niệm thì Phật tại nhà,
Tà niệm thì ma tại đường".

Người tu đạo không nên nói cười cầu thả, không nên coi thường cử chỉ hành động, phải giữ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, không thể đồng lưu hợp ô.

5. **Tu thân** : Phải thương tiếc thân thể của mình, tôn trọng nhân cách, từ vua cho đến dân, phải lấy việc tu thân làm gốc.

6. **Tề gia** : Tu thân rồi mới hòa mục gia đình, thuận nghĩa vợ chồng, cha từ con hiếu, huynh hữu đệ kính.

7. **Trị quốc** : Gia đình là đơn vị cơ bản của quốc gia, gia đình hòa mục thì tự nhiên quốc thái dân an.

8. **Bình thiên hạ** : Từ trị quốc rồi mới đến bình thiên hạ. Đây là tám điều mục phân minh, là con đường làm người xử thế phải tu. Nhất định phải tại chỗ này mà hạ thủ công phu, cho nên đừng hướng ngoại truy cầu, phải cung hành thực tiến. Cho nên :

"Nghĩ muốn thiên hạ tốt,
Trước phải tự làm gương".

Tôi là một phần tử của nhân loại, tự mình chưa làm tốt, làm sao khiến cho toàn nhân loại đều tốt ? Mọi người đừng giống như máy giặt đồ, chỉ biết giặt đồ cho người khác, trong khi đồ của mình dơ mà chẳng chịu giặt. Cũng đừng giống như máy nhiếp ảnh, ánh sáng chỉ chiếu bên ngoài mà không chiếu được bên trong của chính mình. Đó là máy móc, nhưng con người là thứ linh trong vạn vật, phải dung thân làm khuôn phép.

Nhan Hồi hỏi chữ nhân, Khổng Tử đáp : "Khắc kỷ phục lễ là nhân". Khắc kỷ tức là luật kỷ, tức là tâm không còn tà niệm, thân không làm việc tà, miệng không nói lời gạt người. Tất phải luật kỷ, mới có thể phục người. Cho nên "thân chánh trực, không bảo mà làm ; thân bất chánh tuy bảo mà không theo". Phải chánh mình rồi sau mới dạy người, giáo hóa người, giúp người.

"Nhân, nghĩa, lễ, trí, là gốc nơi tâm, từ đó mới sinh ra sắc tướng, mặt mày sáng sủa, vai nở rộng giúp cho tứ thể, tứ thể không nói mà bảo rõ". Nhân nghĩa lễ trí là gốc tự nhiên, thiên tính của con người, bạn phải phát dương từ trong nội tâm thì tự nhiên sẽ hiển lộ thứ quang trạch, đây mới là đức quang phổ chiếu, có duyên với mọi người, tùy thời tùy lúc, từ hình thái, nghị biểu trong lời nói, tịch mặc động tĩnh đều hiển lộ thứ đức quang này. Cho nên có câu :

"Hữu đức nhân nhân thân,
Hữu đạo người người kính ;
Đạo cao long hổ phục,
Đức trọng quý thần khâm".

Thứ đức tính này hợp với đức của trời đất, hợp với ánh sáng của mặt trời mặt trăng, hợp thuận với bốn mùa, hợp cát hung của quỷ thần. Lại rằng

:"Đầy thật gọi là đẹp". Cái đẹp này chẳng phải là tô son đánh phấn mà là đạo đức tràn đầy mới gọi là thật đẹp của con người. "Đầy thật mà có quang chiếu gọi là đại, đại mà hóa gọi là Thánh, Thánh mà bất khả tri chi gọi là thần". Tại sao bạn có kẻ địch ? Vì đức hạnh của bạn chưa sung mãn, trong Phật giáo không có kẻ địch. Người đánh ta, ta không đánh người ; người mắng ta, ta không mắng người. Cho nên :

"Không tham, không tranh, phước lộc vô biên ;
Tranh tham quấy nhiễu, tội nghiệp liên thành".

Lại xem chữ "Đạo", phía dưới là chữ "Tự", tức là đạo tại chính mình, chẳng phải hướng ngoại truy cầu, cũng chẳng phải bằng vàng bạc hoặc thủ đoạn làm được, mà phải tự mình hạ công phu. Sai một ly đi ngàn dặm. Hai phẩy (' '), chữ "Nhất" và chữ "Tự" hợp lại là chữ "Thủ", cũng là đầu. Tu đạo là một việc đại sự đầu tiên, nhưng tiếc thay, người đều quên mất bỏ gốc tìm ngọn.

"Danh lợi việc nhỏ người người ham,
Sinh tử việc lớn chẳng ai màng ;
Thanh tịnh là phước chẳng ai hưởng,
Phiền não là tội ai cũng tham".

Bên trái chữ "Đạo" là bộ "Sước" (đi). Ý nghĩa chữ "Đạo" là tự mình đi.

"Đạo thì phải hành, không hành sao có đạo,
Đức thì phải làm, không làm sao có đức ?"

Do đó mọi người phải tự mình tạo đức hạnh. Không phải gọi người làm còn mình thì không làm, đây gọi là "xả mình vì người". Lại nữa, không hại người là "Đạo", giúp người là "Đức". Nếu tổn người lợi mình thì thiếu đạo khuyết đức.

Đạo quý tại cung hành thực tiến. "Giàu nhuận phòng, đức nhuận thân". Bạn có tu hành thì quang diệu mỹ đại Thánh thần, có thể phát ra bên ngoài. Tôi không hiểu cao đàm khoát luận, chỉ giảng những lời lão lão thực thực này.

**NHỮNG CON TRÙNG
TÁC QUÁI TRÊN
THÂN CỦA MÌNH**

Hoà thượng Tuyên Hoá giảng tại

Vạn Phật Thành ngày 8 tháng 5 năm 1982

Người đến Vạn Phật Thành xuất gia đều là tự ý, không phải bắt buộc. Hoặc là người Mỹ, hoặc là người Hoa, các vị đó đều tự nguyện, khẩn cầu nhiều lần rồi mới được hứa khả cho xuất gia. Người quy y cũng vậy, họ tới Vạn Phật Thành đều do tự ý muốn quy y. Nếu họ không muốn thì cũng không ai ép buộc họ cả, bởi vì ép buộc không phải là pháp cứu cánh; cho nên nói : Cưỡng trịch chi qua bất điềm. (Dưa mà hái một cách miễn cưỡng thì không ngọt.)

Nếu người không tự ý xuất gia, thì dù bạn có cho họ đi tu, cuối cùng họ cũng hoàn tục. Có kẻ chân chính muốn xuất gia, nhưng sau thời gian lâu dài còn thối tâm hoàn tục, hưởng gì kẻ không thật tâm đi tu. Đó là những trường hợp có thể xảy ra.

Xuất gia là chuyện quang minh lỗi lạc, là việc của bậc đại trượng phu, không phải chuyện của kẻ đạo tặc, hèn hạ nhỏ mọn, hay làm việc tiểu nhân. Làm người xuất gia thì phải rõ bốn phận của người xuất gia, nhận thức rõ ràng địa vị và tông chỉ kẻ tu hành, đừng a dua với đám đông giống như kẻ thế tục vậy. Đừng có người ta nói dạ thì mình dạ, người ta nói đi thì mình đi, tự mình không có tông chỉ, không nhận thức rõ ràng.

Quy y Tam Bảo hay hộ trì Tam Bảo thì cũng vậy; khi các vị quy y Tam Bảo thì cần phải hộ trì Tam Bảo, không phải là mình quy y Tam Bảo rồi thì muốn Tam Bảo hộ trì mình. Đừng tìm tiện nghi ở trong Phật Giáo, nếu như vậy thì sau này sẽ chịu thiệt thòi, có hối hận thì đã trễ rồi đó.

Chúng ta người nào cũng đầy dẫy vọng tưởng, vọng tưởng nhiều như hạt bụi. Tại sao có vọng tưởng nhiều như vậy? Là bởi vì trong thân mình có rất nhiều vi trùng, có con lớn, có con nhỏ, có con già, có con trẻ. Những con vi trùng đó, có con thì có thần thông, có con thì có quỷ thông, có con thì có nhân thông, có con thì có thiên thông, có con thì có địa thông. Lũ trùng ấy ở trên thân ta thì triển pháp thuật, tác yêu tác quái. Chúng nó cũng biết đánh điện tín ! Hễ chúng đánh điện tín tới tâm mình một cái, thì mình khởi lên một cái vọng tưởng ! Cho nên vọng tưởng của mình thật không lúc nào ngừng nổi. Hễ vọng tưởng này vừa xẹp xuống, thì một điện tín kia truyền lại, khiến mình lại nổi lên vọng tưởng khác. Đó đều là do lũ trùng trong thân mình tác quái.

Những thứ trùng này, tuy là trùng nhưng nó là đặc vụ ! Có thứ thì có thiên thông, tức là đặc vụ trên trời xuống; có thứ thì biết thần thông, tức là đặc vụ của mây ông thần; có thứ thì biết nhân thông, tức là đặc vụ của loài người; có thứ thì gọi là quỷ thông, súc sinh thông. Có thứ trùng trợ giúp mình tu hành để phát Bồ Đề tâm, thì đó là thứ trùng có Phật thông; có thứ trùng kêu gọi người ta làm chuyện thiện, tức đó là Bồ Tát thông. Tóm lại, trong trời đất thiên địa, sâm la vạn tượng, ở trong phòng ốc, xá trạch, tận hư không khắp pháp giới, không có một loài nào mà chẳng sinh ra ở nơi thân của mình cả.

Vì sao chúng ta uống vitamin ? Là vì mình muốn nuôi dưỡng những thứ vi trùng đó; nuôi dưỡng chúng cho mập mạp ra. Tuy rằng mình không có thể ăn những thứ trùng đó, nhưng chúng có thể ăn thịt của mình. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rằng : "Thân người là do vô lượng, vô số vi trùng tích tụ thành." Các vị thử nghĩ coi : Thân mình là do từng con vi trùng này hợp thành; bây giờ mình lại đi làm tội tở cho chúng, muốn ăn ngon mặc đẹp, ở nhà sang trọng, thế chẳng phải là điên đảo sao ? Có lần những thứ vi trùng này họp hội nghị, làm cho mình sinh bệnh. Bác sĩ tới trị, trị cũng không lành. Lúc đó lũ trùng này mới vỗ tay, cười ha hả. Chúng rất hứng thú bởi vì mình phải đầu hàng chúng. Vì vậy những người không thích làm chuyện thiện, chỉ muốn làm chuyện xấu, muốn chiếm tiện nghi, đều do lũ trùng xấu ác dẫn dắt. Chúng làm mình không phát Bồ Đề tâm được, vì muốn làm mình đọa lạc, muốn làm mình mất tin tưởng.

Nếu các vị không tin thì cứ thử dùng dao xẻ thịt mình coi ! Qua vài ngày bọn trùng này sẽ lại ra hoạt động. Thế nên loài người thật đáng thương xót ! Coi thân thể mình như trân bảo ngọc ngà, nuôi dưỡng các thứ trùng đó, thật là chuyện sai lầm. Các vị tin, tôi cũng nói, mà các vị không tin, tôi cũng nói. Tôi nói ra là để cho bọn vi trùng này nghe, để cho chúng biết rằng trên thế giới này cũng có người biết được các hoạt động vi tế của chúng !

BỘ TRI CA TỈNH NGỘ

Việt dịch : Diệu Hạnh

Lúc đức Phật còn tại thế, trong thành Xá Vệ có một người rất giàu tên là Bộ Tri Ca, cha mẹ qua đời sớm, vì thế thuở ấu thời không được giáo dục đàng hoàng.

Bộ Tri Ca tính tình li lợm cứng đầu, động một tí là nổi cơn tam bành. Ông không có một người bạn thân nào vì không ai dám lại gần ông.

Bộ Tri Ca không tin đức Phật, nhưng đối với lục sư ngoại đạo thì lại cung kính lễ bái. Về sau ông mắc phải một cơn bệnh rất ngặt nghèo.

Ông đau đớn không kể xiết, nhưng không có lấy một người đến chăm sóc cho ông. Cả những vị ngoại đạo vốn được ông lễ kính, cũng chả có một người nào đến thăm hỏi.

Trong phút hấp hối, Bộ Tri Ca mới tỉnh ngộ ra rằng tính tình của mình quá ư thô bạo, suốt đời chưa từng kết giao với một người bạn nào, nên hôm nay lâm bệnh nặng không ai đến hỏi han chăm sóc. Ông bèn nguyện rằng, giá như có một người nào có thể cứu ông khỏi bệnh, ông thề sẽ suốt đời phụng sự người ấy để đền ơn. Ông lại nghĩ tiếp :

- Tính tình của ta không tốt như thế nên đã bị tất cả mọi người bỏ rơi từ lâu, bây giờ sẽ không ai thêm đối xử tử tế với ta cả đâu ! Chỉ có đức Phật mới từ bi bình đẳng, cứu khổ tất cả mọi người, không bỏ một chúng sinh đau khổ nào. Bây giờ ta muốn đi gặp Ngài quá, nhưng Ngài ở xa tí mù khơi, làm sao ta đi gặp Ngài được ?

Bộ Tri Ca cứ một lòng suy nghĩ như thế mãi. Lúc bấy giờ ở ngoài thành Xá Vệ xa xôi trong Kỳ Viên tinh xá, đức Phật biết Bộ Tri Ca đã tỉnh ngộ và hối cải, cơ duyên được độ đã thành thực, bèn phóng một luồng ánh sáng từ bi chiếu đến thân Bộ Tri Ca, khiến ông lập tức cảm thấy mát mẻ. Được nhìn thấy hình ảnh đức Phật trong ánh viên quang ấy, ông cũng cảm thấy tinh thần tỉnh táo hẳn. Ông biết rất rõ đây là ân huệ của đức Phật ban cho mình, mừng rỡ không cùng, vội năm vóc gieo đất lễ bái đức Phật từ xa.

Đức Phật dùng thần thông hiện trước mặt Bộ Tri Ca, ông thấy Thế Tôn thân hành giáng lâm, vừa kính sợ vừa vui mừng, chấp tay đánh lễ. Đức Phật hỏi :

- Ông thấy cái khổ nào là khó chịu nhất ?

- Bạch Thế Tôn ! Cái khổ của thân bệnh rất là khó chịu, nhưng con thấy cái khổ của tâm bệnh

càng khó chịu hơn. Nay cả thân lẫn tâm của con bị lâm trọng bệnh, thân và tâm của con đều khổ và đều khó chịu !

Bộ Tri Ca trả lời.

Đức Phật bèn dùng thần thông vô biên quảng đại, chọn một phương thuốc thần diệu tên là Bạch Không đưa cho Bộ Tri Ca uống. Uống xong, bệnh khổ liền dứt trừ, thân tâm ông sáng khoái dị thường.

Bộ Tri Ca lành bệnh rồi nên vô cùng tin kính đức Phật, ông mở một cuộc trai tăng với các phẩm vật thượng diệu nhất dâng lên Như Lai và chư tăng, rồi còn dùng quần áo giá trị cả triệu lượng vàng để cúng dường nữa.

Bộ Tri Ca lại còn phát thệ nguyện rộng lớn, nguyện đời đời kiếp kiếp về sau sẽ phụng hành đại bi, cứu chữa thân bệnh và tâm bệnh cho chúng sinh, khiến chúng sinh được an lạc.

Đức Phật nghe Bộ Tri Ca thề nguyện như thế bèn mỉm cười. A Nan tôn giả chấp tay thỉnh đức Phật cho biết nguyên nhân nụ cười này, đức Phật trả lời :

Trưởng giả Bộ Tri Ca lành bệnh rồi là bèn lập đàn trai cúng dường, lại còn phát nguyện Bồ Đề, tương lai sẽ thành Phật, rộng độ chúng sinh không có hạn lượng, vì thế ta hoan hỉ mà cười.

Đức Phật không bao giờ bỏ rơi chúng sinh, cho dầu chúng sinh ấy là người như thế nào đi nữa. Chỉ cần người ấy tỉnh ngộ sám hối là có nhân duyên được độ, và được đức Phật cứu giúp.

ẤN TỔNG KINH

Sắp tới Chùa sẽ bắt đầu in Kinh Hoa Nghiêm giảng giải tập 1, do cố Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng, quý vị nào hùn phước in Kinh, xin tùy hỉ, công đức vô lượng.

Le Sutra Du Merveilleux Dharma Du Lotus

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Lorsqu'il parle du Dharma, le Bodhisattva Manjusri ne faisait pas de différence parmi des dharmas. (Bien qu'il les ne discrimine pas parmi, néanmoins il ne distingue pas tous les Dharma. Ce qui est merveilleuse réside justement sur ce point, et c'est pourquoi il est connu comme possédant la merveilleuse vertu,

Un Upasaka demande : pourquoi y avait-il six défenses chez les éléphants ?

C'est une très bonne question et je suis heureux que vous la posiez : les six défenses représentent les six perfections et les éléphants représentent les dix mille conduites. Les six perfections sont : donation, la moralité, la patience, la vigueur, la méditation, et la sagesse. Elles ont été déjà expliquées alors il n'est pas nécessaire d'entrer maintenant dans les détails.

Le Bodhisattva qui écoute attentivement les sons du monde, son nom en sanscrit, c'est Avalokitésvara. En chinois, c'est Kuan Shih Yin, le contemplateur des sons du monde, « et Kuan Tzu Tsai, « promulguant la maîtrise de soi à tout être vivant. Nous devons tous connaître ce Bodhisattva. Parce qu'il est très compatissant, personne n'a peur de lui et tout le monde le connaît. Ce Bodhisattva est considéré comme une mère généreuse qui satisfait les désirs de tous les êtres vivants selon leurs besoins. Il y a un proverbe populaire chinois qui dit :

*Maison, maison Kuan Shih Yin,
Partout, amitabha.*

Kuan Shih Yin Bodhisattva est le principal disciple du Bouddha Amitabha. Le Bouddha Amitabha est le maître de la terre de l'Ultime Félicité de l'Ouest. A son côté gauche, se tient le Bodhisattva Kuan Yin et à sa droite, le Bodhisattva de la grande puissance. Ils sont connus comme les trois sages du monde de l'ouest. Quand le Bouddha Amitabha entrera dans le Nirvana, le Bodhisattva Kuan Yin

le succèdera. Le Bodhisattva Kuan Yin sera à son tour succédé par le Bodhisattva de la grande force.

Parce que le Bodhisattva qui écoute les sons du monde peut se manifester sous d'innombrables formes pour soulager les souffrances des êtres vivants, il est connu comme le grand compatissant Shih Yin. A l'aide de ses mille yeux, il voit les êtres vivants se jeter dans la mer des souffrances et avec ses mille mains, il les repêche.

Le vingt cinquième chapitre du Sutra de la Fleur du Dharma parle de tous les pouvoirs miraculeux du Bodhisattva.

Le Bodhisattva De La Grande Force. À chaque fois que ce Bodhisattva fait un pas, le grand trichiliocosme entier bouge de six manières différentes. C'est pourquoi il est appelé la Grande force.

Quels sont les six types de tremblements de terre ?

Les trois premiers se rapportent au mouvement ;

1. Le tremblement.
2. Le soulèvement.
3. La poussée.

Les trois suivants se rapportent aux sons :

4. Le claquement.
5. Le grondement.
6. Le craquement..

Ces mouvements sont beaucoup plus intensifs que ceux qui sont provoqués par nos plus grandes bombes. Cependant contrairement à nos armes modernes qui font de grands dégâts, les six types de tremblements ne faisaient aucun mal.

Le Bodhisattva De La Grande Puissance est aussi connu comme le Bodhisattva de la lumière illimitée parce que

celui qui voit sa lumière verra à travers les pores de cheveux du Bodhisattva, verra aussi bien la pure et subtile lumière des Bouddhas des dix directions.

Le Bodhisattva De La Vigueur Constant. « Constant veut dire ne quitte jamais. Il ne cesse jamais d'être vigoureux dans sa pratique. Il y a deux sortes de vigueur : la vigueur corporelle et la vigueur mentale. Ce Bodhisattva cultive les pratiques pour enseigner et transformer les êtres vivants. Il n'est pas comme certains d'entre nous qui entreprennent un projet et ensuite dès que les problèmes surgissent, le délaissent pour aller dormir ; le Bodhisattva de la Vigueur Constante ne dort jamais, il continue toujours son travail.

Il traversera d'incalculables kalpas tout en essayant d'enseigner un seul être humain et l'aider à faire naître son cœur du Bodhi. Il pourrait lui enseigner d'innombrables portes du Dharma, mais si jamais il ne serait capable de le sauver, malgré les efforts et le temps qu'il a dépensés pour le sauver, il ne s'en lassera jamais ou ne se découragera jamais. Si nous désirons sauver les êtres vivants, nous devrions suivre son exemple. Si dans cette vie, nous sommes incapables de sauver quelqu'un, nous devons nous déterminer à essayer de nouveau dans la vie prochaine, ou celle d'après encore jusqu'à ce que nous réussissions finalement.

D'autre part, si vous vous apercevez que quelqu'un vous a suivi en essayant de vous enseigner et de vous transformer, vous devez vous dépêcher d'apprendre leur enseignement par cœur et faire naître votre foi. Cette personne pourrait très bien être le Bodhisattva de la vigueur constante qui s'est donné beaucoup de mal, vie après vie, seulement pour essayer de vous enseigner ! Vous ne devez pas toujours continuer à l'ignorer, écoutez-la !

La vigueur mentale veut dire que vous ne vous découragez pas, vous ne vous dites jamais, « c'est trop dur ! » « trop de difficultés dans l'enseignement et la transformation des autres ». La vigueur constante est traduite à travers cette application vigilante et inlassable.

Le Bodhisattva Ne Se Repose Jamais. Vous vous demandez, quelle est la différence entre la vigueur constante et l'infatigable ? Les deux concepts ne sont-ils pas à peu près identiques ? Pourquoi avons-nous besoin de différencier les Bodhisattvas ?

En réalité, on ne sait pas combien y-a-t-il de Bodhisattvas de la vigueur constante, ni combien de Bodhisattvas Infatigables, ils sont innombrables. Nous ne pouvons pas non plus calculer le nombre de Bodhisattvas infatigables existants. En d'autres termes, si vous êtes constamment vigoureux dans votre cultivation de la doctrine du Bouddha, alors vous êtes vous-même le Bodhisattva de la vigueur constante. Si vous poursuivez votre étude de Dharma sans vous reposer, alors vous êtes le Bodhisattva infatigable, il doit exister certainement un nombre incalculable de ces Bodhisattvas.

« Mais quelle est la différence entre les deux ? » Bien qu'ils pratiquent la même doctrine, si vous voulez parler de leurs différences, le Bodhisattva de la vigueur constante revient continuellement sur le chemin de la naissance pour sauver les êtres vivants ; le Bodhisattva infatigable passe une grande partie de sa vie à sauver les êtres vivants sans jamais être fatigué.

« Ne pas se fatiguer » signifie qu'on n'a pas peur de la fatigue. Que vous soyez en train de vous prosterner devant Bouddha ou de réciter des Sutras, vous ne vous reposerez point même si votre lassitude est à l'extrême. Quoi que vous fassiez, vous ne vous autoriserez aucun répit. Le Bodhisattva Infatigable est toujours extrêmement occupé. Il ne se découragerait jamais même si personne ne l'aidait ou ne savait qu'il était en train d'accomplir de bonnes actions. Il ne vautait jamais ses propres mérites. Il y avait un laïc qui, pour se faire valoir, se vantait d'avoir distribué nombre de bienfaits ou d'avoir beaucoup œuvré pour le bien de la pagode. Sa fatuité ne lui servait pas à grande chose. Car les Américains venaient au temple de plus en plus nombreux et comme son anglais étant loin d'être bien maîtrisé, cette personne n'avait plus de moyen de se faire valoir. Il se comportait exactement à l'inverse du Bodhisattva Infatigable qui, pendant des kalpas aussi nombreux que les grains de sable du Gange, ne s'accordait la plus petite pause.

Les jours devenaient des mois, les mois des années, les années une myriade incalculable de kalpas sans que le Bodhisattva Infatigable ne se permette le moindre relâchement.

Le Bodhisattva A La Paume Parée De Bijoux : Ces parures ornées de gemmes, de pierres précieuses représentent les trésors du Dharma. Cette image fait allusion aux pratiques

suivies et aux vœux formulés par le Bodhisattva lorsqu'il avait débuté. Ces pratiques désignent les portes du Dharma que le Bodhisattva cultivait. Les serments fondamentaux sont ceux qu'il avait faits dans le rapport de la causalité lorsqu'il avait commencé sa pratique religieuse. Pour certains, cette représentation évoque ses pratiques et la voie vertueuse, pour d'autres il existe une autre explication : cette représentation symbolise le pouvoir du Bodhisattva.

Le Bodhisattva A La Paume Parée De Bijoux tient dans sa main différente trésor du Dharma. Le premier bijou est le joyau qui exauce les souhaits. Avec le joyau qui exauce les souhaits tout se passe en accord avec vos souhaits. Vous obtenez tout ce à quoi vous aspirez. Le deuxième bijou est la corde à piquet et le troisième est la coupe incrustée de bijoux. Le quatrième est l'épée parée de bijoux. Le cinquième est l'œil de vajra. Le sixième est le pilon orné de bijoux. Et le septième est la main qui donne le courage. La main qui donne le courage et qui chasse toute crainte.

Dans la relation de cause à effet, le Bodhisattva à la Paume de la Main Ornée de Bijoux, cultivait les quarante deux bras et yeux ; le Bodhisattva à mille Bras et mille Yeux qui contemplent les sons du monde. Ainsi on lui attribua le qualificatif de la Paume de la Main Ornée de Bijoux car il détient dans ses mains toutes sortes de pierres précieuses, de bijoux du Dharma. Ainsi il était surnommé le Bodhisattva à la Paume de la Main Ornée de Bijoux.

Le Bodhisattva Roi De La Médecine. Le Bodhisattva Roi de la Médecine et le Bodhisattva de la Médecine Supérieure sont décrits dans le Sutra Shurangama dans le chapitre qui parle des méthodes utilisées par les vingt-cinq sages pour obtenir la parfaite pénétration.

A propos du Bodhisattva Roi de la Médecine, on raconte le récit suivant. Il y a longtemps, le Roi Sage de la Roue Tournante avait mille fils. Ceux-ci ont tous renoncé à la vie de famille pour la vie religieuse. Ils deviendront les mille Bouddhas de notre ère cosmique, appelée le Digne Kalpa. Parmi ces mille Bouddhas, quatre se sont déjà manifestés, le Bouddha Sakyamuni étant le quatrième Bouddha à se manifester dans le Digne Kalpa.

Par ailleurs, le Roi de la Roue Tournante avait deux autres fils vivant avec leur concubine. L'aîné avait fait le vœu de protéger et de soutenir le

Dharma de ses mille grands frères, autrement dit de protéger et de soutenir ces mille Bouddhas. Chaque fois qu'un Bouddha se manifestait dans le monde, il exercerait ses fonctions de protecteur.

Le deuxième fils, suivant l'exemple de son frère, jurait qu'à chaque fois qu'un de ses mille frères devint un Bouddha, il serait le premier à lui faire des offrandes, non seulement une fois, mais aussi longtemps que ce Bouddha demeurerait dans le monde. Il ne ferait pas seulement des offrandes à l'aîné mais à tous ses mille frères sans distinction lorsque ceux-ci deviendront des Bouddhas.

Le plus jeune frère a juré qu'après que chacun de ces Bouddhas fut entré dans le Nirvana, durant la période de la fin du Dharma, il sauvera tous les êtres vivants. A la fin du Kalpa survinrent les trois catastrophes naturelles de l'inondation, de l'incendie et du cyclone ainsi que les fléaux de la guerre et de la peste. Durant l'épidémie tous ceux qui contractaient la maladie étaient condamnés à brève échéance. Mais le Bodhisattva Roi de la Médecine a juré de sauver tous les malades. Telle est l'histoire de la vie passée du Bouddha Roi de la Médecine. Il se consacrait exclusivement à guérir les maladies des êtres vivants. Il guérissait son seulement les maladies du corps mais aussi les maladies mentales. Ils guérissaient à la fois leur corps et leur esprit afin qu'ils puissent plus tard pratiquer le Bouddhisme. (à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Sutra :

Tous étaient de grands Arhats sans souillures, fils du Bouddha, habitants et observateurs, ils avaient pleinement transcendé toute existence et étaient capables de voyager partout et d'accomplir la conduite impressionnante.

Commentaire : Ces grands Bhiksus n'étaient pas simplement de grands Bhiksus, ils étaient des Bodhisattvas qui apparaissaient sous forme de Bhiksus. Alors, il est dit : "Ils pratiquaient en secret la conduite du Bodhisattva intérieurement." Extérieurement ils apparaissaient sous forme d'auditeurs. Bien que tous eussent été des Bodhisattvas de cœur, ils portaient intérieurement la nature fondamentale du Grand Véhicule, extérieurement ils pratiquaient les Dharmas du Petit Véhicule et apparaissaient comme de grands Arhats sans souillures. Une personne qui atteint le premier stade de l'éveil est appelée un petit Arhat, tandis que celui qui a atteint le quatrième stade est appelé un grand Arhat. Pourtant, qu'il soit petit ou grand Arhat, mais s'il ne progresse pas dans son étude, n'avance pas dans sa pratique, se contente de son niveau, satisfait de cette réalisation d'un Arhat, il est appelé un Shravaka de nature fixée. Il demeure fixé à ce niveau. Il obtient un peu de réalisation et est satisfait. Bien que ce qu'il obtient reste encore modeste, il pense que c'est suffisant et ne pense plus à progresser. S'il continue à progresser dans son étude et à avancer dans sa pratique, il peut atteindre la position d'un Bodhisattva. Ceci était le cas de grands Arhats dans l'assemblée du Shurangama.

Comme cela a été expliqué ci-dessus, Arhat est un mot sanscrit ayant trois significations suivantes : digne d'offrandes, sans renaissance et tueur de voleurs. Tandis que les Bhiksus peuvent recevoir des offrandes seulement des gens, les petits Arhat sont dignes des offrandes des gens de ce monde et des dieux. Les grands Arhats sont dignes de recevoir les offrandes non seulement des gens de ce monde et des dieux, mais aussi de ceux qui ont

transcendé le monde, c'est-à-dire de ceux qui ont atteint les états qui dépassent les six cieux du désir. Les grands Arhats peuvent recevoir les offrandes des Bodhisattvas parce qu'ils ont détruit les émotions perturbatrices au-delà des trois mondes, tandis que les petits Arhats ont détruits seulement les émotions perturbatrices à l'intérieur des trois mondes. Ainsi on peut dire que les grands Arhats apparaissent comme des Bhikshus et ne pratiquent pas la voie du Bodhisattva, dans leur cœur, ils ont la grandeur des Bodhisattvas et ils peuvent atteindre progressivement le niveau du Bodhisattva. Dans les vies passées, ils ont déjà réalisé l'état de Bouddha, mais parce qu'ils voulaient aider le Bouddha Sakyamuni à propager le Bouddhadharma, ils apparaissaient sous forme de Bhiksus pour agir comme des Arhats. Fondamentalement, ces Arhats sont de grands Bodhisattvas.

On dit aussi qu'un Arhat est sans renaissance. Ceci veut dire qu'il a déjà atteint l'état de patience avec la non-production des Dharmas. Un Arhat est appelé aussi un tueur de voleurs, parce qu'il a tué totalement les voleurs de l'ignorance.

Les gens qui ont atteint le fruit de la voie n'ont plus de souillures : Pas de souillures du désir, pas de souillures d'existence et pas de souillures de l'ignorance. Etant sans souillures, ils ne retombent plus dans les trois mondes : le monde du désir, le monde de la forme et le monde sans forme. Nous, les êtres humains, demeurons tous à présent dans le monde du désir, bien que nous vivons sur terre, nous appartenons en réalité en partie aux mondes des cieux et au monde du désir. Il est appelé le monde du désir parce que les gens de ce monde ont des pensées de désir et des désirs ardents qu'ils sont incapables d'arrêter. Il y a deux sortes de désir : désir des biens matériels et le désir sexuelle. Le désir des biens matériels, c'est être avide de toutes les choses agréables. Par exemple, si vous n'avez pas de maison, vous voulez en acheter une. Une

fois que vous l'avez achetée, vous pensez à en acheter une autre plus belle. C'est le désir des maisons. Dans le passé, les gens avaient l'habitude d'acheter de beaux chevaux pour se déplacer. Aujourd'hui, ils veulent de belles voitures. D'abord par nécessité ils achètent une voiture ordinaire, mais quand ils la conduisent, ils ne supportent pas le regard méprisant de leur entourage, alors ils achètent une autre plus belle voire le dernier modèle, comme le modèle change chaque année, en comparant la sienne avec le modèle plus récent, ils ressentent pourtant que leur voiture n'est pas assez bonne, alors ils se paient une nouvelle. C'est la passion des voitures. Ayant possédé la plus belle voiture, pour assouvir leur avidités, ils veulent maintenant s'acheter un avion. Une fois qu'ils ont possédé un avion, ils décident d'acheter des bateaux. Le désir pour des objets matériels n'en finit jamais. Ils ne se disent jamais : J'en ai eu assez, j'en suis satisfait. Je ne veux plus rien. Je ne suis plus avide de quoi que ce soit.

"D'où vient le désir ?"

Il vient de l'ignorance.

Il n'est pas nécessaire de parler des désirs sexuels car vous les comprenez tous, je crois. Ceci se réfère à l'avidité de la forme. On n'en est jamais satisfait. Une femme n'est pas suffisante ; il doit en avoir deux. Ensuite deux ne sont pas suffisantes ; il a besoin de trois. Certains hommes gardent dix ou vingt femmes. Comment supposez-vous qu'un homme peut satisfaire tant de femmes. Les empereurs avaient souvent plusieurs centaines ou plusieurs milliers de femmes réunies dans son palais. Ne diriez-vous pas que cela est trop injuste ? Maintenant, dans les pays démocratiques, les hommes sont autorisés à épouser seulement une femme. La pratique de la polygamie est interdite, pourtant, il y en a qui sont impliqués dans des affaires illicites. Emportés par le désir sexuel, beaucoup d'hommes et de femmes dissimulent leurs liaisons ; oubliant ainsi le règlement.

En plus de la souillure du désir, il y a la souillure de l'existence. Cette souillure se produit dans les cieux du monde de la forme où les habitants sont au-delà du désir. L'existence veut dire l'existence de tout et de rien.

Si vous êtes avide de l'existence et si vous n'arrivez pas à vous contrôler, alors vous êtes souillés par tout ce qui vous entoure.

La plus grande des trois souillures est celle de l'ignorance. L'ignorance est la racine de toute souillure. A partir des souillures de l'ignorance, naissent celles de l'existence et du désir. Si

l'ignorance disparaît, les deux autres disparaissent aussi.

"LES FILS DU BOUDDHA" ceci ne fait pas allusion à Rahula, le fils du Bouddha. Le terme « fils du Bouddha » désigne les grands Bhiksus, les grands Arhats sus-mentionnés. Le Sutra du Filet de Brahmâ dit :

Quand les êtres vivants formulent les vœux d'un Bodhisattva,

Ils entrent dans la position des Bouddhas.

Leur position est la même que celles qui sont grandement illuminées.

Ils sont appelés les vrais fils du Bouddha.

Les êtres vivants qui, ayant formulé les vœux d'un Bodhisattva ont des qualités requises pour réaliser l'état de Bouddha. Quand leur éveil arrive, ils sont appelés les fils du Bouddha.

Le Sutra du Dharma du Lotus dit :

Parce qu'ils surviennent « de la bouche » du Bouddha et sont nés par transformation par le Dharma, ils sont appelés les fils du Bouddha.

Que veut dire être né par transformation par la bouche du Bouddha ? Demandez-vous.

Quand on est enseigné et transformé par le Bouddha, on devient éveillé, ainsi on est né par le Bouddhadharma. Par exemple, le jour où vous avez pris refuge en le Triple Joyau fut votre nouveau jour de naissance, le commencement d'une nouvelle vie.

Ceux d'entre-vous qui avez pris refuge en le Triple Joyau sont les disciples du Bouddha et sont appelés les fils du Bouddha.

Comme habitants, ils demeuraient dans le Bouddhadharma et comme observateurs, ils avaient confiance en le Bouddhadharma dans leur pratique. Précisément, selon les termes du Sutra Shurangama, ils demeuraient dans la nature du Tathagata et maintenaient l'ultime, ferme et durable Samadhi. Ils devraient protéger et maintenir le Samadhi et ne pas lui permettre de se disperser ou de se perdre.

Le terme Chu Ch'ih, Supérieur, celui qui dirige un monastère signifie littéralement un habitant et un observateur du Bouddhadharma car sa mission consiste à maintenir, à transmettre et à propager le Bouddhadharma, afin de perpétuer la lignée de la sagesse du Bouddha, tels les grands Arhats de l'assemblée du Shurangama.

Les Arhats "avaient transcendé totalement toute existence", c'est-à-dire les vingt cinq mondes

d'existence trouvés dans les trois mondes et étaient capables d'être présents partout.

Ils avaient la capacité de vivre dans n'importe quel pays dans les dix directions, pas seulement dans notre monde Saha, parce qu'ils étaient des Arhats et possédaient des pouvoirs spirituels, capables de toute réalisation, ils pouvaient voler ou marcher à leur guise.

"S'ils pouvaient être présents partout, pourquoi n'en ai-je jamais vu en Amérique ?" Vous pouvez vous demander.

Même s'ils étaient venus en Amérique, vous n'auriez pas été capables de les voir ni de vous en rendre compte car à l'époque où le Bouddha était en ce monde, vous n'étiez même pas encore nés !

Ils étaient capables d'accomplir la conduite impressionnante. Ils dégageaient une impression de faire peur aux gens, pourtant avaient une conduite que les gens souhaitaient imiter. Ils étaient dignes de respect parce qu'ils se différenciaient des gens ordinaires dans leurs manières respectés par tous ceux qu'ils rencontraient. "Ah, cette personne est vraiment bonne, vraiment digne de respect et d'admiration." Partout où ils allaient, les grands Bhiksus ne regardaient pas les choses impures. Ne jetaient le moindre coup d'œil à droite ou à gauche tel un voleur qui a l'intention de voler, les yeux baissés constamment sur le nez, le nez baissé sur la bouche et la bouche observait le cœur. Quand ils marchaient, leur regard ne dépassait pas trois pieds devant eux. De cette façon ils retournaient la lumière pour illuminer l'intérieur. Si impressionnant était leur maintien qu'ils ne s'adonnaient jamais aux activités bruyantes ou aux jeux brutaux, ne ricanaient jamais ne plaisantaient. Ils se comportaient d'une manière très stricte et très distinguée.

Sutra :

Ils suivaient le Bouddha pour tourner la roue du Dharma et étaient merveilleusement dignes du legs. Stricts et purs dans le Vinaya, ils étaient de grands exemples dans les trois mondes. Leurs innombrables transformations menaient les êtres vivants et les libéraient de leurs souffrances, volaient au secours de ceux qui pourraient dans le futur transcender tous les dépôts de poussière.

Commentaire : Ces quatre phrases font l'éloge des quatre grandes vertus admirables qui caractérisent

la pratique des Arhats. La première phrase loue la vertu de la sagesse de l'Arhat, la deuxième fait l'éloge de l'observance des vœux, la troisième loue la vertu de l'amour universel et la quatrième fait l'éloge de la vertu de la compassion.

ILS SUIVAIENT LE BOUDDHA POUR TOURNER LA ROUE : Les Arhats suivaient constamment le Bouddha, non seulement pour le servir ou subvenir à ses besoins lui apporte une serviette ou lui offrir une tasse de thé, tout en étant pieux envers le Bouddha, ils l'aidaient à tourner la roue. Il ne s'agit pas ici de la roue tournante des six royaumes mais plutôt la grande roue du Dharma.

"Pourquoi ceci est appelé une roue ?" Demandez-vous.

Dans un sens concret, une roue peut moulin les grains : la roue du moulin écrase les grains de riz et d'autres grains. La roue du Dharma broie toutes les portes latérales et les chemins non-bouddhistes pulvérisent et détruit leurs enseignements erronés et impropres.

Une roue transporte aussi. Juste comme un bateau qui transporte la cargaison de l'Australie jusqu'à l'Amérique. Aussi la roue du Dharma transporte des êtres vivants de la rive de la naissance et de la mort jusqu'à l'autre rive du Nirvana. L'enseignement du Dharma est comme un bateau qui transporte les gens d'un lieu à un autre.

"Ils étaient merveilleusement dignes du legs." Ils avaient tous atteint des états inimaginables et ainsi étaient merveilleusement dignes du legs. « Digne » car arrivés à ces états inimaginables, non seulement ils étaient capables, mais ils avaient le droit de recevoir les legs du Bouddha, c'est-à-dire les instructions ainsi que les futures tâches que le Bouddha va donner avant son entrée dans le Parinirvana. Comme dans une famille ordinaire : Quand le père est sur le point de mourir, il donne à ses fils et filles des instructions sur leurs futures tâches concernant leurs occupations familiales. Le Bouddha recommande aussi à ses disciples, en leur disant : "Vous devriez travailler de cette manière, aller à cet endroit et tourner la roue du Dharma pour enseigner et transformer les êtres vivants." Ceci est appelé le legs. (à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Mantra :

12. JYU JR NAN

Poème :

Des milliers de millions de Bodhisattvas et de millions de millions de Bouddhas, chefs suprêmes parmi des sages, les protecteurs des pratiquants, avec un vrai esprit, cherchez le Dharma, soyez à jamais le non retrait, dans le futur, il est certain que vous serez dans la terre du non-concerné.

Commentaire : JYU JR veut dire « cent millions » NAN signifie « les chefs suprêmes. » Alors le sens de la phrase est : des milliers de millions des Bodhisattvas et de millions de Bouddhas sont des chefs suprêmes parmi les sages, les protecteurs des pratiquants, avec un vrai esprit, cherchez le Dharma, soyez pour toujours le non retrait, si vous cherchez vraiment le Dharma, alors comment avez vous le temps de bavarder, de courir par-ci, par-là créant des problèmes ? Vous devrez constamment observer vous-même, autrement vous n'y serez pas à temps. Vous devriez utiliser votre vrai esprit pour chercher le Dharma et ne jamais vous en lasser. Vous devez faire du progrès, soyez vigoureux et courageux. Dans le futur, il est certain que vous serez dans la terre « du non-concerné », la terre d'Ultime Félicité et le monde du Lapis Lazulite de l'Ouest.

Il veut dire être né dans la terre des Bouddhas.

Mantra :

13. SWO SHE LA PA JYA.

Poème :

Au milieu des montagnes profondes et des vallées cachées, ils pratiquent la voie mystérieuse.

D'innombrables choses sont produites puis détruites selon les douze conditions causales, les fleurs du printemps fleurissent, les feuilles d'automne tombent.

Tout d'un coup, dans l'illumination brillante, surgit la vraie signification.

Commentaire : SWO SHE LA PE JYA se traduit comme « solitaire une fois revenant » et PE JYA se

traduit comme « illuminé conditionnellement. » Au milieu des montagnes profondes et des vallées cachées, ils pratiquent la voie mystérieuse et merveilleuse, dans les vallées isolées. D'innombrables choses sont produites puis détruites selon les douze conditions causales : l'ignorance conditionne l'activité ; l'activité conditionne la conscience ; la conscience conditionne le nom et la forme, le nom et la forme conditionnent les six entrées ; les six entrées conditionnent le contact ; le contact conditionne le sentiment, le sentiment conditionne l'amour, l'amour conditionne la cupidité, l'avidité conditionne le devenir, le devenir conditionne la naissance, la naissance conditionne la vieillesse et la mort. Quand l'ignorance est éteinte, l'activité sera éteinte, lorsque l'activité est éteinte, la conscience sera éteinte, quand la conscience est éteinte, le nom de la forme seront éteints, et quand le nom et la forme ont été éteints, les six entrées seront éteintes, quand les six entrées ont été éteintes, alors le contact est éteint et ainsi de suite jusqu'à la fin, tout sera éteint. C'est l'extinction de l'écoulement de l'existence conditionnée. Par conséquent pratiquez des causes et des conditions pures.

Les fleurs du printemps fleurissent, les feuilles d'automne tombent, au printemps, ils regardent la floraison des fleurs blanches, et à l'automne, ils voient les fleurs jaunes tombent. C'est la loi de la nature.

Tout d'un coup, dans l'illumination brillante, s'éclaircit le vrai sens, ils comprennent soudainement. Quand le Bouddha était présent dans le monde.

Ils sont appelés des Illuminés Conditionnés, quand Bouddha est absent dans le monde, ils sont appelés des Illuminés Solitaires.

Mantra :

14. SENG CHYE NAN.

Poème : Pratekyas sont des Shrotaapannas.

Illuminés Solitairement et des Illuminés Conditionnellement :

Leur signification est la même.

Ils se purifient assidûment, avec une détermination résolue.

Le commandement supérieur est transmis à ceux qui étudient et à ceux qui n'ont plus rien à étudier.

Commentaire : SENG SHYE NAN signifie « Sangha », ceux qui ont quitté la vie de famille, NAN veut dire « premier ». Ils sont les plus avancés parmi ceux qui étudient et ceux qui dépassent toute étude. Shrotaapanna, Sakridogamin et Anagamin, ce sont les trois premières étapes d'Arhatship, sont connus comme ceux qui sont encore dans la position d'étude. Ensuite quand on a réalisé la quatrième étape d'un Arhat, on est au niveau de la non-étude. Pratyekas sont des Shrotaapannas, Bouddha Pratyeka se traduit comme ni illuminé solitaire ni illuminé conditionné. Alors le vers dit : Les Illuminés Solitaires et Conditionnés : leur signification est la même. Lorsque le Bouddha était en ce monde, les illuminés conditionnés sont éveillés après avoir entendu Bouddha prêcher les douze interdépendances. Quand Bouddha n'était plus de ce monde, ils vivaient retirés dans les montagnes et les vallées, observant ces douze causes conditionnées et devinrent illuminés eux-mêmes. Ils sont appelés des Illuminés Solitaires.

Avec une détermination résolue, ils se nettoyaient proprement, balayant toute fausse réflexion d'une manière assidue. Le commandement supérieur était transmis à ceux qui étudiaient et à ceux qui ont dépassé toute étude. Cela désigne les niveaux d'Arhatship. Ce sont les premiers grands Arhats désignés ici.

Mantra :

15. NA MWO LU JI E LWO HAN
DWO NAN.

Poème :

Digne d'offrandes, tueur de voleurs
Atteint un état de la non-naissance.
Un champs des bénédictions labouré
vigoureusement.
Prenez soin du fruit du Bodhi sans égal.
L'illusion terminée, dans la vraie pureté
La voie du Bouddha est accomplie.

Commentaire : LU JI veut dire « le monde » E LWO HAN veut dire « un Arhat ». C'est un mot sanscrit renfermant trois sens :

1. Digne d'offrandes
2. Tueur des voleurs
3. Celui qui atteint l'état de la non-renaissance.

Arhat est le niveau du fruit pour un Bhiksu, les trois sens du Bhiksu sont :

1. Celui qui mendie de la nourriture
2. Celui qui se débarrasse du mal
3. Celui qui fait peur à Mara

Le fruit de la mendicité de la nourriture c'est d'être digne d'offrandes.

Le fruit du débarras du mal c'est d'être un tueur de voleurs ; celui qui fait peur à Mara, c'est d'être au-delà de la renaissance.

Un Bhiksu digne d'offrandes veut dire qu'il pourrait recevoir les offrandes des gens et des Dieux. Un tueur de voleurs signifie qu'il devrait tuer les voleurs d'afflictions dans sa propre nature. Celui qui atteint la non-renaissance, veut dire qu'il ne doit plus subir la naissance et la mort. NAN à nouveau, signifie le premier. Un Arhat est celui, dans le monde qui représente un champs de bénédictions pour les gens et des dieux. Alors tous les êtres vivants dans le monde peuvent planter leurs champs de bénédictions en faisant offrandes à un Arhat.

Le champs de bénédictions du monde doit être labouré vigoureusement ; vous devriez utiliser tous vos efforts pour pratiquer et labourer le champs des bénédictions. Prenez soin du fruit du Bodhi sans égal, soyez prudent à l'arrosage et pratiquez le fruit du Bodhi sans égal.

L'illusion irradiée, dans la vraie pureté, la voie du Bouddha est accomplie, il s'agit des illusions de la vue, de la pensée et les illusions semblables à des poussières et du sable. Une fois que disparaissent ces illusions et ces poussières la vraie vérité de la nature du soi se manifestera. (à suivre)

LE MANTRA DE LA GRANDE COMPASSION

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

8. SA PAN LA FA YE.

Sa Pan La veut dire « majestueux ». Quand vous récitez cette phrase, les quatre rois célestes viennent exercer leurs fonctions de protecteurs du dharma. Fa Ya signifie « honoré du monde » ou sagement honoré ». Il désigne un sage qui est honoré mondialement, et majestueusement, le Bouddha. La phrase se réfère au « joyau du Bouddha ».

9. SWO DA NWO DA SYE.

La plupart des gens prononcent le premier mot de cette ligne comme « Shu », mais il devrait être prononcé : « Swo ». Swo Da Nwo signifie Dharma. De quel Dharma s'agit-il ? C'est la place de la merveilleuse victoire, la loi de la merveilleuse victoire. Elle veut dire aussi « sublime, suprême et émanant la victoire. Rien n'est plus sublime que cette loi et rien n'est plus suprême ; elle émane la victoire.

Une autre interprétation : c'est le corps merveilleux et victorieux qui s'élève, une sorte de montée subtile et merveilleuse, c'est le corps victorieux. C'est une autre façon de traduire. C'est l'étape du véhicule le plus suprême, « se référant au monde de celui qui a déjà obtenu la dixième étape de la Bodhisattvaïté.

Da Sye représente le joyau de Sangha. Sa Pan La Fa Ye représente le joyau du Bouddha. Swo Da Nwo représente le joyau du dharma. Da Sye représente le joyau de Sangha. Ainsi, l'ensemble de la phrase se réfère aux Trois joyaux. Cela signifie que nous devrions demander la protection des trois Joyaux.

Da Sye doit utiliser les doctrines de l'enseignement pour commander tous les spectres et les esprits et

utiliser le Mantra pour les acquérir, c'est-à-dire utiliser l'enseignement et faire appel au Mantra.

10. NA MWO SYI JI LI TWO YI MENG E LI YE.

Na Mwo, Na Mwo maintes et maintes fois. Il semble que vous disiez toujours Na Mwo aux autres mais jamais à vous-même. Ceux qui appliquent la voie

devraient dire Na Mwo à eux-mêmes mais pas simplement rendre hommage aux autres.

Na Mwo signifie « je, moi-même, prends refuge auprès des Trois Joyaux infiniment illimités des dix directions ».

Syi Ji-Li signifie « totalement », « vénérer totalement ». Two Yi Meng veut dire « Je ». C'est le « je » du sans moi. Alors on s'incline totalement, mais pour le soi-même du sans-soi. Comment peut-il y avoir le sans-soi ? Puisque le « moi » n'existe pas si quelqu'un vous frappe, vous ne ressentez pas de douleur, s'il vous gronde, vous ne vous sentez pas gênés. S'il vous insulte, c'est comme s'il ne s'est rien passé. Vous n'avez même pas besoin d'être patient parce que si vous devez vous servir de la patience, vous êtes déjà tombés dans la deuxième position votre « moi » existe. Ici, vous n'avez même pas besoin de la patience parce qu'il n'y a fondamentalement aucune patience à utiliser et rien à utiliser.

E Li Ye signifie « le sage ». Alors, on vénère totalement le « je », le sage. Tous les Bodhisattvas, Mahasattvas, tous les dieux et dragons et la division entière des huit des êtres surnaturels devaient s'incliner devant le sage du « je » du « sans-moi ». Il existe beaucoup de sages. Qui sont-ils ? Ici, je vais vous le dire.

11. PE LU DI SHR FWO LA LENG TWO PE.

Pe Lu Ji veut dire « contempler ». Shr Fwo La signifie « confortable » ou « les sons du monde ». C'est justement le Bodhisattva qui observe les sons du monde. Il est nécessaire que le Bodhisattva qui observe les sons du monde, soit confortable dans la contemplation. Si vous pouvez être confortable, dominateur et sauver des êtres vivants, alors vous êtes également un Bodhisattva. Il n'est pas sûr que le Bodhisattva qui écoute les sons du monde soit le Bodhisattva. Si vous pouvez maîtriser ce Dharma, vous êtes une transformation de ce

Bodhisattva. Si je le maîtrise, je suis une transformation du Bodhisattva.

Leng Two Pe signifie « une île dans la mer ». Il se réfère à la montagne Potala où le Bodhisattva observe les vies, les sons du monde, la montagne P'u T'o en Chine. Potala veut dire « les petites fleurs blanches » parce qu'elle est couverte de petites fleurs blanches. Là, il y a un palais construit de pierres appelé « le palais de l'amour compassionnante ». C'est là où vit le Bodhisattva. Il est construit aussi magnifiquement qu'un palais céleste et orné de sept sortes de pierres précieuses : or, argent, lazurite, cristal, nacre, perles rouges et carnelian. Mais il n'est pas facile d'y accéder.

Pe Lu Jye Shr Fwo La est la personne compatissante. Leng Two Pe est le palais compatissant où le Bodhisattva observe les vies, les sons du monde.

12. Na Mwo Nwo La Jin Chr.

Dans cette ligne Na Mwo signifie encore « prendre refuge et offrir sa vie et se soumettre respectueusement. Nwo La veut dire « le digne » et Yin Chr signifie « amour compassion », l'amour dans le sens de la protection compatissante. Alors, l'amour d'un Bodhisattva donne une bonne protection. Auparavant, je parlais des dix cœurs du Sutra dans l'apparition du Mantra ; nous devrions nous reposer sur eux dans la pratique.

Nwo La Yin Chr : « bonne protection du digne compatissant », se réfère au premier, au sixième et au dernier des dix cœurs c'est-à-dire le cœur de la grande compassion, le cœur du respect et le cœur du Bodhi sans égal.

13. SYI LI MWO HE PAN DWO SA MYE

Syi Li signifie « le cœur ». De quel cœur s'agit-il ? C'est le quatrième des dix cœurs, le cœur immaculé et indépendant qui vous instruit comment maintenir un cœur pur et sans souillure. Votre cœur est souillé par des pensées de cupidité, de haine, de stupidité, de fierté et du doute. Sans ces pareilles pensées, votre cœur est sans souillure. Mwo He signifie encore « grand ». Pan Dwo sa mye signifie « la lumière brillante ». Mwo He peut aussi signifier « longue ». Pan Dwo Sa Mye veut dire « un long éclat illuminé », une brillance constamment illuminée.

Vous pouvez dire « j'ai entendu beaucoup de conférences de Sutra, et... ». Oui mais à moins que je vous fasse connaître la signification du Mantra de la grande compassion, vous ne le sauriez jamais. « Il est très difficile de rencontrer quelqu'un qui puisse expliquer le Mantra de la Grande compassion. En effet, pour être franc, il n'y a personne qui sache comment l'expliquer. Il n'y a personne qui connaisse la fin du Mantra de la Grande compassion.

« Alors, comment le sauriez-vous ? » Vous demandiez-vous. Ne me demandez pas comment. Je ne vous ai pas demandé, alors vous ne devriez pas me demander. Comment l'ai-je su ? Bien sûr je le sais. Si je ne le savais pas, je ne serais pas capable de vous l'expliquer. Alors, ne me demandez pas comment je le sais. Au lieu de le demander, demandez-vous plutôt pourquoi vous ne le savez pas ? Si vous savez pourquoi vous ne le savez pas, vous saurez comment je le sais. D'autre part, si vous ne savez pas pourquoi vous ne le savez pas, vous ne serez pas capable de savoir comment je le sais, c'est ce qui rend la chose merveilleuse.

Par exemple, une fois, quelqu'un m'a demandé « pourquoi avez-vous quitté la vie de famille ? » Au lieu de répondre à sa question, je lui ai demandé : « pourquoi n'avez-vous pas quitté la vie de famille ? » Si vous le savez, vous sauriez pourquoi je l'ai fait ; tel est le principe. Au lieu de me demander pourquoi je comprends, demandez à vous-même pourquoi vous ne comprenez pas ? Quand vous savez pourquoi vous ne comprenez pas, vous saurez alors pourquoi je comprends. (à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

7. RIEN ATTEINT, REIN PARLE

Sutra : “Subhuti, qu’en pensez-vous ? Le Tathagata est-il parvenu à Anuttarasamyaksambodhi ? A-t-il parlé du Dharma ?

Subhuti dit, “Ainsi j’ai compris ce qu’a dit le Bouddha : il n’y a aucun Dharma concret appelé Anuttarasamyaksambodhi, et il n’y a aucun Dharma concret dont le Tathagata a parlé. Et pourquoi ? Les Dharmas parlés par le Tathagata ne peuvent pas être saisis ni expliqués. Ils ne sont ni Dharmas ni non-Dharmas. Et pourquoi ? Ce sont ces Dharmas inconditionnés qui distinguent des honorables sages.

Tathagata est un mot sanscrit qui le traduit comme le « Celui ainsi venu ». C’est le premier des dix titres du Bouddha. Il signifie que le Bouddha a découvert la Voie qui est « Ainsi » ainsi il atteint la vraie illumination.

Commentaire :

“Le Tathagata a-t-il “atteint” Anuttarasamyaksambodhi ? Atteint est défini en rapport avec “perdu”. Quand une chose a été perdue, elle peut-être atteinte. Dans cette phrase, on devrait remplacer le mot “atteint” par le mot “perdu” ; le Tathagata a-t-il perdu d’Anuttarasamyaksambodhi ? S’il ne l’a pas perdu, alors il lui est impossible de l’atteindre de nouveau. Cette explication devrait se faire comprendre.

Si on regarde les deux côtés de la question, on comprendra réellement que : Anuttarasamyaksambodhi est : personne n’est meilleur, pur et égal, c’est une illumination réelle.

“Le Tathagata a-t-il parlé du Dharma ?” On peut aussi tourner la question et demander : “Le Tathagata n’a-t-il pas parlé du Dharma ?” Si on dit

qu’il n’a pas parlé du Dharma, si, il l’en a parlé. Si on dit qu’il en a parlé, alors pourquoi a-t-il demandé lui-même s’il en avait ou n’en avait pas parlé ? Que devrait-on répondre à cette question ? Le Bouddha posait la question pour tester la sagesse de Subhuti. S’il avait de la sagesse, il comprendrait le principe.

Comme le Tathagata avait atteint l’Anuttarasamyaksambodhi, Subhuti ne fit aucune réponse. Il dit, “mon idée c’est qu’il n’y a rien qui soit pareil à Anuttarasamyaksambodhi. Il n’y a aucun Dharma de ce nom. Donc qu’est ce qui pourrait être atteint ou perdu ? Pourquoi n’y a-t-il pas un tel Dharma ? Parce qu’il n’y a pas de Dharma concret dont le Tathagata pourrait parler. Ce dont le Tathagata a parlé c’est que : Anuttarasamyaksambodhi n’est rien qu’un nom. En réalité même le nom est vide et sans existence indépendante. Puisque fondamentalement, rien n’existe, par conséquent, qu’est ce qui pourrait être atteint ou perdu ?

L’enseignement a été parlé, parce qu’il y a des gens. Le médicament est prescrit parce qu’il y a la maladie. Le Dharma dont parle le Tathagata ne peut pas être saisi. De même, on balaye le plancher quand il est sale, poussiéreux. Qui parle ? Qui balaie ? Le Dharma parlé c’est le Dharma poussiéreux que le Tathagata balaie. Il ne peut pas être saisi. Ce n’est pas Dharma et ni non-dharma. Qu’est-ce qu’il y a comme Dharmas. Il n’y en a pas. Il n’y a rien du tout.

Par conséquent, ce qui distingue des honorables sages c’est le Dharma inconditionné. Le Dharma inconditionné est non-actif et dépourvu de réalité. Au fond, l’enseignement du Bouddha n’a pas besoin d’être étudié. Il est en nous, tout le monde est capable de le connaître. Quand on renonce à l’attachement, l’enseignement du Bouddha apparaît. Si les attachements ne sont pas délaissés, plus on s’en empare, moins on en a.

Rien ne peut être obtenu. Il est nécessaire de mettre fin aux attachements avec la main gauche et avec la main droite. On recueille la réalité du

Prajna. C'est juste une façon de parler car cela ne veut pas dire qu'il y a réellement quelque chose qu'on peut ramasser empoigner avec les mains. Si on pourrait empoigner tout l'espace vide dans son poing, alors on pourrait saisir le contenu de la réalité du Prajna.

Si vous êtes incapable de saisir tout l'espace vide avec votre main, il vous serait inutile de tenter de se cramponner à la réalité du Prajna. Le réel signe du Prajna épuise l'espace vide et pénètre le monde du Dharma. Tous les Dharmas sont fondamentalement à l'intérieur de la réalité du Prajna.

Comment un fermier pourrait-il saisir cela ?

C'est simplement à cause des attachements que la substance principale du corps de la loi n'a pas été atteinte, et son visage originel n'est pas reconnu.

Le Sixième Patriarche dit :

"Au fond, le Bodhi n'a aucun arbre,
Le brillant miroir n'a pas de support
Il n'y a, en réalité aucune chose.

Alors où la poussière peut-elle se poser" ?

Ceux qui peuvent réellement mettre fin à tout attachement et étudier clairement la voie, peuvent atteindre l'authentique, originelle et vraie existence du Prajna.

Dire qu'on atteint : c'est juste une figure du discours. En réalité il n'y a absolument rien à atteindre parce que rien n'a jamais été perdu.

8. EN COMPTANT SUR LA LOI, ILS VIENNENT EN AVANT

Sutra : "Subhuti, que pensez-vous, si quelqu'un remplissait trois mille grands systèmes du monde avec les sept sortes de pierres précieuses et leur donnaient en offrande, obtiendrait-il beaucoup de bénédictions et de vertus ?"

Subhuti dit, " Absolument, Seul Honoré du Monde. Et pourquoi ? De pareilles bénédictions et vertus ne sont pas considérées comme de vraies et naturelles bénédictions et vertus. Cependant ce sont de nombreuses bénédictions et de vertus dont a parlé le Tathagata?"

"Si, d'autre part, une personne avait entendu et retenu de ce Sutra ne serait ce que quatre lignes et en parlait aux autres, ses bénédictions dépasseraient celles

d'auparavant. Et pourquoi ? Subhuti, tous les Bouddhas et toutes les doctrines des Bouddhas de l'Anuttarasamyaksambodhi viennent au monde grâce à ce Sutra. Subhuti, les enseignements dont Bouddha a parlé ne sont pas les enseignements du Bouddha."

Commentaire : Dans ce chapitre, il est énoncé que tous les Bouddhas et tous les Bodhisattvas sont présents au monde grâce à ce Sutra.

Tout système mondial contient :

- Un Mont Sumeru et
- Une Série de quatre grands continents, c'est à dire :
- Jambudvipa au Sud,
- Purva-videha à l'Est
- Aparaganiya à l'Ouest,
- Uttarakuru au Nord et
- Un Soleil et une lune.

Un millier de systèmes mondiaux réunis est appelé un petit millier de systèmes mondiaux. Un millier de petits milliers de systèmes mondiaux est appelé un moyen millier système mondial. Un millier, de moyens milliers systèmes mondiaux est appelé un grand millier système mondial. Parce que le mot "millier" arrive trois fois, le grand millier système mondial est reporté aux trois milliers des grands milliers de systèmes du monde. Ce gigantesque système mondial contient des terres du Bouddhas illimitées, et en dépit de son nom, le nombre des mondes qu'il contient peut varier, parce que le Dharma n'est pas fixé. On ne devrait pas trop attacher à un nombre exact.

La personne qui donne les sept sortes de pierres précieuses : or, argent, lapis lazulite, cristal, nacre, perles rouges et carnelian en réalité donne juste qu'une parite. S'il offre suffisamment pour remplir en entier les trois milliers des grands milliers systèmes mondiaux. Combien cela ferait-il ?

Subhuti dit : « Une telle personne acquérait beaucoup dans la voie de bénédictions et vertus. Bien que ses bénédictions et ses vertus, étant palpables, ne soient pas des véritables bénédictions et vertus qui sont sans vérité. »

Par conséquent, bien que les bénédictions et les vertus dont parlait le Bouddha soient immenses, elles sont superficielles dépourvues de nature réelle des bénédictions et vertus. Alors quand le Bouddha parlait de nombreuses bénédictions et vertus, il faut penser à leur côté réel, concret, et non pas à leur nature. (à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEGALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Vous pouvez penser, « Vous me dites de croire au principe des causes et effets, que j'ai de bonnes racines, mais franchement, je ne pense pas que ce soit vrai ».

Comment pouvez-vous dire si oui ou non vous avez de bonnes racines ? Les gens me demandent souvent de leur dire si oui ou non ils ont de bonnes racines, mais je leur demande de me dire si j'ai de bonnes racines. Ils disent, « Je n'en sais rien », et je leur réponds « Alors comment devrais-je savoir à votre propos ? Mais j'ai une méthode pour vous enseigner comment découvrir. Vous avez rencontré l'enseignement du Bouddha parce que vous avez de bonnes racines ; autrement, vous n'auriez pas eu cette occasion ».

« Il faut reconnaître que j'ai rencontré l'enseignement du Bouddha », vous dites, « mais il est possible que je n'aie pas de bonnes racines ? ».

Si vous en manquez, plantez-les. Si vous ne les plantez pas, vous n'en aurez jamais rien ! Si oui ou non vous avez de bonnes racines, n'est pas un grand problème. La question c'est oui ou non vous allez les planter et les nourrir en pratiquant selon le Dharma.

Par exemple, l'enseignement du Bouddha nous enseigne de ne pas boire de l'alcool, mais vous risqueriez votre vie en le faisant. Ivre, avec votre tête confuse vos regards troubles, votre cerveau prêt à exploser, là vous descendez la route de la stupidité.

L'enseignement du Bouddha vous apprend à ne pas voler, mais même si votre vie était en jeu, vous voleriez. Celui qui se cultive réellement selon le Dharma ne ment pas, ne boit pas, ne vole pas, ne tue pas ou ne commet pas d'adultère. Obéissez au Bouddha et abstenez-vous de faire du mal. Ne pensez pas que les petites fautes sont sans importance, justement ce sont les petites fautes qui vous entraînent dans les enfers ou dans les chemins des esprits affamés ou des animaux. Croyez alors,

que vous avez de bonnes raisons et qu'au futur vous récolterez le fruit du Bodhi.

Finalement, on doit avoir foi en phénomène ou noumène du Sutra Amitabha. Le phénomène spécifique est ceci : le Bouddha Amitabha a une grande affinité avec nous et nous guidera certainement à la Bouddhité. Le principe nouménal est ceci : nous savons que la grande affinité existe parce que sans elle nous n'aurions pas rencontré la Branche du Dharma de la Terre Pure. Le Bouddha Amitabha est tous les êtres vivants et tous les êtres vivants sont le Bouddha Amitabha. Le Bouddha Amitabha est devenu le Bouddha Amitabha en récitant le nom du Bouddha et si nous récitons le nom du Bouddha nous aussi, nous pouvons devenir le Bouddha Amitabha.

Nous devrions nous cultiver suivant les principes du phénomène et noumène. Le Sutra Amitabha parle des quatre mondes du Dharma.

1. Le monde du Dharma du Phénomène non obstrué,
2. Le monde du Dharma du Noumène non obstrué,
3. Le monde du Dharma du Noumène et du Phénomène non obstrués,
4. Le monde du Dharma de tout phénomène non obstrué.

En considérant les quatre mondes du Dharma et en parlant de la position de notre nature du soi, nous et le Bouddha Amitabha sont unis en un et par conséquent, nous avons les qualifications pour réaliser la Bouddhité.

Le phénomène a un signe et une manifestation. Il est conditionné. Le noumène est la doctrine qui souligne l'événement du phénomène. Par exemple, en principe un arbre a le potentiel de devenir une maison. Avant que la maison soit construite, il a cet aspect du noumène. Une fois

construite, la maison elle-même est le phénomène qui apparaît à cause du noumène. En principe, nous pouvons tous atteindre la Bouddhété, mais nous ne l'avons pas fait. Si nous avons foi, nous formulons les vœux et nous récitons le nom, nous arriverons au phénomène de la Bouddhété juste comme l'arbre dans une maison.

Le Bouddha Amitabha est contenu dans les cœurs de tous les êtres vivants et les êtres vivants sont contenus dans le cœur du Bouddha. C'est le phénomène et le noumène. Vous devez croire en cette doctrine et la pratiquer énergiquement en récitant le nom du Bouddha de plus en plus chaque jour.

Lorsqu'on récite « Namo Amitabha Bouddha » dans la Terre de l'Ouest de la Dernière Béatitude, dans une des mares des sept joyaux remplis de huit eaux de mérite et de vertu, une fleur de lotus pousse. Plus on récite, la fleur sera grande, mais elle ne fleurit pas jusqu'à la fin de la vie, si vous ne récitez pas. Si vous désirez connaître si vous êtes né dans la position supérieure, moyenne ou inférieure du lotus, vous devriez vous demander combien de fois vous récitez le nom du Bouddha. Plus vous récitez, plus le lotus sera grand ; moins vous récitez, plus il sera petit. Si vous ne récitez pas du tout, le lotus se fane et meurt.

Pour être né dans la Terre d'Ultime Béatitude, vous devez personnellement faire preuve de la foi profonde, des vœux fermes et de la véritable pratique de récitation. Ça ne marche pas de penser, « Je dormirai aujourd'hui et je pratiquerai demain ». Si cependant, vous tenez ferme le nom et pratiquez vigoureusement, le succès sera certain.

LES VOEUX

Ayant discuté de la Foi, nous allons discuter maintenant des vœux. Qu'est ce qu'un vœu ? Ce que vous désirez, la tendance de vos pensées, est un vœu. Dans le Bouddhisme, il y a quatre grands vœux :

❁ Je fais vœu de sauver les êtres vivants illimités

❁ Je fais vœu de couper les afflictions inépuisables

❁ Je fais vœu d'étudier l'incommensurable voie du Dharma

❁ Je fais vœu de réaliser la voie suprême du Bouddha.

Tous les Bouddhas et les Bodhisattvas du passé, du présent et du futur ont pratiqué la conduite du

Bodhisattva et ont atteint la Bouddhété en s'appuyant sur ces quatre grands vœux.

Vous pouvez faire les quatre grands vœux selon les Quatre Saintes Vérités.

♦ Suivant la vérité des souffrances, je fais vœu de sauver les êtres vivants illimités.

♦ Suivant la vérité des habitudes, je fais vœu de couper les afflictions inépuisables.

♦ Suivant la vérité de l'extinction, je fais vœu d'étudier l'immense doctrine du Bouddha.

♦ Suivant la vérité de la voie, je fais vœu de réaliser la Voie Suprême de Bouddha.

Les quatre grands vœux viennent d'une conscience de la souffrance des êtres vivants. Aux usages de la classification, la souffrance est divisée en groupe de trois, huit et des souffrances illimitées.

Selon la vérité des habitudes, je fais le vœu de couper les afflictions inépuisables : Les trois souffrances sont :

1. La souffrance dans la souffrance. C'est la pauvreté et la misère de tous les êtres vivants.

2. La souffrance de la décadence. Les êtres vivants peuvent réjouir de la richesse et de l'honneur, mais elles tournent éventuellement mal.

3. La souffrance du processus. Même sans les souffrances de la pauvreté et de la décadence, l'amertume du processus de la vie, de la naissance, de la vieillesse et enfin de la mort est toujours souffrance. Le changement et le passage d'une vie à une autre sont appelés la souffrance du processus. (à suivre)

PROSTERNONS-NOUS DEVANT BOUDDHA DU FOND DU CŒUR

Le Vénérable maître Hsuan Hua
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

"Toute pensée, toute prière arrêtées, apparaît la
vraie richesse,
Tout désir disparu, apparaît le vrai champ de
mérites".

Cela veut dire :

*"Quand on arrête toutes nos pensées, ainsi que nos
prières, la vraie richesse apparaît,
Quand tous nos désirs sont anéantis, apparaît le
vrai champ de mérites".*

Tous les jours, nous pratiquons le voie
Bouddhiste sans connaître le vrai Bouddha.
Nous nous attachons à une apparence extérieure au
lieu de rechercher Bouddha dans sa vraie nature
originelle. La vraie nature du Bouddha, la clarté de
la sagesse originelle apparaît au moment où
disparaissent tout désir et tout attachement. La
sagesse est absente là où se présentent les désirs
personnels, et là où se présente la sagesse,
disparaissent les désirs personnels. Et pourtant, la
sagesse est inséparable des désirs personnels, et les
désirs personnels ne se détachent pas de la sagesse.
L'affliction c'est l'esprit Boddhi, tandis que la
naissance et la mort sont le Nirvana. Si vous
arrivez à surmonter vos afflictions, vous atteignez
l'esprit Boddhi ; et si vous voulez mettre fin à la
naissance et la mort, vous ne les créez plus, alors
vous parviendrez au Nirvana.

Tout le monde subit la loi de la naissance et la
mort, mais si vous arrivez à éliminer tous vos
désirs et vos attachements, vous en êtes libérés.
Tant que vos désirs et vos attachements ne sont pas
totalement éliminés, subsiste toujours la loi de la
naissance et la mort.

« Tu » (personnel) signifie : propre à chaque
personne, connu seulement par soi-même.

« Désirs personnels » signifient : montrer le bon
côté pour que tout le monde voit, et cacher le
mauvais côté, espérant ainsi sympathiser avec les
autres. C'est pourquoi, vous êtes esclaves de vos

désirs personnels. Ils vous poussent à mentir, à
tromper, à confondre le bien et le mal, le noir et
le blanc. Si vous êtes libérés de tout désir, tout
attachement, alors apparaît la lucidité de votre
sagesse originelle préexistante, vous n'aurez pas
besoin d'aller la chercher ailleurs.

Nous sommes nés en ce monde, à travers tous
nos faits et gestes, nos paroles, nos tâches, nous
devrions toujours réfléchir, faire l'introspection.
Vous devriez vous dire : « Ne donnez pas aux
autres ce qui vous déplaît ». Autrement dit : « Si
cela vous déplaît, n'en faites pas l'aumône aux
autres » Ainsi disaient les anciens : « Les gens
même extrêmement stupides sont très
clairvoyants devant les défauts des autres, mais
ne voient pas leurs propres défauts ».

Cela veut dire : Il existe des gens même
extrêmement stupides qui pourtant voient très
clairement le moindre défaut, la moindre maladie
des autres, d'une façon bien ordonnée, et qui
sont capables de les raconter de long en large,
d'en discuter indéfiniment ; mais quand il s'agit
de leurs propres fautes, ils sont tolérants,
indulgents, essayant de les camoufler, les cacher,
ce sont précisément « ces sentiments
personnels » qui vous poussent à commettre des
erreurs, qui vous aveuglent et qui vous
pardonnent finalement. Un sage, au lieu de
reprocher les autres, se reproche lui-même, au
lieu de se pardonner, pardonne les autres,
agissant ainsi, comment ne peut-il pas parvenir
au niveau des Saints et des Sages ?

Si vous êtes sage, intelligent, sachant se
reprocher au lieu de reprocher les autres, vous
devriez toujours réfléchir, faire votre examen de
conscience ; faites preuve d'indulgence,
pardonnez les autres comme vous vous
pardonnez vous-mêmes, ce que vous détestez,
n'en faites pas l'aumône aux autres ; devant une
bonne action investissez-vous totalement, ainsi
vous parviendrez certainement à la position des
Saints, et si vous agissez toujours aussi
correctement et justement, vous atteindrez même
le fruit de la Bouddhité. C'est pourquoi au lieu
de vous prosterner devant la statue du Bouddha
vous feriez mieux de vous prosterner devant
votre propre Bouddha, c'est-à-dire : vous
respectez vous-même, à chaque instant
considérez-vous comme un Bouddha, comme
Boddhisattva Avalokitésvara. Ainsi, vous auriez
fait de réelles prosternations, de réelles
pénitences, de réelles récitations du nom du
Bouddha. Si vous n'agissez pas ainsi, mais vous
pratiquiez : « la méditation verbale », en imitant

les autres : je fais ce que font les autres, ils se prosternent devant Bouddha, j'en fais autant, ils récitent le nom du Bouddha, j'en fais autant, ils mangent, j'en fais autant, finalement, vous ne pourrez jamais vous libérer du cycle de la naissance et la mort.

Vous devriez avoir les pieds sur terre, agir selon la vérité. A Taïwan vivait une Bhiksuni, elle portait un nom bouddhiste : Phươc Huê (bénédictions et sagesse).

A vingt ans, elle était mariée, avait deux enfants, veuve à vingt cinq ans ; ayant vu et bien compris le caractère éphémère et non permanent de ce monde, elle s'est convertie. Pas de beaux habits, pas de bonnes nourritures, pas de belle maison, elle venait à la pagode, offrait ses services, cachait son nom bouddhiste, guérissait les malades au moyen de son « eau compatissante », sans dire un mot, n'acceptant aucune reconnaissance, ainsi elle pratiquait la voie.

Vous aussi, devriez pratiquer la voie de cette façon honnête, sinon même les offrandes de grandes pagodes, de grosses sommes d'argent ne serviront à rien, on subira toujours la loi de la naissance et la mort. Par conséquent, vous devriez pratiquer la voie de toutes vos forces, vous examiner constamment pour voir si votre cupidité est-elle éliminée ? Ainsi que votre colère et votre stupidité ?

Nous autres, moines, nous devons pratiquer assidûment : les règles, la méditation et la sagesse. Avez-vous réussi à éliminer votre cupidité, votre colère et votre stupidité ignorante ? Si oui, vous n'auriez pas vécu inutilement, vous ne vous seriez pas fait moines inutilement, vous n'auriez pas été disciples de Bouddha inutilement. Nous devons tourner nos regards vers l'intérieur, prier nous-mêmes, cultiver nous-mêmes :

« Reconnaître nos erreurs »

« Ne pas dévoiler les fautes d'autrui »

« Considérer les fautes des autres comme nos propres fautes »

« Reconnaître que nous avons tous la même nature »

« C'est là où réside l'immense compassion »

Pourquoi vous ai-je dit tout cela ? Car beaucoup de gens en ce monde attrapent des maladies étranges. Les malades n'arrêtent pas de reprocher Dieu, et les autres, disant que Dieu n'est pas juste, pourquoi suis-je malade ? Mais pas les autres ? Alors, ils se mettent à haïr Dieu, haïr tout le monde, ne sachant pas que c'est la conséquence d'une cause semée dans le passé.

Dans les vies antérieures, ils avaient probablement commis beaucoup d'actes meurtriers : attraper les souris, pêcher les poissons, tuer les bœufs, les moutons, les chiens, les poules, etc.... Ils en avaient beaucoup tués, c'est pourquoi cette vie présente, ils contractent ces maladies étranges.

Lors de mon séjour à Taïwan, j'ai rencontré une malade, âgée de soixante ans, la plus âgée parmi mes disciples, illettrée, malentendante, mais aimait bien écouter mes causeries sur les Sutras. Comme elle voulait absolument écouter tout en étant sourde, à chaque fois, elle a dû grimper les trois cents marches d'escalier pour écouter.

Le 02-05 d'une certaine année, je présidais l'ouverture d'une conférence sur le Sutra d'Amitabha, soudain, elle a pu entendre : « Nam Mô Liên Trì Haï Hôi Phât Bôtat ».

Pourquoi était-elle sourde ? Parce que, dans une vie antérieure, elle avait bien aimé écouter furtivement les conversations des autres ; Résultat : cette vie présente, elle subissait les mauvaises conséquences, mais heureusement, malgré sa surdité, elle aimait bien écouter les Sutras, touché par tant d'ardeur et de sincérité, Boddhisattva lui rendait son ouïe.

Néanmoins, cette vieille dame encore subir un autre mauvais karma. Dans une vie antérieure, elle ne croyait pas qu'on puisse attraper des maladies étranges. Résultat : cette vie présente, elle devait goûter la souffrance d'une maladie étrange. Qu'est-ce que c'est que cette maladie ?

Elle avait toujours faim, même en mangeant plusieurs repas par jour. Ni les médecins occidentaux, ni les médecins orientaux n'arrivaient à la guérir. A l'époque, tous les samedis, je transportais de Tay-Lạc-Viên à la montagne Đai-Tu : trente kilos de riz et de l'huile pour approvisionner ceux qui vivaient sur la montagne. Et lundi matin je redescendais ; le 14-02 de cette année-là, je revenais à l'assemblée un peu plutôt.

Me voyant arriver, elle m'appela : « Maître maître, quelqu'un parle dans mon ventre, c'est étrange n'est-ce pas ? » Disait-elle.

Je lui répondis : « Vous êtes trop âgée pour être enceinte ; d'ailleurs, il n'est pas encore né, comment peut-il parler ? Et qu'est-ce qu'il a dit ? »

Et elle m'a raconté : « Dès le matin, de très bonne heure, j'ai pris de la farine de riz, de blé, j'en ai fait un gâteau, n'ajoutant rien d'autre, même pas de l'huile, j'ai fait cuire le gâteau et je

le mangeais ; dans mon ventre, la voix me disait : « Je ne veux pas de ce gâteau ».

Je lui disais : « Qu'est-ce que tu veux manger ? Tu as déjà une chance d'avoir à manger, qu'est-ce que tu réclames encore ». Il ne disait plus rien.

Je lui disais : « Bien, rentrez chez vous. Ce soir, avant de dormir, regardez s'il y a quelque chose d'insolite ».

Effectivement, avant de dormir, elle a vu une apparition anormale : Boddhisattva Skanda (génie protecteur de la doctrine) apparut, tenant dans sa main un bol de soupe chinoise, il renversa le contenu par terre, la vieille dame vit trois petits enfants bien gros sortir de son ventre, ils se précipitèrent sur le bol de soupe, et essayèrent de l'arracher. Profitant de la dispute, Boddhisattva Skanda tira leurs oreilles et les emporta. Le ventre de la vieille dame redevint normal. A partir de ce moment, elle n'avait plus faim.

Comment a-t-elle contracté cette maladie étrange ? Une nuit, elle a rêvé et dans son rêve elle a vu trois petits enfants courir vers elle et entrer dans son ventre. Et à partir de ce moment, elle a contracté cette maladie de la faim. Ces trois petits enfants peuvent être, ou bien des esprits affamés, ou bien des démons.

Pourquoi a-t-elle contracté cette maladie ? Parce que dans le passé lointain, elle n'avait pas cru à la parole d'une personne atteinte de cette maladie et en était guérie. Non seulement, elle ne l'avait pas crue, mais disait que c'était un pur mensonge. A cause de cette incrédulité, cette vie présente, elle a contracté cette maladie.

APPARITION DES ETRES MALFAISANTS

Conférence du Vénérable Hsuan Hua à la Cité
des Dix Mille Bouddhas le 30 septembre 1982
Traduction en français : Phan Ngoc Anh

La période tertiaire du Bouddhisme est celle de la puissance grandissante du mal et la progressive de la loi. Bouddha insiste sur les mérites plutôt que sur la puissance. Quand les mérites des êtres sont grands, la Loi du Dharma prédomine et la force du mal décline ; quand les mérites baissent, la Loi du faible et le mal domine.

Aujourd'hui, l'ensemble de l'humanité est comparable à une montagne faite de l'accumulation de multiples petits oeufs. Un oeuf

qui casse compromet l'édifice de la montagne. C'est pourquoi la vie humaine est menacée. La présence du Mara, symbole du mal, est partout en même temps que les acolytes.

La vérité n'est pas écoutée ; la mauvaise parole rassemble du monde. Ceux qui participent à un enseignement du Dharma le font souvent par obligation, sans enthousiasme véritable. Par contre, s'il faut aller à un « show », à une « party », ou voir un film, la plupart se bousculent, pensant que c'est une excellente occasion de se distraire. Vous pouvez le constater, le cœur a changé de cible, la morale baisse. Ceci indique que le Mara a usé de sa puissance pour créer des désordres dans le monde.

Actuellement, la plus grande tentation est l'ordinateur (computer). Après l'invention de celui-ci, l'homme devient objet de débarras car la machine accapare tout, résout tous les problèmes. L'ordinateur durcit l'homme qui perd l'humanité, affaiblit l'homme qui perd sa vitalité ; l'homme devient superficiel, est comme « né dans l'ivresse, mort dans le rêve ». Ainsi, l'ordinateur est démoniaque ; il est né de l'esprit de malignité de Mara.

Il existe un autre démon, c'est la télévision, un produit qui ensorcelle l'homme, qui obscurcit l'esprit, qui l'empêche de distinguer le noir et le blanc, la raison, le qu'en-dira-t-on. La télévision enseigne aux enfants des actes passionnels, illogiques, criminels, délictueux tels qu'incendier, voler, se droguer. Le rôle maléfique de la télévision est irréfutable. Ainsi, ordinateur et le téléviseur sont deux monstres mais l'homme du monde, qui manque de lucidité, consent à dépenser de grosses sommes d'argent pour les acquérir.

Citons une autre invention démoniaque : les fusées et les satellites artificiels. La fusée à la tête nucléaire prut tuer un très grand nombre de personnes ; le laser à but militaire, tous ces engins sont des créations de Mara pour détruire l'humanité. En plus, l'homme crée toutes sortes de pollutions intoxiquant l'organisme, est entraîné dans une guerre d'aliénation où l'homme perd tous ses repères d'orientation est ouest nord sud. Ceci est dû à la puissance de Mara.

Il existe un autre mal qui vient de l'air et de l'environnement, qui risque de détruire l'humanité. La pollution intéresse les céréales qui vont

**La joie d'un enfant est une joie
vraiment merveilleuse.**

intoxiquer l'homme et les bêtes ; celles-ci, intoxiquées, voient leur chair consommée par l'homme. La pollution marine atteint les poissons, autres sources de contamination humaine avec apparition de maladies et de cancers.

D'autres toxiques à action lente qui sont présents dans les objets de consommation courante, tels le papier de toilette parfumé qui peut être à l'origine de cancer, d'irritation ou d'autres maladies. Autrefois, l'homme n'utilisait pas de papier de toilette parfumé ; les maladies étaient moins nombreuses qu'actuellement !

Mais le poison le plus dangereux est le billet de banque dont personne ne peut se priver. Quelqu'un qui touche le billet de banque est pris de gourmandise, veut en avoir plus. Que ce soit le manger, l'habitation ou n'importe quel acte demande de l'argent, le plus serait le mieux. L'homme cherche tous les moyens pour avoir de l'argent. Quand la tête est accaparée de l'argent, cela devient un cancer inguérissable.

Dans les Trois Mille Mondes (le monde du Saha), grâce à la présence des Bouddhas à la cité des Dix Mille Bouddhas, nous restons éloignés de toutes ces pollutions. Les fidèles comme nous vous doivent éviter la concurrence, la cupidité, le désir, l'avarice, l'intéressement personnel, le mensonge, pour ne pas être pollués par l'argent.

Si vous ne consommez pas de viande, vous ne risquez pas d'être intoxiqués par la viande. Le régime végétalien permet d'éviter et de prévenir les intoxications ; c'est le meilleur régime pour avoir une bonne santé, une bonne longévité.

Réfléchissez à ce que je vous dis aujourd'hui ; faites une autocritique sur tous vos actes et abandonnez tout comportement incorrect. Suivez la devise : Eviter compétition, désir, égoïsme, intérêt personnel, mensonge ; cela vous permettra d'éviter toutes les intoxications.

Le plus important, c'est de balayer ses propres ordures. Débarrassons-nous des sentiments de haine, de vengeance, de colère, d'affliction. Eprouver un de ces sentiments, c'est ne pas balayer complètement. Un cœur propre est un cœur qui ne garde pas rancune, ne cherche pas la vengeance, ne se lamente pas, ne se dispute pas, reste serein en toutes circonstances.

Si vous êtes mes disciples, moines ou laïcs, et si vous croyez sincèrement en moi, vous devez corriger vos habitudes mauvaises. Vous devez vider les ordures de votre cœur. Ainsi, dans cette période tertiaire, nous pourrons briller pour concourir à un monde de lumière. Ce monde est

voué à la destruction ; la présence de nombreux êtres vertueux contribuera à un environnement favorable au détriment d'un mauvais, permettant à la force du Bouddhisme de s'étendre, la puissance du mal ayant affaibli.

Ne prenez pas mes paroles comme anodines ; elles sont dignes d'intérêt et en rapport avec les problèmes actuels.

LES MICROORGANISMES MALFAISANTS DE NOTRE CORPS

Conférence du Vénérable Hsuan Hua à la
Cité des Dix Mille Bouddhas le 8 mai 1982
Traduction en français : Phan Ngoc Anh

Tous ceux qui quittent leur foyer pour la Cité des Dix Mille Bouddhas sont des volontaires, sans obligation aucune. Qu'ils soient Américains ou Chinois, ils le font par vœu intime, plusieurs fois répétées avant d'être accepté. De même, celui qui prend refuge en Trois Joyaux en allant à la Cité des Dix Mille Bouddhas, le fait par intime conviction. Ce sont là des actes volontaires non obligatoires. Obligation n'est pas le but de la doctrine. Pour paraphraser, on dit qu'un fruit cueilli par réticence n'est pas savoureux.

Celui qui est poussé à quitter son foyer pour la religion le fait par convenance et souvent reprend la vie laïque. Certains qui prennent l'habit de moine volontairement, peuvent reprendre un jour la vie mondaine. Toutes les éventualités sont possibles.

Devenir moine est un acte éclairé et supérieur d'un honnête homme et non celui d'un malfrat misérable habitué aux besognes douteuses. Le moine doit connaître ses devoirs de moine, comprendre son rôle et son appartenance à la religion, et ne pas courir après le grand nombre et répéter la même chose que la majorité sans propre réflexion.

De même, quand on prend refuge en les Trois Joyaux, on pratique l'enseignement des Trois Joyaux mais on ne demande pas aux Trois Joyaux de nous aider. Ne pas rechercher quelque confort dans le Bouddhisme, sinon on risque de faire des erreurs préjudiciables.

Chacun de nous est encombré de pensées vaines nombreuses comme les grains de poussière ; ceci

est dû à la présence dans notre corps de nombreux microorganismes, grands et petits, jeunes et vieux ; ceux-ci sont doués de pouvoir génial ou maléfique, de connaissances visuelles célestes ou terrestres. Ces microorganismes tournoient sans cesse dans notre corps et envoient des signaux électriques. Un signal électrique touche notre esprit et nous ressentons une pensée. Ce mouvement des pensées est entretenu par l'excitation perpétuelle de multiples signaux créés par ces remuants microorganismes.

Ces microorganismes sont des messagers. Certains sont des messagers du ciel, d'autres sont des messagers des génies, ou des hommes, ou des esprits malfaisants ou des animaux. D'autres encore sont des messagers qui facilitent la voie vers le cœur de Bouddha, qui incitent à faire le bien selon la voie du Bodhisattva. En résumé, dans le monde multiple d'aspects, dans les habitations, dans tous les mondes jusqu'à l'infini, toutes les créatures naissent dans notre corps.

Prenons-nous des vitamines ? C'est pour nourrir et engraisser ces microorganismes. Nous ne pouvons pas consommer ces microcellules mais elles peuvent nous détruire. D'après le sutra Avatamsaka, « Le corps de l'homme est fait de l'agglomération d'un nombre innombrable de microorganismes ».

Réfléchissons un peu. Nous sommes des amas de cellules et nous voulons satisfaire aux besoins de ces cellules, habiter de belles maisons, profiter de bons repas, porter de beaux vêtements. Cela semble être une folie. L'accumulation de ces microorganismes provoque la maladie que n'arrive pas à guérir le médecin ; dans ce cas, c'est notre défaite qui provoque la risée de ces microorganismes.

Ceux qui n'aiment pas faire le bien, ne font que le mal, ainsi que ceux qui réclament le confort, se laissent conduire par ces mauvais microorganismes. Ceux-ci nous empêchent d'ouvrir notre cœur de Bouddha, nous mènent vers la mauvaise voie, nous font perdre notre confiance.

Ceux qui ne croient pas à ma parole peuvent essayer de se blesser en se faisant une plaie. Celle-ci va s'infecter par le fait de ces microorganismes.

Qu'il est digne de pitié le genre humain. L'homme considère son corps comme un joyau et cherche à engraisser ses microorganismes ; c'est là une conception erronée. Je dis cela, que vous me croyiez ou non, pour que ces microorganismes sachent qu'il existe sur ce monde quelqu'un qui connaît leurs activités microscopiques.

LE LOTUS POUSSE DANS LA BOUE

Le Vénérable maître Hsuan Hua
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

"L'essence de tout Dharma est sans obstacle,
Le Néant contient tout,
Tous les êtres sont égaux,
Plus de pensée, plus de parole".

Cela veut dire :

*Toute chose n'a au fond aucun obstacle,
Le Néant contient tout, tolère tout
Tous les êtres sont égaux, possèdent la même
nature
Quand on n'a plus de pensée, plus besoin de
paroles.*

L'esprit humain est universel recouvrant tout, tolérant tout. Il peut s'étendre depuis l'infiniment petit jusqu'à l'infiniment grand. Non seulement Bouddha possède cet esprit, mais chacun d'entre nous est aussi doté de cette faculté, de cette intelligence. Mais, comme nous ne nous en sommes pas servis, cette faculté se recouvre d'une épaisse couche de poussière. C'est pourquoi on dit que l'être humain et Bouddha possèdent originellement la même quintessence sans aucune différence. Mais l'être humain délaissant la clarté de l'éveil, préfère la poussière aveuglante, ignorant complètement cette immense intelligence. Résultat : il croit comprendre, mais en réalité, ne comprend rien, se croit éclairé, mais en réalité, complètement aveuglé.

D'autant plus qu'il ne fait rien pour faire réapparaître cette intelligence innée ; mais au contraire, tous les jours, obéissa à son ignorance, à ses afflictions, croyant que c'est sa force, pour un rien, il se met en colère créant ainsi la racine d'un mauvais karma. Si le mauvais karma n'avait pas existé, ce feu de l'ignorance n'aurait pas existé. Car, dès que le feu de l'ignorance se déclare, surgissent inmanquablement : la cupidité, la colère, la stupidité.

Par conséquent, vous devriez toujours faire votre introspection, votre examen de conscience pour vous en rendre compte. Vous n'êtes pas le seul qui contracte cette maladie, mais tout le monde en est contaminé.

Il est vrai que nous tous, sommes en train de cultiver le Bouddhadharma, mais en réalité, combien l'ont pratiqué sérieusement. Du matin au soir, nous n'arrêtons pas de nous poursuivre, nous rivaliser, plongés dans des conflits, complètement affligés au point d'en perdre le sommeil, à la recherche du sommet oubliant totalement la racine. Alors, pour trouver le sommeil, nous absorbons des tranquillisants, il suffit d'un overdose et nous ne nous réveillerons plus jamais. Que nous sommes pitoyables !

Tous ces malheurs viennent de l'ignorance. Car de l'ignorance naissent tous les désirs : désirs des biens matériels, des formes, de célébrité, de bonne chère, de breuvage. Le désir des biens matériels pousse les gens, du matin au soir, à ne penser qu'à l'argent, à s'en procurer au maximum. Etre fortunés même au niveau national ne leur suffit pas. Le désir sexuel use énormément, ravageant jusqu'à la moelle épinière, causant toutes sortes de maladies, conduisant ainsi à une mort prématurée. Généralement, la plupart des parents mettent au monde des enfants, les nourrissent et les pressent à se marier, au plus vite possible, que ce soit fille ou garçon, se disant que : tant que leurs enfants ne sont pas mariés, ils n'auront pas accompli leur devoir. Mais, en réalité, ils auraient dû les élever, les éduquer, leur donner un métier au lieu de les pousser à se marier. Or, ils ne se rendent pas compte que : en poussant leurs enfants à se marier, indirectement, inconsciemment, ils les poussent à s'engager sur le chemin de la mort, sans aucun espoir de cultiver la voie menant à la Bouddhité. Actuellement, il existe, dans le monde entier des phénomènes assez étranges. Quand les enfants ne se marient pas, les parents s'en plaignent, mais quand ils se droguent, ils ne s'y opposent pas. Autrement dit, quand les enfants cherchent à s'élever, les parents s'inquiètent, par contre, quand ils se corrompent, les parents les encouragent. C'est là où réside l'ignorance stupide des parents.

A mon avis, le Bouddhisme : «Retour à l'origine, formulation des vœux» devrait être appelé : «Religion de la sagesse». Car le terme : «Bouddha», un mot sanskrit signifiant : «Sagesse suprême». Le sens fondamental du mot «Bouddha» c'est «Eveil».

Parfois, les gens méprisent le Bouddhisme disant, comme certains Européens, que c'est de la superstition. Mais quand vous dites que le Bouddhisme c'est « une religion de la sagesse » personne ne s'y oppose. Car, personne ne vous dira que la sagesse c'est de la superstition, ni la superstition c'est la sagesse. C'est pourquoi, quand vous apprenez la doctrine du Bouddha, vous apprenez la sagesse, et quand vous apprenez la sagesse, vous apprenez la doctrine du Bouddha.

Une question m'a été posée : « Comment allez-vous prêcher en Europe ? »

Je lui dis que je ferai des causeries spirituelles bouddhistes en m'appuyant sur le Boddhisattva Avalokitésvara, sur le Mantra de la Grande Compassion, sur le Mantra Shurangama. Le Mantra de la Grande Compassion, c'est le Mantra de l'Esprit d'Immense Compassion concernant le monde céleste ainsi que terrestre.

Si vous réussissez à réciter ce Mantra cent huit fois par jour, pendant trois ans d'affilés, d'un esprit respectueux et sincère, à ce moment là, toujours pour le profit de toute l'humanité, vous serez capable de guérir toutes les maladies, rien qu'en touchant le malade.

J'avais, personnellement, des centaines de milliers de fois, fait revivre des personnes mourantes grâce à cette communication. C'est pourquoi, on peut dire que Le Mantra d'Immense Compassion éveille notre esprit, nos connaissances, accomplit des transformations inimaginables, des tâches extrêmement merveilleuses.

Le but de mon arrivée à Taïwan, cette fois ci, consiste à me servir du Mantra d'Immense Compassion et d'un cœur absolument sincère, j'essaierai de rendre service à ce pays, de faire disparaître tous les malheurs, d'augmenter l'esprit bienfaisant et la sagesse de ce peuple. Le Mantra d'Immense Compassion et le Boddhisattva Avalokitésvara ne sont pas distincts mais ne font qu'un.

J'espère que les bons amis spirituels d'ici sont suffisamment croyants et sincères en récitant le Mantra pour faire disparaître tous les malheurs. Ayant bien réalisé le pouvoir surnaturel, merveilleux du Mantra, aussi, je vous l'expose clairement aujourd'hui. Si j'ai souvent parlé de l'efficacité du Mantra d'Immense Compassion, j'espère que chacun d'entre nous sache utiliser

toutes les puissances du Mantra pour sauver le monde entier, libérer l'humanité de tous les accidents, tous les malheurs, installer la bonne doctrine au milieu de l'univers.

KATYANA, LE MEILLEUR ORATEUR

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

Obéissant aux instructions du Bouddha, Honorable Katyana, le meilleur orateur parmi les moines du Sangha, proclamait soutenir la thèse « des quatre égalités ».

La plupart des Brahmanes ne le respectaient pas, ne croyaient pas en lui. Ils cherchaient toutes les occasions pour le critiquer, le protester ou le contredire. Car, ils pensaient que, s'ils n'arrivaient pas à le battre en discussion, plus jamais ils n'auraient une chance de relever la tête.

Néanmoins, Honorable Katyana était très fort en discussion, devant un Brahmane, quels que soient la position de ce dernier, son grade, il lui suffit de quelques petites phrases simples pour l'obliger à se rendre dans un esprit tout à fait satisfait.

Un jour, Honorable Katyana, accompagné de ses condisciples s'apprêtaient à passer au réfectoire situé à côté du bassin ÔNÈ au Banarès pour déjeuner, survint un vieux Brahmane avec l'intention de le provoquer. Celui-ci, appuyé sur un bâton, se tenait debout à côté de Katyana, pensant que ce dernier lui céderait la place quand il l'aurait vu. Mais il fut complètement déçu, car Honorable Katyana ne daignait lui jeter un coup d'œil.

Le vieux patientait un bon moment, finalement, ne pouvant retenir sa colère, se mit à crier :

« Qu'est-ce que c'est que cette façon d'accueillir un vieillard comme moi et de ne pas lui céder une place assise ».

A ces paroles, les Bhiksus furent surpris, certains s'empressèrent à se lever pour lui laisser la place excepté Honorable Katyana qui, ne bougeant pas, lui posa calmement cette question :

« Qui êtes-vous, pour qui vous prenez-vous pour vous permettre d'élever la voix de cette façon, d'autant plus qu'ici, je ne vois pas la présence d'un prédécesseur ni d'un patriarche ».

Enflammé de colère, le vieux Brahmane leva son bâton, montra ses cheveux blancs, posa la question

suivante : « Ma vieillesse ne suffit pas pour être votre patriarche ? Ne mérite pas votre respect ? »

« Vous ? Absolument pas, vous ne pouvez vous proclamer patriarche, vous n'en êtes pas digne, alors, inutile d'attendre un signe de respect de notre part » répondit Honorable Katyana d'une voix absolument calme mais bien énergique.

Brûlé de colère au plus haut point, le vieux Brahmane montra du bâton, le visage de Katyana en disant : « Pourquoi méprisez-vous les gens à ce point ? »

Les Bonnes Paroles du Vénérable Maître Hsuan Hua

◆ Celui qui apprend la religion doit éviter à tout prix tout attachement. Avant d'être converti au Bouddhisme, l'on pense peu aux attachements ; après, on y pense beaucoup plus ! En vérité, tous les êtres et choses de la nature expriment constamment leur vérité. Si l'on est éveillé, l'on arrive à pénétrer cette vérité. Sinon, plus on est attaché et plus on s'enfonce dans l'ignorance.

◆ Tuer est le karma le plus puissant du monde. L'effet de ce karma est plus fort de tous les karmas. Les hommes s'entretuent, se vengent les uns les autres ; c'est la chose la plus tragique dans ce monde.

◆ Celui qui pratique la vertu est comme l'eau (qui coule vers les niveaux bas), reste modeste en toutes circonstances, ne revendique aucun mérite. Il cède ce qui est bon aux autres et accepte ce qui est mauvais.

◆ Le Bouddhisme ne doit pas être heureux en présence de louanges ou malheureux devant la critique. Sinon, cela dénote un manque de force intérieure. Avec cette dernière, on ne risque pas d'être secoué par les « Huit Vents » (intérêt, lamentation, médisance, louange, récompense, critique, malheur, joie).

◆ Ceux qui manquent de compassion envers nous, qui tiennent des propos indignes sont nos amis vertueux. Si on reste patient devant des contrariétés tout en révoltant calmement la situation, cela permet de mesurer sa faculté de résignation. Ne laissons pas notre esprit réagir à la moindre parole. Si vous pratiquez la vertu jusqu'à cette sérénité, si vous gardez votre patience devant des situations où d'autres n'arrivent pas à garder la leur, c'est que vous avez fourni un effort véritable. Sinon, vous devez recommencer votre effort depuis le début.

Calmement, Honorable Katyana lui répondit : « A travers la vulgarité de votre voix et la grossièreté de vos gestes, je trouve que vous n'êtes pas digne de respect, ni ne méritez pas d'être honoré comme un patriarche. Car, écoutez bien ceci, que vous soyez un vieux Brahmane de quatre-vingts ou quatre-vingt-dix ans, aux cheveux blancs, édenté, mais si vous n'avez jamais pratiqué la Voie d'une façon honnête et sérieuse, toujours plongé dans les passions des désirs, de la forme, du son, du parfum, de saveurs, des objets tangibles ; tant que vous n'êtes pas libéré de toute affliction telles que : la cupidité, la colère et la jalousie, vous êtes toujours

considéré comme un enfant. Par contre, même si vous n'êtes qu'un jeune de vingt ans, à la peau encore lisse, aux cheveux noirs, mais complètement libéré de tout lien de passions, de toute cupidité des biens de ce monde, de toute contrariété, à ce moment là, nous pourrions vous proclamer patriarche, vous considérer comme notre prédécesseur expérimenté, digne de notre profond respect.

A ces mots, le vieux Brahmane, n'ayant pu répondre, se retira silencieusement sans dire un mot.

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

KUO SHUN

Yao Kuo était originaire du village Ta Nan Kuo situé à peu près dix-huit miles du Temple des Trois Conditions. Dès son très jeune âge, il était connu par les villageois comme vieux Yao. Il buvait, se lançait dans les jeux, prenait de la morphine et fumait de l'opium. Finalement, il en avait assez de ces poursuites vides de sens. Le vieux Yao décidait de pratiquer la voie et d'éliminer la souffrance une fois pour toutes.

A l'automne 1944, il quitta sa maison à la recherche d'un bon ami spirituel, mais malheureusement il était emprisonné par les Japonais et mis dans un camp de travaux forcés près du fleuve Amour qui forme la frontière entre la Russie et la Mandchourie. Il n'avait jamais assez pour manger ni pour s'habiller. Le froid et la faim le tenaillaient. Il ne pensait qu'à s'évader. Mais comment faire pour passer au-dessus de la haute clôture électrique ?

Deux mois et demi passèrent, une nuit dans son rêve apparut un vieil homme à la barbe blanche : « Ne tentez pas d'évasion maintenant. Je vous ferai savoir le moment venu ». Lui dit-il.

Kuo Shun attendait et quinze jours passèrent, le vieil homme réapparut : « Aujourd'hui vous pouvez vous échapper, dit-il. Suivez le chien blanc ».

Kuo Shun et son partenaire saisirent leurs paillasons et coururent. Une fois dehors, ils virent un petit chien blanc qui se promenait le long de la clôture. Ils coururent jusqu'au chien jetèrent leur

paillason sur le grillage et sautèrent par-dessus la clôture. Le paillason de son partenaire prit feu.

Une fois dépassé la clôture, Kuo Shun courut jusqu'à l'aube, s'arrêtant de temps à autre pour reprendre son souffle bravant toutes les misères du monde. A la fin, il décida de devenir Bhikshu.

Par coïncidence, le jour de son retour à Ta Nan Kou c'était le jour même de l'arrivée du Maître dans ce village pour guérir la mère de Kao Te Fu, la droguée. La nouvelle du rétablissement miraculeux de cette dernière se répandit partout dans le village. Ayant appris la nouvelle, Kuo Shun alla directement au Temple des Trois Conditions où il rencontra le vieux Maître Ch'ang Jen et lui demanda l'autorisation de quitter la famille. Le vieux Supérieur, soupçonnant son apparition soudaine lui refusa.

Kuo Shun partit puis retourna immédiatement avec une offrande de cinq kilos de fruits. Il alla devant le Maître, s'agenouilla respectueusement. Le Maître lui tourna le dos et ne dit rien. Il sortit, deux heures plus tard, il revint Kuo Shun, était toujours là, agenouillé.

Je ne vous connais pas, dit le Maître. Que voulez-vous ?

Je veux quitter la maison, dit le garçon.

Quitter la maison ? Dit le Maître. Avez-vous une maison ?

Non, dit Kuo Shun, je suppose que je n'en ai pas.

Si vous n'avez pas de maison, comment pouvez-vous quitter la maison ? Ça ne fait rien, dit le Maître, je vous accepte.

Kuo Shun était aphone de joie.

Cependant, continua le Maître, vous devriez savoir ceci : Pratiquer la voie à la maison n'est pas facile et la pratiquer en ayant quitté la maison est même plus difficile. En général, quand on prend la décision de s'engager dans un grand événement dans sa vie, on a l'impression de perdre son père ou sa mère. Et quand on s'y est engagé cette impression s'accroît encore.

Vous devriez être capable de supporter ce que les autres ne peuvent pas supporter, se rendre aux endroits où les autres ne peuvent pas se rendre, manger ce que les autres ne peuvent pas manger, endurer ce que les autres ne peuvent pas endurer, pratiquer ce que les autres ne peuvent pas pratiquer, vivre dans des endroits où les autres ne peuvent pas vivre. Soyez humble, dévoué, altruiste pour servir les autres et soyez toujours sans égoïsme. Plus important :

Dans toute pensée, n'oubliez pas la souffrance de la naissance et la mort.

De tout cœur, cherchez à s'échapper de la jante de la roue tournante.

Ecrasez en morceaux l'espace vide.

Comprenez la nature de Bouddha.

Eveillez-vous ! Et le nuage de l'illusion disparaîtra.

Vous verrez la nature fondamentale.

Actuellement c'est la période de la fin du Dharma, continua le Maître. Beaucoup ont pris la voie et pourtant très rares sont ceux qui atteignent l'illumination. Puisque vous avez quitté la maison avec un cœur sincère, vous devriez avoir une détermination solide et de grands vœux. Faites naître l'esprit du Bodhi et soyez une flamme persistante qui brille puissamment au milieu des tempêtes ténébreuses, l'or pur dans le feu en fureur. Dans l'avenir, quand vous aurez achevé votre tâche, vous glorifierez l'enseignement.

A partir de ce jour, Kuo Shun faisait des travaux durs. Il lavait les murs, frottait les planchers à la brosse et ne s'en plaignait jamais. Il mangeait un repas par jour et ne se couchait jamais. Pratiquant la Terre Pure et la méditation Dhyâna, il récitait le nom du Bouddha cent mille fois par jour et souvent dans le Samadhi du Dhyâna pendant vingt quatre heures il comprenait parfaitement les enchaînements de la cause et de l'effet dans le passé, le présent et le futur. A tel point que, malgré une distance de sept miles qui sépare la cabane de Kuo Shun du Temple, chaque fois que le Maître

avait besoin de lui, tout ce qu'il devait faire c'était de l'appeler dans ses pensées et Kuo Shun l'entendait et lui répondait.

LA CONSECRATION DE LA PETITE MAISON HUMIDE DU DRAGON

En 1945, après des mois de dur travail, Kuo Shun construisit une petite cabane dans le village Ta Nan Kuo près du Temple du Roi Dragon. Quand elle était achevée, il invita le Maître pour l'inauguration. Le Maître arriva avec ses disciples Kuo Neng, Kuo Chih, Kuo Tso et les autres pour célébrer la cérémonie. Cette nuit-là, des dix dragons de la région sont venus et ont salué le Maître disant qu'ils voulaient prendre refuge en le Triple Joyau.

Pas une goutte de pluie dans cette région depuis longtemps, dit le Maître. En tant qu'esprits de la pluie vous recevez les offrandes des gens. Pourquoi ne faites-vous pas tomber la pluie ? S'il pleuvra demain, je vous prendrai comme disciples. Autrement je ne vous accepterai pas.

Mais le Seigneur du Ciel ne nous a pas donné l'ordre de faire pleuvoir, dirent-ils. Nous ne pouvons pas agir sans sa permission.

Alors dites-lui qu'il y a un pratiquant qui ne demande rien, dit le Maître, juste la pluie sur une distance de quarante miles où il se trouve. Au delà de cette distance, je m'en soucie pas.

Le jour suivant, une lourde pluie a trempé la région exactement sur quarante miles autour de la cabane. Les dragons devinrent des disciples du Maître, chacun recevait le même nom du Dharma. C'était : "Pratiquez rapidement" et leur deuxième nom était : "Dépêchez-vous et sauvez", c'est-à-dire pratiquez rapidement la voie puis dépêchez-vous de sauver tous vos amis dragons. Le Maître leur dit de donner à tous leurs amis le même nom : "Pratiquez rapidement, dépêchez-vous et sauvez". On ne sait pas combien de dragons portent ce même nom maintenant. A cause de cet incident, la cabane de Kuo Shun devint connue comme la petite maison humide du dragon.

Après la consécration de la petite maison humide du dragon, deux fervents disciples, Mr. Liu et Mr. Yang An Tzu restaient à la cabane pour pratiquer avec Kuo Shun. Ils célébraient matin et soir des récitations continues du mantra de la Grande Compassion. Mr. Liu quitta alors la vie de famille et Mr. Yang était appelé à l'armée. (à suivre)

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

LE GRAND COMBAT

Le moment que tout le monde avait attendu était maintenant proche. Siddhârta, qui avait abandonné un royaume à la recherche de la vérité, s'approchait de l'arbre. Sur son chemin, il rencontra un homme qui portait de l'herbe fraîchement coupée lui demanda de lui en donner une botte pour s'en servir comme siège.

A mesure qu'il s'approcha de l'arbre, l'air devint très calme. C'était comme si le monde entier retenait son souffle, attendant anxieusement ce qui allait se passer. Les branches de l'arbre se courbaient comme pour l'inviter à venir s'asseoir sous son ombre.

Siddhârta préparait soigneusement l'herbe en faisant un petit coussin et s'asseyait dessus visage tourné à l'Est. Il croisait ses jambes dans la position de méditation et posait ses mains sur ses genoux. Ensuite il préparait le bol à manger et faisait un vœu: "Je ne me lèverai pas de cette position jusqu'à ce que j'atteigne mon but, même si j'en mourrais !" Et tous les esprits qui étaient présents se réjouissaient en entendant le grand vœu de Siddhârta. C'était le jour de pleine lune du quatrième mois et le soleil allait se coucher.

Mais les anciens historiens nous racontaient que tout le monde ne se réjouissait pas à ce moment là. Il y avait une force appelée Mara qui était terrifié et en colère. Car "Mara" c'est le nom que les anciens Hindous donnaient aux forces mauvaises qui perturbent notre esprit. Mara est notre cupidité, notre haine, notre ignorance, notre jalousie, nos doutes et tous les autres poisons qui apportent malheur et souffrance aux gens.

Ainsi, quand Mara voyait Siddhârta s'asseoir sous l'arbre de l'illumination, il était fou de rage. Appelant ses fils et ses filles autour de lui, il cria : "Regardez, vous tous ! Le prince Siddhârta en méditation. S'il réussit et découvre le moyen de mettre fin à toute souffrance, que deviendrons-nous ? Ne comprenez-vous pas que nous perdrons tous notre pouvoir ? Nous ne pourrions pas faire du mal aux gens s'il leur enseigne la vérité. Nous devons troubler sa méditation sinon nous sommes perdus !"

Alors Mara et ses forces mauvaises essayèrent par tous les moyens de perturber Siddhârta. Il produisirent une effrayante tempête et lancèrent des coups de foudre autour de lui. Ils brassèrent un grand jus qu'à ce que tout autour de lui semblât prêt à s'effondrer. Mais sous les branches de l'arbre, tout restait calme, protégé par la force de la méditation de Siddhârta.

Mara s'aperçut que la tempête n'avait pas d'effet, alors il cria : "Attaquez !" La horde entière des mauvais esprits, des démons et des formes fantomatiques tourna contre Siddhârta. Ils coururent vers lui comme des fous, en jetant des cris à vous tourner le sang. Ils tirèrent des flèches empoisonnées de haine sur lui. Mais quand ces flèches s'envolèrent vers le prince, elles se transformèrent en pétales de lotus et tombèrent à ses pieds sans faire le moindre mal. Rien ne pouvait troubler la paix de sa méditation.

"Si ces armes et formes effrayantes n'arrivent pas à le troubler" pensa Mara, "peut-être une vision de beauté l'ébranlera." Tout d'abord, les affreux démons se transformèrent en des plus belles femmes. Ces ravissantes créatures dansaient devant le méditant, mais elles ne pouvaient pas l'affecter. Les souvenirs des palais de plaisirs, les visions de sa femme et de son fils, de la musique céleste, de la délicieuse nourriture, rien ne pouvait faire une brèche dans la détermination de ce chercheur de la vérité. (à suivre)

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
kimquang@free.fr
kimquangtu@hotmail.com



☐ Thế giới Cực Lạc là do tâm hiện ra. Tự tánh của ta là Tịnh Độ, tự tánh của ta là đức A Di Đà. Khi không còn vọng tưởng, thì tâm này chính là Tịnh Độ, khi không còn phiền não, thì tâm này chính là A Di Đà.

☐ Nếu như bạn chẳng tu hành thì dù đức Phật Thích Ca có làm thầy của bạn thì cũng chẳng có ích lợi gì.

☐ Nếu bạn hiểu (giác ngộ) thì chuyện gì cũng là ý của Tổ Sư. Nếu bạn không hiểu thì chuyện gì cũng tức tối nóng giận.

☐ Niềm vui ở trên đời thì ngắn ngủi, khoái lạc cứu cánh thì mới vĩnh cửu. Vì thế nên ta phải tu đạo.

☐ Le monde de la Fidélité vient de l'esprit. Notre nature véritable est Terre Pure ; c'est aussi Bouddha Amitabha. L'absence de toute pensée ou perception, c'est Terre Pure. L'absence de passions, c'est AMITABHA.

☐ Si soi-même n'est pas décidé à pratiquer la vertu, même en présence de Bouddha Sakyamouni comme Maître, cela ne nous apporte aucune aide.

☐ Si vous avez de l'Eveil, tout acte est voulu par les ancêtres. Si vous êtes ignorant, tout acte vous exaspère et rend coléreux.

☐ Le moment de joie est éphémère ; la Béatitude comme but final est éternelle. Pour cette raison, il est nécessaire de pratiquer la vertu religieuse.

Hoà Thượng Tuyên Hoá/Le Vénérable maître Hsuan Hua